

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM

KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Kỷ yếu:

HỘI THẢO KHOA HỌC

CHỦ ĐỀ

**NÂNG CAO TỶ LỆ TỐT NGHIỆP CỦA
SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ
KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG THƯƠNG TP.HCM**

Tp. HCM, ngày 18 tháng 6 năm 2022

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

LỜI MỞ ĐẦU

Trong thời gian gần đây tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp không đúng thời hạn đang là vấn đề quan tâm của các trường Cao đẳng đại học nói chung và trường Cao đẳng Công thương TP.HCM nói riêng, theo số liệu của phòng đào tạo trường Cao đẳng Công thương TP.HCM, Ngành QTKD XNK và QTKD tổng hợp là ngành có tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất so với sinh viên đầu khóa, tuy nhiên vẫn chỉ ở mức 59.32%, vẫn còn gần một nửa sinh viên chưa tốt nghiệp. Ngành Quản trị nhà hàng và khách sạn là hai ngành có tỷ lệ tốt nghiệp thấp, cá biệt là sinh viên khóa 2018 ngành quản trị khách sạn chỉ mới tốt nghiệp khoảng 25.83%. Nguyên nhân nào dẫn đến tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp không đúng thời hạn đây chính là lý do Khoa Quản trị kinh doanh tổ chức hội thảo "*Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên khoa quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công thương TP.HCM*", nhằm tìm ra các giải pháp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên trong thời gian tới và vận dụng các phương pháp dạy và học trong các bộ môn giảng dạy tại Khoa Quản trị Kinh doanh, nâng cao vai trò của cố vấn học tập, mục đích giảm tỷ lệ rớt môn, gia tăng tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên trong thời gian tới.

Trong việc biên tập bài viết của quý tác giả, Ban biên tập nhận thấy có 4 nhóm vấn đề được quan tâm chủ yếu: giảm tỷ lệ nợ môn nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, nâng cao chất lượng dạy học; ý thức tự học của sinh viên, vai trò của cố vấn học tập và chất lượng thực tập của sinh viên. Thông qua hội thảo này cũng là một dịp để các giảng viên trong khoa cùng nhau chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trong hoạt động dạy học và cố vấn học tập giúp các em sinh viên trong quá trình học giảm tỷ lệ nợ môn tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn.

Tham dự Hội thảo lần này, ngoài sự có mặt của tập thể cán bộ, giảng viên trong khoa, còn có sự tham gia và đóng góp ý kiến quý báu từ Ban lãnh đạo nhà trường và đại diện quản lý các phòng ban trong nhà trường.

Thay mặt Ban Tổ chức Hội thảo, chúng tôi trân trọng cảm ơn sự khích lệ, tạo điều kiện của Lãnh đạo Nhà trường; cảm ơn sự hỗ trợ, góp ý khách quan của các đại biểu quý thầy cô đã đóng góp bài viết cho hội thảo cũng như các ý kiến được đề xuất thông qua thảo luận tại hội thảo. Xin được cảm ơn những đóng góp chân tình và to lớn của Quý thầy cô, Quý đại biểu tham dự Hội thảo năm 2022 của khoa QTKD.

Chúc Quý thầy cô, Quý đại biểu nhiều sức khỏe và gặt hái được nhiều thành công trong quá trình dạy học. Chúc Hội thảo khoa QTKD thành công tốt đẹp.

BAN TỔ CHỨC

MỤC LỤC

ĐỀ XUẤT NHỮNG GIẢI PHÁP LÀM GIẢM TỶ LỆ NỢ MÔN GIA TĂNG TỶ LỆ TỐT NGHIỆP CHO SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM	4
ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI TỶ LỆ TỐT NGHIỆP ĐÚNG HẠN CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM.....	17
CẢI THIẾN ĐIỂM QUÁ TRÌNH CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH HƯỚNG ĐẾN GIẢM TỶ LỆ NỢ MÔN	27
ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN VTOS VÀO GIẢNG DẠY CÁC MÔN THỰC HÀNH NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM.....	33
GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN TỔ CHUYÊN NGÀNH NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN, KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH.....	39
VAI TRÒ CỦA CƠ VẤN HỌC TẬP ĐỐI VỚI CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH - TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	47
NÂNG CAO NHẬN THỨC HỌC TẬP VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	60
Ý THỨC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP.....	81
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC TẬP TỐT NGHIỆP CHO SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM.....	89
XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ DOANH NGHIỆP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH - TRƯỜNG CĐ CÔNG THƯƠNG TP.HCM	94

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

ĐỀ XUẤT NHỮNG GIẢI PHÁP LÀM GIẢM TỶ LỆ NỢ MÔN GIA TĂNG TỶ LỆ TỐT NGHIỆP CHO SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM

Vũ Nhật Tân – Trưởng khoa QTKD

ĐẶT VẤN ĐỀ

Học theo học chế tín chỉ tạo điều kiện cho sinh viên hoàn toàn chủ động trong kế hoạch học tập, thời gian học tập của mình. Những sinh viên xác định được động cơ, có quyết tâm, có phương pháp học tập tốt, chắc chắn sẽ rút ngắn được thời gian học tập của mình.

Tình trạng nợ môn học của sinh viên khoa quản trị kinh doanh (QTKD) ở tất cả các ngành và chuyên ngành đang ở mức báo động cao và ngày càng nghiêm trọng. Điều này dẫn đến nhiều nguy cơ và hệ lụy xấu đối với bản thân sinh viên, gia đình, nhà trường và xã hội.

Cũng như nhiều khoa chuyên ngành khác, việc nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng uy tín của khoa QTKD với vấn đề tăng tỉ lệ sinh viên qua môn, giữ chân người học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp là bài toán không hề dễ.

Giảm được tình trạng sinh viên nợ môn học là điều hết sức quan trọng vì điều này là yếu tố quyết định làm giảm tỉ lệ sinh viên bỏ học đồng thời nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp sớm, tốt nghiệp đúng thời hạn.

Vậy nguyên nhân nào khiến nhiều sinh viên nợ môn, học lại, bỏ học, tốt nghiệp không đúng thời hạn, học hoài không ra trường được của nhiều sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng trên cả nước hiện nay, trong đó có sinh viên khoa Quản trị kinh doanh Trường Cao đẳng Công thương TP. Hồ Chí Minh.

I. THỰC TRẠNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Bảng 1. Số môn học SV K 40 các ngành còn nợ

STT	Môn học	K40				K40 Total
		QTKD	QTKS	QTNH	XNK	
1	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	75	17	14	12	118
2	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	75	17	14	12	118
3	Nhóm môn tự chọn	140	20	22	30	212
4	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	47				47
5	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)		8			8
6	Kỹ năng mềm					
7	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)			8		8
8	Thực tập tốt nghiệp (XNK)				9	9
9	Tin học					
10	Giáo dục quốc phòng và an ninh					
11	Quản trị chiến lược	39				39

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

12	Kinh tế vi mô	29	2	5	4	40
13	Nguyên lý kế toán	24	3	4	6	37
14	Toán ứng dụng C					
15	Thuế trong kinh doanh	25				25
16	Quản trị nhân sự		3	1		4
17	Nguyên lý thống kê	21			5	26
18	Quản trị tài chính	37				37
19	Chính trị 2					
20	Chính trị 1					
21	Quản trị các hoạt động tài chính NH-KS					
22	Quản trị chất lượng (QT)	24			5	29
23	Quản trị ngoại thương	36				36
24	Quản trị hành chính văn phòng	20				20
25	Quản trị sản xuất	26				26
26	Anh văn 2	29	2	1	6	38
27	Quản trị marketing	23				23
28	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật NH-KS					
29	Quản trị học	11	1	1	5	18
30	Kế toán nhà hàng khách sạn					
31	Quản trị ẩm thực					

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của P. QLĐT

Bảng 2. Số môn học SV K 41 các ngành còn nợ

STT	Môn học	K41				K41Total
		QTKD	QTKS	QTNH	XNK	
1	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	92	47	38	26	203
2	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	92	45	38	26	201
3	Nhóm môn tự chọn	148	69	76	38	331
4	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	42				42
5	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)		24			24
6	Kỹ năng mềm					
7	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)			27		27
8	Thực tập tốt nghiệp (XNK)				11	11

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

9	Tin học	13	9	4	5	31
10	Giáo dục quốc phòng và an ninh	26	12	15	6	59
11	Quản trị chiến lược	19			6	25
12	Kinh tế vi mô	26			6	32
13	Nguyên lý kế toán	18			4	22
14	Toán ứng dụng C	22	11	18	4	55
15	Thuế trong kinh doanh	28			6	34
16	Quản trị nhân sự	30	14	18		62
17	Nguyên lý thống kê	18			5	23
18	Quản trị tài chính	29				29
19	Chính trị 2	23	7	13	6	49
20	Chính trị 1	18	7	10	4	39
21	Quản trị các hoạt động tài chính NH-KS		21	13		34
22	Quản trị chất lượng (QT)	21				21
23	Quản trị ngoại thương	35				35
24	Quản trị hành chính văn phòng	19				19
25	Quản trị sản xuất					
26	Anh văn 2	20	5	9	5	39
27	Quản trị marketing	22				22
28	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật NH-KS		10	9		19
29	Quản trị học	7	2	1	2	12
30	Kế toán nhà hàng khách sạn		10	15		25
31	Quản trị ẩm thực		9			9

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của P. QLĐT

Bảng 3. Số môn học SV K 42 các ngành còn nợ

STT	Môn học	K42				K42 Total
		QTKD	QTKS	QTNH	XNK	
1	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	243	184	130	115	672
2	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	243	183	130	114	670
3	Nhóm môn tự chọn	267	59	130	87	543
4	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	102				102
5	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)		157			157

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

6	Kỹ năng mềm	22	3	11	9	45
7	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)			92		92
8	Thực tập tốt nghiệp (XNK)				47	47
9	Tin học	35	7	21	15	78
10	Giáo dục quốc phòng và an ninh	17	1	9	30	57
11	Quản trị chiến lược	30			13	43
12	Kinh tế vi mô	22			7	29
13	Nguyên lý kế toán	35			9	44
14	Toán ứng dụng C	34			10	44
15	Thuế trong kinh doanh	28			12	40
16	Quản trị nhân sự	33				33
17	Nguyên lý thống kê	31			12	43
18	Quản trị tài chính	35				35
19	Chính trị 2	20	6	11	11	48
20	Chính trị 1	28	8	11	8	55
21	Quản trị các hoạt động tài chính NH-KS		58			58
22	Quản trị chất lượng (QT)	33				33
23	Quản trị ngoại thương					
24	Quản trị hành chính văn phòng	24				24
25	Quản trị sản xuất	51				51
26	Anh văn 2					
27	Quản trị marketing	22				22
28	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật NH-KS		10	13		23
29	Quản trị học	6	2	1	4	13
30	Kế toán nhà hàng khách sạn		7	10		17
31	Quản trị ẩm thực		15	11		26

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của P. QLĐT

Bảng 4. Số môn học SV K 43 các ngành còn nợ

STT	Môn học	K43				K43 Total
		QTKD	QTKS	QTNH	XNK	
1	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	449	237	202	194	1082
2	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	449	237	202	194	1082

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

3	Nhóm môn tự chọn	185	96	101	45	427
4	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	323				323
5	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)		236			236
6	Kỹ năng mềm		165	167	3	335
7	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)			198		198
8	Thực tập tốt nghiệp (XNK)				149	149
9	Tin học	21	16	10	5	52
10	Giáo dục quốc phòng và an ninh	18	5	4	4	31
11	Quản trị chiến lược	31			9	40
12	Kinh tế vi mô	22			8	30
13	Nguyên lý kế toán	18			6	24
14	Toán ứng dụng C	18			8	26
15	Thuế trong kinh doanh	19			4	23
16	Quản trị nhân sự	21				21
17	Nguyên lý thống kê	16			7	23
18	Quản trị tài chính	9				9
19	Chính trị 2					
20	Chính trị 1					
21	Quản trị các hoạt động tài chính NH-KS					
22	Quản trị chất lượng (QT)	8				8
23	Quản trị ngoại thương	16				16
24	Quản trị hành chính văn phòng	17				17
25	Quản trị sản xuất					
26	Anh văn 2					
27	Quản trị marketing	9				9
28	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật NH-KS		20	13		33
29	Quản trị học	12	5	10	2	29
30	Kế toán nhà hàng khách sạn		16	13		29
31	Quản trị ẩm thực		15	20		35

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của P. QLĐT

Bảng 5. Tổng hợp số môn học các ngành còn nợ

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

STT	Môn học	K40	K41	K42	K43	Total
1	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	118	203	672	1082	2075
2	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	118	201	670	1082	2071
3	Nhóm môn tự chọn	212	331	543	427	1513
4	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	47	42	102	323	514
5	Thực tập tốt nghiệp (QT khách sạn)	8	24	157	236	425
6	Kỹ năng mềm			45	335	380
7	Thực tập tốt nghiệp (QT nhà hàng)	8	27	92	198	325
8	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	9	11	47	149	216
9	Tin học		31	78	52	161
10	Giáo dục quốc phòng và an ninh		59	57	31	147
11	Quản trị chiến lược	39	25	43	40	147
12	Kinh tế vi mô	40	32	29	30	131
13	Nguyên lý kế toán	37	22	44	24	127
14	Toán ứng dụng C		55	44	26	125
15	Thuế trong kinh doanh	25	34	40	23	122
16	Quản trị nhân sự	4	62	33	21	120
17	Nguyên lý thống kê	26	23	43	23	115
18	Quản trị tài chính	37	29	35	9	110
19	Chính trị 2		49	48		97
20	Chính trị 1		39	55		94
21	Quản trị các hoạt động tài chính NH-KS		34	58		92
22	Quản trị chất lượng (QT)	29	21	33	8	91
23	Quản trị ngoại thương	36	35		16	87
24	Quản trị hành chính văn phòng	20	19	24	17	80
25	Quản trị sản xuất	26		51		77
26	Anh văn 2	38	39			77
27	Quản trị marketing	23	22	22	9	76
28	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật NH-KS		19	23	33	75
29	Quản trị học	18	12	13	29	72

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

30	Kế toán nhà hàng khách sạn		25	17	29	71
31	Quản trị ẩm thực		9	26	35	70

Qua thống kê 31 môn có 70 SV nợ môn trở lên, trong tổng số 124 môn, từ khóa 40 đến khóa 43.

- Nhóm môn chuẩn đầu ra nợ nhiều nhất: Anh văn 2.075 SV và Tin học 2.071SV. Do SV chưa chú trọng học tập trước mà đợi học xong các môn mới học hoàn thiện chứng chỉ ra trường. Do CVHT chưa chú trọng trong CTĐT là 2 môn điều kiện ra trường để tư vấn cho SV có kế hoạch học trước. Có thể do SV chưa nộp, chờ xét tốt nghiệp mới nộp.

- Tiếp đến là nhóm môn tự chọn là 1.513 SV.

- Nhóm môn thực tập tốt nghiệp QTKD và QTNH-KS 514 và 525 SV

- Môn kỹ năng mềm từ K40, 41 không có SV nợ môn lá do khóa này khoa QTKD đảm nhận; từ khóa 42 khoa KHCB dạy 45 SV nợ môn này và khóa 43 là 335 SV, dự kiến nợ khóa 44, 45 còn tăng nữa theo tỉ lệ tương ứng.

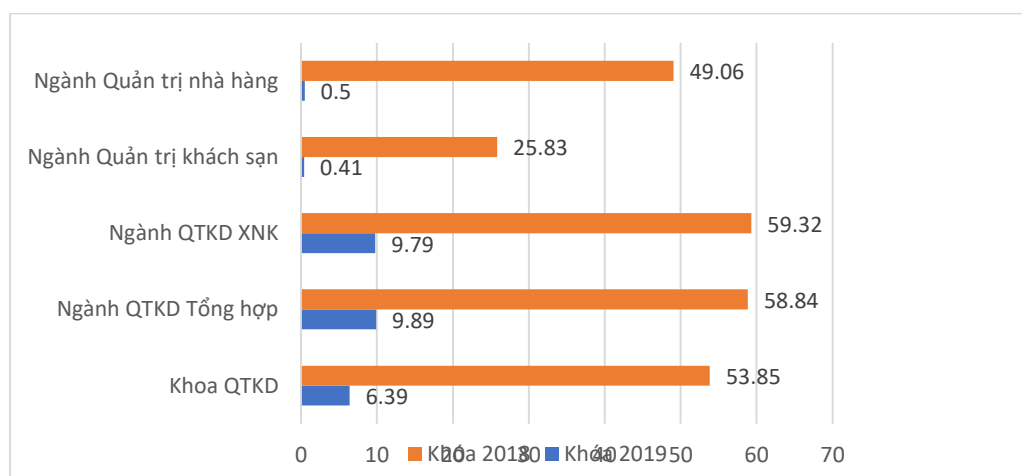
- Nhóm môn thực tập tốt nghiệp nhà hàng là 325 SV, XNK là 216 SV

- Nhóm các môn khoa khác dạy: GDQP là 147 SV, nguyên lý kế toán là 127 SV, nguyên lý thống kê là 115 SV, môn toán ứng dụng C là 125 SV. Chính trị 2: 55 SV, Chính trị 1 là 48 SV (của khóa 40 và 41) còn nợ lại.

- Nhóm các môn khoa QTKD dạy: thuế trong kinh doanh là 122 SV, quản trị nhân sự là 120, quản trị tài chính 110 SV (có giảm ở K43). Còn lại các môn có SV nợ môn dưới 100 SV như Quản trị chất lượng (QT), Quản trị ngoại thương, Quản trị hành chính văn phòng, Quản trị sản xuất (K 42).

SV nợ môn sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến việc học và hiệu quả học tập của các học kỳ tiếp theo. Mỗi học kỳ trượt một vài môn, cộng dồn lại sẽ "đuối", dễ chán nản, buông xuôi. Bên cạnh đó, khi bị nợ SV sẽ bị áp lực. Áp lực về việc học để trả nợ, rồi áp lực kinh tế, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng việc học lẫn cuộc sống. Đồng thời, học lại vừa tốn tiền bạc vừa tốn thời gian và có thể sẽ trở thành vòng luẩn quẩn chẳng bao giờ kết thúc.

Do nhiều sinh viên ở các ngành còn nợ môn học như phân tích ở trên nên hệ quả tất yếu là tỉ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn của cả khoa cũng như của các ngành duy trì ở mức thấp, được phản ánh qua hình 1.



Hình 1. Tỷ lệ sinh viên khóa 2018 và 2019 tốt nghiệp trước và đúng hạn so với sinh viên cuối khóa (ĐVT: %)

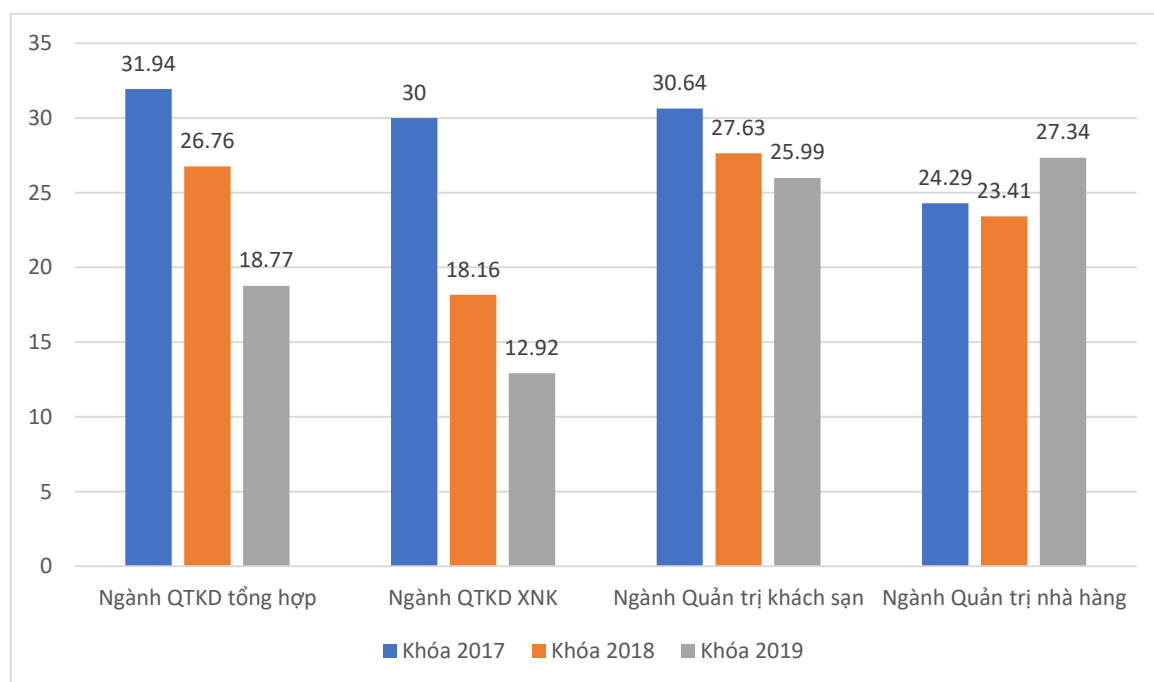
Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của P. QLĐT

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

- Ngành XNK và QTKD tổng hợp là ngành có tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất so với sinh viên đầu khóa, tuy nhiên vẫn chỉ ở mức 59.32%, vẫn còn gần một nửa sinh viên chưa tốt nghiệp. Điều này chịu một phần ảnh hưởng từ kết quả thống kê về số lượng môn học sinh viên còn nợ khi đa phần các môn học chuyên ngành đều thuộc về các ngành QTKD tổng hợp và XNK.

- Ngành Quản trị nhà hàng và khách sạn là hai ngành có tỷ lệ tốt nghiệp thấp, cá biệt là sinh viên khóa 2018 ngành quản trị khách sạn chỉ mới tốt nghiệp khoảng 25.83% so với số lượng sinh viên cuối khóa, tức chỉ chiếm một phần tư. Lý do dẫn đến tình trạng này là vì tình hình dịch bệnh nên nhiều môn thực hành nghiệp vụ không thể tổ chức. Đặc biệt là học phần thực tập tốt nghiệp cũng bị ngừng trệ vì các doanh nghiệp không hoạt động, nhất là với các khách sạn.

Việc các môn thực hành không được tổ chức trong giai đoạn học online cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên khóa 2019. Bởi lẽ các bạn phải học dồn cùng lúc nhiều môn học lý thuyết và thực hành, nhưng với tính chất khối lượng giờ của môn thực hành lớn (tối thiểu 75 giờ tương đương 15 tuần) nên việc học dồn cũng gặp nhiều khó khăn.



Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của P. QLĐT

Hình 2. Tỷ lệ sinh viên bỏ học so với sinh viên đầu khóa (ĐVT: %)

Hình 2 cho thấy tỷ lệ bỏ học của khóa 2018 và 2019 đang ở mức cao đối với các ngành Quản trị nhà hàng, Quản trị khách sạn và QTKD tổng hợp khi dao động ở khoảng 25%. Trong đó, hai ngành thuộc nhóm nhà hàng khách sạn có tỷ lệ bỏ học tương đối cao ở các khóa (trên 23%), một phần do chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch đến tâm lý sinh viên của các nhóm ngành này.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Số SV 2019 tốt nghiệp trước thời hạn là 50 chiếm 18,2% là do học vượt trong kỳ học online dịch Covid-19.

Còn với các ngành truyền thống của Khoa QTKD như QTKD tổng hợp và XNK thì tỉ lệ bỏ học tuy không cao nhưng vẫn ở mức đáng xem xét.

II. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TĂNG TỈ LỆ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hệ quả tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của các ngành nói riêng và cả Khoa nói chung duy trì ở mức thấp. Trong đó, nguyên nhân quan trọng là do: Nhiều sinh viên thi rớt và nợ môn; Số lượng sinh viên bỏ học nhiều (nếu tính tỉ lệ SV tốt nghiệp trên số lượng SV nhập học đầu khóa); Sinh viên học chậm so với tiến độ của chương trình đào tạo ngành học

Do đó, giải quyết được ba nguyên nhân trên, trong đó mấu chốt và khó khăn nhất là giảm tỉ lệ sinh viên thi rớt và nợ môn mà vẫn giữ được chất lượng đào tạo, sẽ cải thiện và tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn. Trên cơ sở đó, một số giải pháp và kiến nghị được đưa ra như sau:

1. Đối với sinh viên

Phải cố gắng và tích cực học tập, đặc biệt là những SV có sức học không tốt, dành thời gian cho việc đọc giáo trình, làm bài tập, xem lại bài giảng, chuẩn bị bài mới. Đồng thời phải xác định rõ mục tiêu và động lực học tập của mình

Tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng việc đi làm thêm. Vì khi đi làm thêm nhiều SV bị cuốn vào công việc, không còn thời gian học tập tốt, cũng như kiếm được tiền cảm thấy thích thú và xao nhãng việc học. Hệ quả là không ít sinh viên sau một thời gian đi làm thêm thì bỏ học, nghỉ học, thi rớt và ngày càng nợ môn. Mặc dù nhiều sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên phải bươn chải kiếm việc làm thêm để chi trả một phần học phí, tiền sinh hoạt; nhưng cũng có nhiều SV bị tác động rủ rê bởi bạn bè đi làm thêm để có thêm thu nhập, có thêm tiền bạc chi tiêu; hay không ít SV muốn tự khẳng định mình, muốn tự mình vừa đi học vừa tự kiếm sống, cũng như tiếp cận những thông tin như đi làm mới tốt, “trường đời” mới quan trọng. Lưu ý một số điểm liên quan đến xét tốt nghiệp:

- Mỗi năm học, Trường tổ chức 3 đợt xét tốt nghiệp: đợt cuối học kỳ hè (khoảng cuối tháng 08), đợt cuối học kỳ 1 (khoảng cuối tháng 12), đợt cuối học kỳ 2 (khoảng cuối tháng 07).

- Nếu tốt nghiệp đúng tiến độ, mỗi sinh viên cần ký vào "Danh sách xác nhận thông tin in bằng" theo lớp sinh hoạt của mình. Danh sách này do Trường lập, thông báo cho cán bộ lớp đến nhận và mỗi sinh viên cần kiểm tra, ký;

- Nếu tốt nghiệp không đúng tiến độ, mỗi sinh viên cần lập "Đơn đề nghị xét tốt nghiệp" trực tiếp từ website "Hệ thống thông tin sinh viên" và nộp cho Trường ở học kỳ mình dự kiến sẽ tốt nghiệp, trước thời hạn ghi trong thông báo của Trường. Nếu sinh viên không tốt nghiệp trong học kỳ đó thì đơn của sinh viên mặc nhiên hết hiệu lực; sang kỳ sau sinh viên phải làm đơn mới.

- Đối với các chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục QP-AN, Công nghệ thông tin, Ngoại ngữ:

+ Sinh viên nộp bản công chứng cho Trường (nộp tại Bàn số 5-6/ "Khu Hành chính một cửa") càng sớm càng tốt, vì cần phải có thời gian để Trường liên hệ nơi cấp xác thực chứng chỉ.

+ Sau khi nhận các chứng chỉ CNTT, Ngoại ngữ mà sinh viên nộp, bình thường Nhà trường cần ít nhất khoảng 2,5 tuần để xác thực chứng chỉ, nhưng cũng có trường hợp cần đến 30 ngày để xác thực chứng chỉ ngoại ngữ TOEIC, TOEFL, IELTS đã được cấp trước đó lâu ngày. Đối với chứng chỉ

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

ngoại ngữ do Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQĐN cấp thi sẽ mất ít thời gian hơn. Sinh viên dự thi lấy chứng chỉ CNTT tại Trung tâm Tin học Bách khoa (của Trường) thì không phải nộp chứng chỉ cho Trường.

+ Danh sách sinh viên có chứng chỉ CNTT được đăng tại http://sv.dut.udn.vn/G_ChungChiCNTT.aspx. Danh sách sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ được đăng tại http://sv.dut.udn.vn/G_ChungChiNN.aspx.

- Nếu có số tín chỉ tự chọn đã học vượt quá số tín chỉ tự chọn yêu cầu: Trước thời hạn theo thông báo của Trường, sinh viên có thể nộp đơn đề nghị hủy học phần tự chọn đã học nhưng có điểm thấp để nâng điểm trung bình tích lũy toàn khóa,

- Nếu có học phần học cải thiện nhưng tại thời điểm xét tốt nghiệp mà chưa có điểm, sinh viên sẽ nhận kết quả tốt nghiệp mà không tính đến học phần học cải thiện.

2. Đối với giảng viên giảng dạy

Đa số những sinh viên thi rớt rồi nợ môn là do các em lười học, thụ động trong học tập. Vấn đề này thầy cô ai cũng biết, nhưng làm sao để cải thiện điều đó; nói cách khác là có cách nào để các em siêng học hơn, học tập tích cực hơn hay không? Việc sinh viên lười học, thụ động trong học tập có phải hoàn toàn là do “lỗi” của em? Trước khi trả lời câu hỏi này thì mỗi giảng viên nên tự hỏi mình đã làm tròn trách nhiệm giảng dạy chưa; bài giảng đã sinh động, dễ hiểu, thường xuyên đổi mới chưa. Do đó cần phải thường xuyên nâng cao chất lượng bài giảng, đổi mới phương pháp giảng dạy để mỗi buổi học sinh động và hấp dẫn sinh viên hơn. Từ đó sinh viên sẽ hứng thú và có động lực học tập tốt hơn; cũng như cảm nhận rằng đi học, học bài là có được nhiều “lợi ích” chứ không phải chỉ là đối phó hay một nghĩa vụ.

Đối với các môn dạy chung cần thống nhất Chương trình môn học, thống nhất phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra điểm quá trình và đề thi kết thúc học phần.

Chú trọng biên soạn đề thi: Vừa sức, nội dung phải có trong CTMH, trong giáo trình và có dạy học, ra đủ thời gian làm bài.

Tăng cường tăng cường giám sát lớp, tránh tình trạng một số SV làm việc riêng trong giờ học; đồng thời, thường xuyên khuyến khích, nhắc nhở các em, đặc biệt là những SV thường xuyên nghỉ học, có sức học yếu.

Cần đầu tư nhiều công sức, chăm chút, tỉ mỉ trong việc ra đề thi để làm sao đề thi vừa đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng đầu ra, vừa đánh giá và phân loại được năng lực học tập của sinh viên nhưng không quá sức. Bên cạnh đó, giảng viên giảng dạy các lớp có sinh viên học lại (dựa vào danh sách lớp), nhất là các em này đang học cuối năm 2 và năm 3 thì có sự quan tâm sâu sát hơn; cũng như tạo điều kiện hỗ trợ, động viên các em học để có thể qua môn.

2. Đối với cố vấn học tập

Chú trọng tư vấn cho SV hai môn chuẩn đầu ra Anh văn và Tin học phân chia thời gian học tập trước, không để nước tới chân mới chạy, đợi học xong các môn mới học hoàn thiện chứng chỉ ra trường.

Tư vấn các môn chung tự chọn: chọn 1 trong 2 môn Nghệ thuật lãnh đạo hoặc Soạn thảo văn bản cho phù hợp với chuẩn đầu ra ngành quản trị kinh doanh, NH-KS.

Tư vấn các môn chuyên môn tự chọn: chọn 2 trong 5 môn chọn môn Tâm lý kinh doanh và Phân tích đầu và tư chứng khoán hoặc môn phù hợp với chuẩn đầu ra ngành quản trị kinh doanh, NH-KS.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Học vượt tốt nghiệp trước thời hạn nhưng phải bảo đảm chất lượng và đăng ký vừa sức học (07 môn/tuần), không đăng ký quá nhiều (trên 10 môn), SV quá tải, đuối sức dẫn đến chán nản, nợ môn.

Kết thúc mỗi học kỳ, mỗi năm học, cố vấn học tập kết hợp với phòng Đào tạo lập danh sách những sinh viên thi rớt, nợ môn, đặt biệt là các em nợ từ 2 môn trở lên để lên kế hoạch gặp gỡ trao đổi, tư vấn hỗ trợ lập kế hoạch học tập, cũng như động viên các em học trả nợ.

Thường xuyên hướng dẫn, tư vấn cho SV cách thức, phương pháp học tập và sử dụng thời gian hiệu quả. Phân tích cho các em biết được lợi ích và “chi phí” của việc đi làm thêm, tư vấn cách thức đi làm thêm hiệu quả. Bám sát chương trình đào tạo của ngành học; tư vấn, nhắc nhở các em đăng kí môn học phù hợp theo tiến độ; cân nhắc việc học vượt để tốt nghiệp sớm.

4. Đối với phòng Quản lý đào tạo

- Cung cấp danh sách SV sinh viên bỏ học, SV gần hết, hết thời hạn bảo lưu học tập để CVHT khoa nhắc nhở và liên hệ phụ huynh có tìm nguyên nhân, có biện pháp hỗ trợ.

- Môn kỹ năng mềm từ K40, 41 không có SV nợ môn là do khóa này khoa QTKD đảm nhận; từ khóa 42 khoa KHCB dạy 45 SV nợ môn này và khóa 43 là 335 SV, dự kiến nợ khóa 44, 45 còn tăng nữa theo tỉ lệ tương ứng:

- + Đề xuất mở thêm lớp cho 3 học kỳ để SV đăng ký học vượt và trả nợ môn.

- + Đề xuất mở nhóm module kỹ năng phù hợp chuyên ngành (QTKD, XNK và QTNH-KS) để SV cần cho ra trường kỹ năng nghề, đạo đức nghề nghiệp.

- Môn GDQP, nguyên lý kế toán, nguyên lý thống kê, môn toán ứng dụng C. Chính trị 1,2 (của khóa 40 và 41) còn nợ lại. Đề xuất các học kỳ mở các lớp học lại để SV trả nợ môn.

- Mở lớp học lại vào ngày chủ nhật (học cả ngày chủ nhật - 10 tiết), mở các môn học lý thuyết online buổi tối, nếu sinh viên có nhu cầu. Vì nhiều sinh viên còn nợ môn, nhất là SV năm 3, năm 4 nhưng đã đi làm, đi thực tập, không sắp xếp được thời gian để đi học lại trong giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần, hoặc đi học nhưng thường xuyên vắng dẫn đến kết quả lại rớt. Do mở lớp vào ngày cuối tuần, buổi tối đáp ứng nhu cầu sinh viên học lại; giảng viên, nhân viên phải đi làm vào ngày nghỉ nên có thể tăng học phí/tín chỉ để trả thêm chi phí cho phù hợp.

- Tăng cường thông báo đến gia đình sinh viên (có thể qua tin nhắn điện thoại và/hoặc thư đảm bảo chuyển qua đường bưu điện) tình hình học tập, nợ môn của các em trong quá trình học, sau mỗi học kỳ và năm học để gia đình nắm rõ tình hình học tập, nợ môn của con em mình.

5. Đối với Khoa Quản trị kinh doanh

Trường khoa chỉ đạo cho các Tổ trưởng căn cứ vào kỳ xét tốt nghiệp trước các SV còn nợ môn thì mở thêm lớp cho các em đăng ký và lựa chọn. Các môn trên 100 SV: thuế trong kinh doanh, quản trị nhân sự, quản trị tài chính. Các môn dưới 100 SV: Quản trị chất lượng (QT), Quản trị ngoại thương, Quản trị hành chính văn phòng, Quản trị sản xuất (K42).

Khoa sắp xếp kế hoạch giảng dạy theo học kỳ chọn 2 môn trên, ưu tiên mở lớp Nghệ thuật lãnh đạo cho các học kỳ vừa học theo tiến độ, học vượt và trả nợ môn. Các môn chung tự chọn 1 trong 4 môn (Nghệ thuật lãnh đạo, Soạn thảo văn bản, phương pháp nghiên cứu khoa học, tiếng việt thực hành B).

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Khoa sắp xếp các môn học chuyên môn tự chọn cho kế hoạch giảng dạy theo học kỳ chọn ưu tiên 2 môn phù hợp chuyên ngành nhất, cho các học kỳ vừa học theo tiến độ, học vượt và trả nợ môn.

Khoa phối hợp phòng QLĐT mở 3 đợt cho 3 học kỳ để SV có thời gian đi DN và làm báo cáo thực tập tốt nghiệp (nhóm môn thực tập tốt nghiệp QTKD, XNK và QTNH-KS).

Thống kê và đăng trên Website của Khoa các Ngành có các môn hủy bỏ (không còn mở lớp), các môn thay thế số tín chỉ, mã môn học. Đồng thời cập nhật các câu hỏi thường gặp chung của Khoa, các câu hỏi thường gặp riêng của từng ngành và chuyên ngành thông báo cho CVHT được biết để tư vấn

Tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp là một yêu cầu cấp bách, một nhiệm vụ quan trọng của Khoa hiện nay. Tuy nhiên, vấn đề này mang tính chiến lược dài hạn, cần có các giải pháp toàn diện cũng như sự chung tay của cả Trường. Do đó, không vì áp lực mà nóng vội, tạo ra những sức ép dẫn đến giảng viên cho điểm kiểm tra, điểm thi cũng như đề thi “nhẹ nhàng” giúp sinh viên dễ dàng qua môn để cải thiện được ngay tỷ lệ SV tốt nghiệp. Làm như vậy chỉ sau vài năm là chất lượng đào tạo của Khoa sẽ xuống dốc ngay và khi đó hệ quả là trầm trọng mà ai cũng có thể dự báo được.

Tổ chức các buổi giao lưu đầu khóa nhằm, tạo đàm với doanh nghiệp, diễn giả và cựu sinh viên, các câu lạc bộ học tập... giúp sinh viên hiểu được mình đang học cái gì, nghề nghiệp sau ra trường làm gì, đặc tính công việc, cơ hội việc làm, cách học và nghiên cứu; cũng như cách thức sử dụng, phân bổ thời gian... nhằm truyền lửa đam mê cho sinh viên, giúp các em có phương pháp học và sử dụng thời gian hiệu quả.

Các môn có tỷ lệ sinh viên rớt nhiều thì bộ môn phụ trách cần họp bàn tìm nguyên nhân và giải pháp cải thiện. Định kỳ rà soát lại chương trình đào tạo, thay thế các môn học tự chọn mà sinh viên ít đăng ký bằng các môn học mới. Đồng thời; xem xét điều chỉnh, phân bổ lại số lượng môn học và số tín chỉ giữa các năm, các học kỳ trong chương trình đào tạo sao cho cân đối; tránh áp lực học dồn vào học kỳ cuối năm 2 vì khi đó học những môn theo chương trình đã chiếm nhiều thời gian và sức lực nên sinh viên còn nợ môn khó có thể học trả nợ, hoặc học nhưng không đầu tư tương xứng nên vẫn nợ tiếp.

Phối hợp với phòng Đào tạo thông kê các môn học có nhiều sinh viên thi rớt, nợ môn; đề xuất phòng Đào tạo mở các lớp của những môn này ngay trong học kỳ tiếp theo để SV có thể nhanh chóng học lại và trả nợ.

6. Đối với Nhà trường

Đề xuất Nhà trường chỉ đạo quyết liệt hơn trong việc mở module phù hợp với các chuyên ngành của Khoa QTKD; Nên duy trì 02 giai đoạn đào tạo trong 01 học kỳ và chú trọng thời gian cho các môn học và thi nhiều đối với khoa QTKD có số lượng SV đông, nhằm tạo điều kiện học theo tiến độ, thi đúng hạn và có thời gian trả nợ môn.

Do đặc điểm Khoa có hai ngành học là Quản trị khách sạn và Quản trị nhà hàng, cũng như một số môn học của các ngành khác đòi hỏi yêu cầu thực hành, thực tế cao. Do đó, để nâng cao chất lượng dạy và học, tạo sự hứng thú và sinh động cho sinh viên; từ đó giảm lượng SV bỏ học cũng như tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp thì rất cần sự quan tâm đầu tư đúng mức của nhà trường về cơ sở vật chất, phòng thực hành với trang thiết bị đầy đủ, hiện đại.

KẾT LUẬN

Sinh viên nợ môn là một vấn đề rất hệ trọng và đáng báo động, vì nó ảnh hưởng lớn đến tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn cũng như tỉ lệ sinh viên bỏ học. Tuy nhiên, không vì điều này mà chúng ta lo sợ trách nhiệm, tạo ra những căng thẳng làm giảng viên “nhẹ nhàng” cho điểm kiểm tra, điểm thi cũng như đề thi giúp sinh viên dễ dàng qua môn, cải thiện được ngay thực trạng nợ môn

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

như hiện nay. Làm như vậy chẳng khác nào “chuốc họa vào thân” vì chẳng những nó chỉ có tác dụng giải quyết tình thế, mà còn về sau chất lượng đào tạo của Khoa sẽ đi xuống, rồi một ngày khoa sẽ vắng bóng sinh viên.

Vì vậy, rất cần sự quan tâm của thầy cô, giáo vụ khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm tới sinh viên và lực lượng hỗ trợ của nhà trường về chính sách đối với sinh viên. Nâng cao chất lượng tuyển sinh, nâng cao chất lượng đào tạo từ việc đổi mới chương trình đào tạo, chương trình môn học, giáo trình – bài giảng, nội dung và phương pháp giảng dạy, đổi mới cách ra đề thi, chấm thi đánh giá kết quả học tập. Chú trọng sinh hoạt đầu khóa, sinh hoạt câu lạc bộ, mở các lớp ngắn hạn để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ra trường sớm hòa nhập vào môi trường doanh nghiệp, mở các lớp chuyên đề về tương lai, triển vọng ngành nghề mình đang học và tương lai sau khi ra trường để củng cố lòng tin và sự yêu mến ngành nghề./.

Tài liệu tham khảo

1- Bảng tổng hợp xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên cao đẳng chính quy khóa 2019, tốt nghiệp sớm và các khóa trước học lại (đợt 1, tháng 4, năm 2022), Phòng quản lý đào tạo - Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM, ngày 18 tháng 4 năm 2022.

2- Bảng tổng hợp xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên cao đẳng chính quy – Khoa QTKD (xét tốt nghiệp đợt 1, tháng 4, năm 2022), Phòng quản lý đào tạo - Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM, ngày 18 tháng 4 năm 2022.

3- Danh sách sinh viên còn nợ môn học Khoa QTKD K2016, 2017, 2018 - HK2, 2021-20222 - Phòng quản lý đào tạo - Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM, ngày 03 tháng 6 năm 2022.

4- Biện pháp quản lý nhằm khắc phục tình trạng bỏ học của sinh viên trường đại học Hùng Vương Tp. Hồ Chí Minh, Phan Đức Thuần, năm 2013.

5-<https://tuyensinhso.vn/goc-sinh-vien/5-nguyen-nhan-chinh-khien-sinh-vien-de-bi-no-mon-hoc-lai-c46541.html>

6-<https://nld.com.vn/giao-duc-khoa-hoc/nhung-sinh-vien-khong-the-ra-truong-20120909085753618.htm>

**ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI TỈ LỆ TỐT NGHIỆP ĐÚNG HẠN
CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG
THƯƠNG TP.HCM**

Bùi Thị Thanh Phụng

TÓM TẮT

Tỉ lệ tốt nghiệp của trường Cao Đẳng Công Thương Tp. HCM đang ở mức thấp. Đây là vấn đề cần quan tâm tìm cách giải quyết. Bài báo cáo tập trung tìm hiểu nguyên nhân từ phía sinh viên khoa Quản trị kinh doanh (QTKD) các khóa từ K42 tới K45. Một số các nguyên nhân được đánh giá chủ yếu xuất phát từ phía sinh viên: do ý chí học tập hoặc chưa có kế hoạch học tập rõ ràng.

Từ khóa: sinh viên, tốt nghiệp, chất lượng

1.ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong vài năm gần đây, theo đánh giá của sở Lao Động Thương Binh và Xã Hội (Sở LĐ-TB-XH TP.HCM), tỉ lệ sinh viên cao đẳng tốt nghiệp thấp chỉ đạt 40-60% so với lượng đầu vào, khiến các trường cao đẳng, trung cấp phải tìm hiểu nguyên nhân từ đó đề ra những giải pháp để đáp ứng năng lực đào tạo và nhu cầu ngày càng tăng của doanh nghiệp. Đánh giá sơ bộ các nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tình trạng này là xuất phát từ phía sinh viên. Trong khuôn khổ bài báo cáo đề cập tới những nguyên nhân như việc chuẩn bị chứng chỉ Anh văn, Tin học và hoàn thành các môn Thực tập tốt nghiệp...Bên cạnh đó việc có kế hoạch học tập và định hướng chuẩn bị các yêu cầu bắt buộc khi tốt nghiệp cũng rất cần thiết.

2. THỰC TRẠNG TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHOA QTKD TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM

2.1 Quy định điều kiện sinh viên tốt nghiệp

Theo sổ tay cố vấn học tập khóa 2019-2022, điều 25 Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình; Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 10 từ 5,00 trở lên; Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định tại mục “chuẩn đầu ra” trong Sổ tay sinh viên; Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;

Trường hợp sinh viên có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đó.

Trường hợp sinh viên bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

Những quy định về chứng chỉ tiếng anh và tin học như sau cho sinh viên cao đẳng chính quy

❖ **Chứng chỉ tin học**

Tất cả các khóa: Lựa chọn 1 trong 4 phương án sau

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

- Phương án 1: Chứng chỉ Tin học ứng dụng cơ bản do Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM cấp.
 - Phương án 2: Chứng chỉ Tin học ứng dụng cơ bản của các trường Đại học hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp: phối chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
 - Phương án 3: Chứng chỉ MOS (Microsoft Office Specialist).
 - Phương án 4: Chứng chỉ ICDL (International Computer Driving Licence).
 - ❖ **Chứng chỉ tiếng anh, Sinh viên ngành QTKD cần đạt một trong các chứng chỉ sau:**
 - Chứng chỉ IELTS đạt 3.5 trở lên, A2
 - TOEFL 40
 - APTIS A2
 - TOEIC 300 (hai kỹ năng)
 - chứng chỉ tiếng anh A2 do Trung tâm Tin học- Ngoại ngữ Trường Cao đẳng Công thương Tp. HCM cấp
 - trình độ tiếng Nhật N5 trở lên.
- Đặc điểm của một vài chứng chỉ tiếng anh thường được sinh viên lựa chọn như sau:

Chứng chỉ	TOEIC	B2 tại trường	B2 tại trung tâm ngoài	Aptis tại trường	Aptis tại trung tâm ngoài
Đặc điểm	ôn thi và luyện 2 kỹ năng đọc, nghe	ôn thi và luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết	ôn thi và luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết	Ôn đề kì thi trước gồm reading, listening, writing, speaking và grammar	Ôn đề kì thi trước gồm reading, listening, writing, speaking và grammar
Chi phí học và thi (số tiền)	chi phí học 1 triệu/tháng, chi phí thi: 990.000	chi phí học 750.000/tháng, chi phí thi: 700.000	chi phí học 750.000/tháng, chi phí thi: 700.000	Tổng 1.500.000	Tổng 1.650.000
Độ khó (thang điểm 1 là rất dễ tới 5 là rất khó)	3.5	2.5	2.5	2	2
Thuận tiện khi đi học và thi (thang điểm 1	2.5	5	5	5	4.5

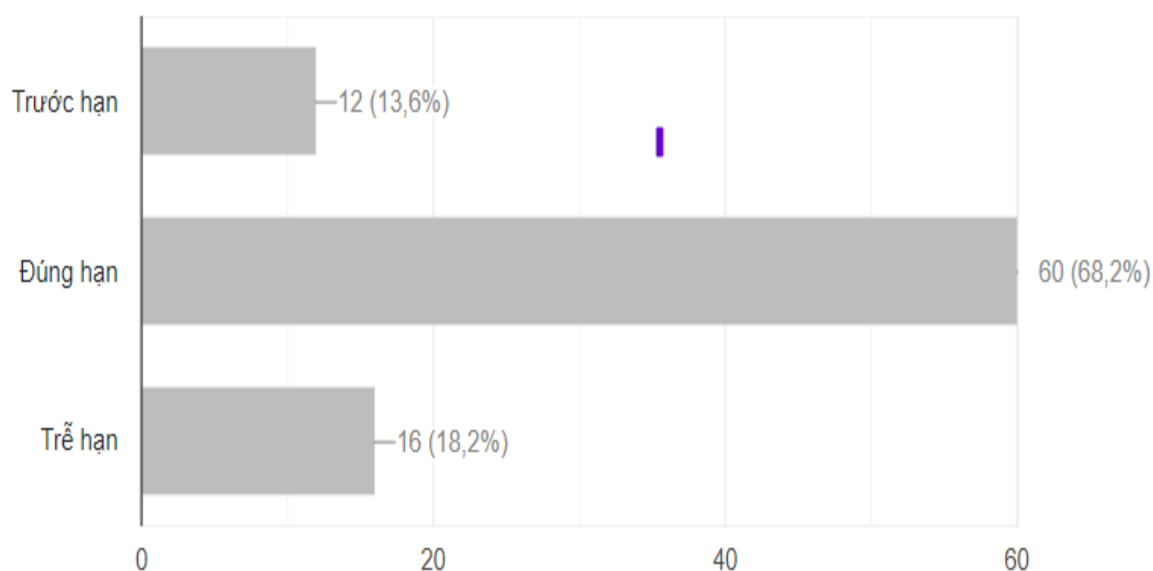
Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

là không thuận tiện tới 5 là rất thuận tiện)					
Giá trị sau khi tốt nghiệp	4.5	2	2	3	3

2.2 Thực trạng tốt nghiệp của sinh viên khoa QTKD

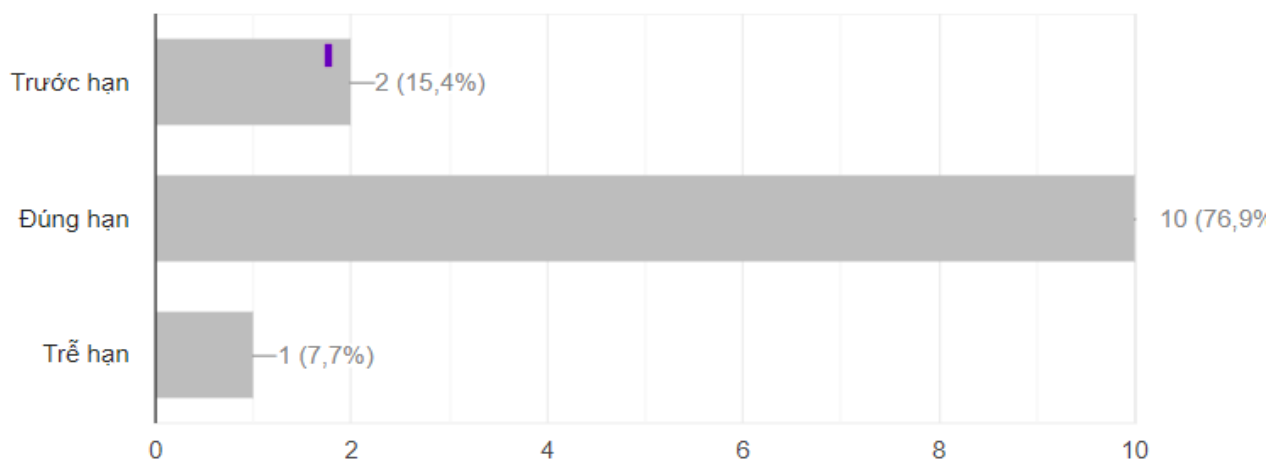
Khảo sát với 194 sinh viên khoa QTKD tất cả các ngành, trong đó có 40 SV K42, 88 SV K43, 49 SV K44 và 17 SV K45 kết quả như sau:

– Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên



Hình 1: Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên K42

Nguồn: Tác giả tính toán với số liệu khảo sát



Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Hìn 2: Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên K43

Nguồn: Tác giả tính toán với số liệu khảo sát

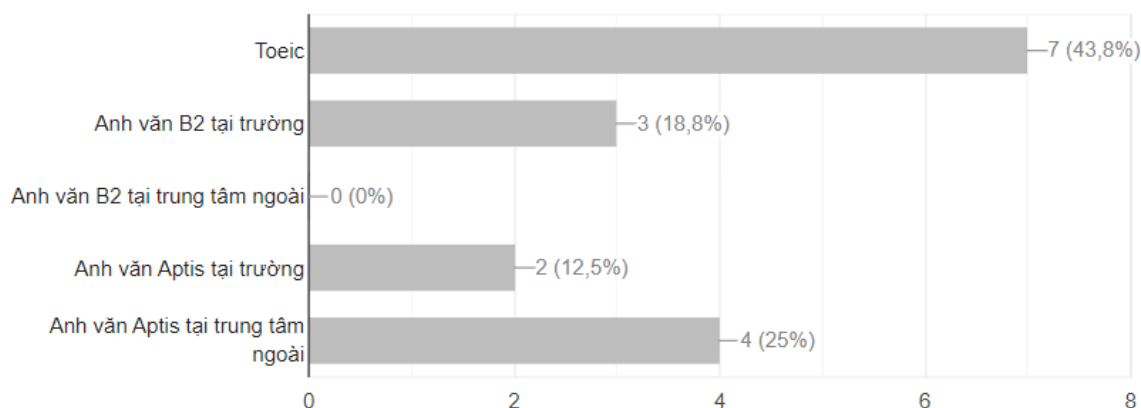
Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp trễ hạn K42 là 7.7% thấp hơn K43 là 18.2%. Lý do chủ yếu do dịch bệnh Covid khiến nhiều môn học của sinh viên không thể thực hiện được như Quốc Phòng, Giáo dục thể chất, Thực tập tốt nghiệp...

Về lý do khiến sinh viên tốt nghiệp trễ hạn. Với K42 chủ yếu do: Chứng chỉ anh văn (37%), Thực tập tốt nghiệp (25.9%) và chứng chỉ tin học 18.5%. Với K43 lý do chủ yếu do: Chứng chỉ anh văn (75%), chứng chỉ tin học (25%)

Như vậy chứng chỉ anh văn là lý do chính yếu khiến sinh viên ra trường không đúng thời hạn. Thực tập tốt nghiệp đối với K42 cũng là một yếu tố chủ yếu, tuy nhiên vấn đề này do điều kiện khách quan dịch bệnh covid nên có thể khắc phục được ngay khi dịch bệnh kết thúc.

– Về chứng chỉ tiếng anh sinh viên lựa chọn khi ra trường

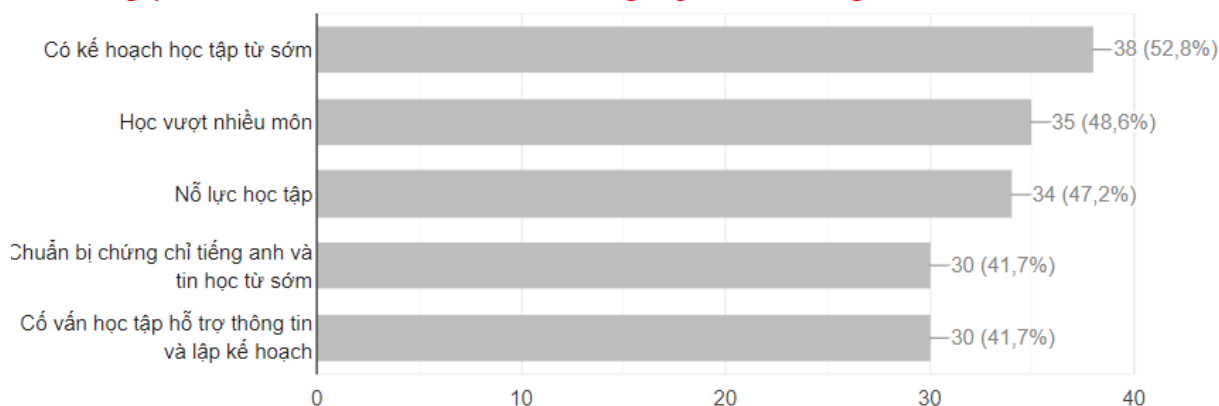
Tỉ lệ sinh viên lựa chọn chứng chỉ Aptis tại trung tâm ngoài là 58.3% tại K43 và 91.7% đối với K42. Tỉ lệ lựa chọn chứng chỉ Toeic tương ứng là 6% và 0%. Tới K44 tỉ lệ này tăng lên 43.8%



Hình 3: Tỉ lệ lựa chọn chứng chỉ tiếng anh để ra trường của sinh viên K44.

Nguồn: Tác giả tính toán với số liệu khảo sát

– Về nguyên nhân khiến sinh viên có thể tốt nghiệp sớm và đúng hạn



Hình 4: Tỉ lệ lựa chọn chứng chỉ tiếng anh để ra trường của sinh viên K44.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

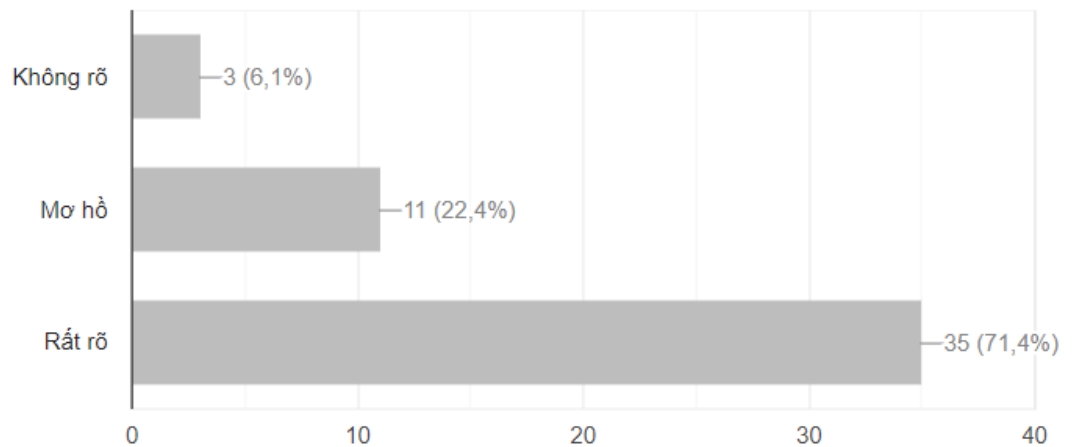
Nguồn: Tác giả tính toán với số liệu khảo sát

Như vậy: lý do chính khiến sinh viên tốt nghiệp đúng và trước hạn là nhờ có kế hoạch học tập từ sớm (52%), học vượt nhiều môn (48.6%) và nỗ lực bản thân (47%)

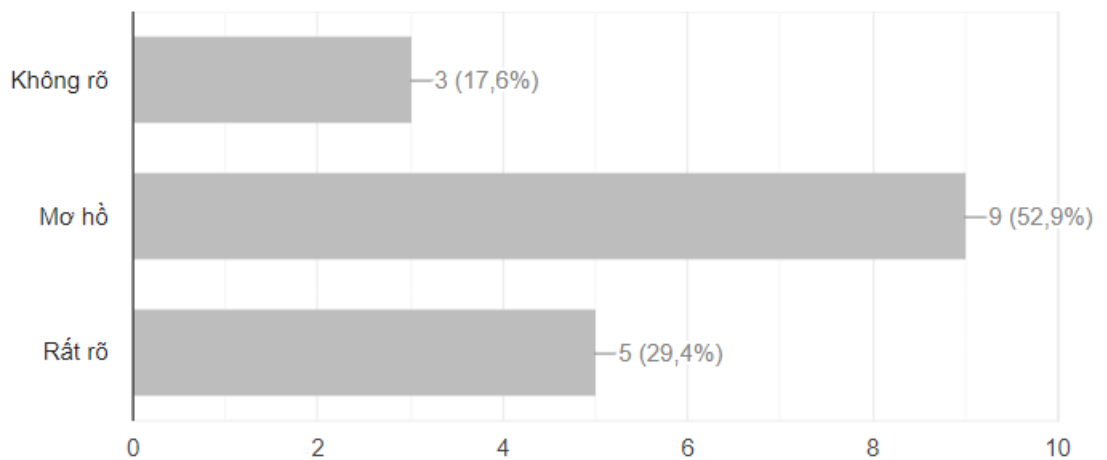
Khảo sát sinh viên hai khóa năm 1 và năm 2 kết quả như sau:

Sinh viên K44 đã hiểu rất rõ về điều kiện tốt nghiệp chiếm tới 71.4%, tuy nhiên tỉ lệ còn mơ hồ hoặc không rõ chiếm tới 28.5%.

– **Sinh viên hiểu về điều kiện tốt nghiệp**



Đối với K45 tỉ lệ lần lượt là: 29.4% và 68.6%.



Hình 5: Sinh viên hiểu về điều kiện tốt nghiệp.

Nguồn: Tác giả tính toán với số liệu khảo sát

Dựa trên kết quả khảo sát về sự hiểu biết của sinh viên K44 và K45 về các điều kiện tốt nghiệp thì tỉ lệ sinh viên K45 nắm được những yêu cầu để ra trường còn thấp. Điều này chứng tỏ SV chưa có hiểu biết và mục tiêu rõ ràng ngay từ năm nhất để hoàn thành mục tiêu tốt nghiệp đúng hạn.

3. GIẢI PHÁP VÀ KẾT LUẬN

Dựa vào kết quả phân tích thực trạng tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên chính qui khoa QTKD tác giả đưa ra một đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên như sau:

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

3.1. Giải pháp từ sinh viên

Thứ nhất, trong điều kiện các em SV sống xa nhà, thiếu sự quan tâm hàng ngày của cha mẹ và gia đình. Các em không tự cố gắng và nỗ lực bản thân nên thời gian lên lớp đến lớp cũng không thực hiện được nghiêm túc. Những sinh viên hay nghỉ học thường viện có kiến thức trên giảng đường chẳng áp dụng được vào thực tiễn mấy nên không chú trọng nhưng sự thật không có điều gì được dạy mà vô bổ cả.

SV nghiêm túc và có cố gắng cũng đồng thời là những người không bao giờ nghỉ học luôn chuyên cần, luôn chú trọng đến từng kiến thức nhỏ nhất được các thầy cô truyền tải. Trước khi muốn làm được những việc lớn, hãy là một sinh viên có trách nhiệm với bản thân và có ý thức học tập nghiêm túc trước đã. Sự hời hợt với chuyện học hành ngày hôm nay rất có thể sẽ trở thành tính cách đi theo trên hành trình phía trước, mà một khi những thói quen không tốt ăn sâu vào suy nghĩ và hành động rồi thì không dễ để có thể thay đổi được. Thực tế trong quá trình giảng dạy đã cho thấy có một số các bạn SV đã nhận ra mình bỏ lỡ rất nhiều kiến thức quan trọng chỉ vì không đến lớp khi còn học tại trường, SV thiếu những kiến thức nền tảng để giải quyết vấn đề khi đi làm thực tế vì không coi trọng việc đi học và nghe giảng. sinh viên nào cũng có những dự định và hoài bão lớn sau khi ra trường như phải làm ở doanh nghiệp lớn này, phải đạt được mức lương bằng từng này,... Kế hoạch thì nhiều lắm nhưng từng bước nhỏ để hiện thực hóa chúng thì lại không chú tâm, đôi khi không biết mình đang học đến đâu hay đã học được những gì. Do đó các cố vấn học tập các giảng viên khi đến lớp giúp cho SV nhận thức rằng việc học là vô cùng cần thiết, là điều bắt buộc, học cho mình, học để có kiến thức, để biết, để làm và để sống... SV phải tự mình trả lời 3 câu hỏi: lý do học, học cái gì và học như thế nào, từ đó SV sẽ học một cách tích cực hơn.

Thứ hai, do môi trường đại học cao đẳng khác xa với môi trường phổ thông, đa số SV học xa nhà, xã hội có nhiều sự cám dỗ... vì vậy, để đạt được kết quả học tập tốt, điều quan trọng là SV phải tự giác học tập; phải xác định rõ mục tiêu học tập, xây dựng thời gian biểu hợp lý giữa các môn học, hình thức tự học, cố gắng tập trung nghe giảng trên lớp, hạn chế việc nghỉ học.

SV cần xác định phương pháp học tập phù hợp. Nếu có phương pháp học đúng đắn thì SV sẽ đạt được kết quả cao hơn và có hứng thú hơn với việc học. Một số SV có hoàn cảnh khó khăn phải đi làm thêm giờ, SV phải biết việc làm thêm giờ là hỗ trợ cho việc học trong thời gian khó khăn, không phải là bỏ học để làm kiếm tiền. Do đó SV phải sắp xếp thời gian hợp lý để cân đối giữa học tập, làm việc và giải trí để quá trình làm việc đạt hiệu quả cao hơn và quá trình học tập cũng được cải thiện. SV cũng nên sắp xếp thời gian rảnh rỗi lên thư viện để đọc sách, nghiên cứu thêm tài liệu; tham gia các hoạt động ngoại khóa bổ ích, phù hợp với chuyên ngành của mình.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Thứ ba, nên định hướng nghề nghiệp rõ ràng và tư vấn cho các em chọn ngành để các em hiểu các em thích thú trong việc học và việc làm sau này. Vì vậy nhà trường cần giáo dục tư tưởng cho sinh viên đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất để học tránh tình trạng đang học trường này lại qua trường khác, đang học ngành này nhảy qua ngành khác. Đồng thời nhà trường tăng cường giáo dục và quản lý sinh viên để SV tập trung sức lực và thời gian đầu tư vào trong quá trình học tập, tránh sao nhãng và sa đà vào những hoạt động không lành mạnh.

Thứ tư, giảng viên cần tạo điều kiện, hỗ trợ SV trong quá trình tự học, nên phối hợp nhiều phương pháp giảng dạy để tạo sự hứng thú cho SV, giúp SV tích cực tham gia xây dựng bài học và nâng cao ý thức tự học.

2.1. Nhóm giải pháp từ phía thầy cô giảng viên

❖ Giải pháp từ thầy cô giảng dạy

Giảng viên là nhân tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành và phát triển năng lực tự học của sinh viên. Vì thế, nhóm giải pháp này đề cập những nội dung làm tăng hiệu quả quá trình tương tác giữa thầy và trò, nhờ đó giảng viên không chỉ mang đến cho sinh viên kiến thức mà còn cả động lực và phương pháp phù hợp để họ học hỏi và áp dụng trong quá trình nâng cao năng lực tự học của bản thân.

Một là, kiến thức là yếu tố quan trọng hàng đầu trong quá trình tương tác giữa thầy và trò. Do đó, giảng viên phải thường xuyên nâng cao chất lượng bài giảng, thể hiện ở nội dung học thuật và tính cập nhật của kiến thức chuyên môn cũng như thực tiễn.

Hai là, áp dụng tốt các phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp với đặc thù môn học và khai thác có hiệu quả các phương tiện giảng dạy hiện đại. Thực tiễn giảng dạy cho thấy, đối với các ngành thuộc khoa học xã hội, để giờ giảng đạt được hiệu quả và góp phần nâng cao năng lực tự học của sinh viên, phải sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp như: thuyết trình, nêu vấn đề, gợi mở, tạo tình huống, người học cùng tham gia,... Tuy nhiên, thuyết trình vẫn là phương pháp chủ đạo, nhưng phải là thuyết trình có đổi mới, cách tân theo hướng kích thích tính tích cực, sáng tạo của người học, buộc người học phải luôn động não, nghĩa là trong thuyết trình có nêu vấn đề, phát vấn, tạo tình huống,... để người học suy nghĩ, tự lý giải, tự liên hệ, vận dụng vào thực tiễn, qua đó tạo hiệu ứng tốt cho lớp học và năng lực tự học của sinh viên cũng được trực tiếp bồi đắp. Cũng cần lưu ý rằng, việc lựa chọn, sử dụng những phương pháp nào và mức độ sử dụng ra sao tùy thuộc vào nội dung và đặc điểm môn học (thậm chí phụ thuộc vào từng bài trong môn học), vào mục tiêu mà chủ thể giảng dạy đặt ra, vào đối tượng người học và điều kiện, phương tiện vật chất cần thiết phục vụ cho quá trình dạy và học. Mặt khác, cần nhận thức rõ ràng, dù áp dụng phương pháp giảng dạy nào thì

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

cũng phải nhằm đạt được mục tiêu là giúp cho người học dễ hiểu bài, nắm được bản chất của vấn đề và đặc biệt là kích thích được tư duy sáng tạo, tính tích cực và năng lực tự học của họ. Ngoài ra, cần tăng cường dạy sinh viên cách học, có cách dạy để sinh viên buộc phải tích cực tự học và kiểm tra sát sao việc tự học của sinh viên.

Ba là, tăng cường tổ chức cho sinh viên thảo luận, đảm bảo đủ thời lượng theo qui định. Đây là một hình thức dạy và học tích cực thông qua trao đổi, chất vấn, đối thoại giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên, qua đó giúp sinh viên nắm kiến thức lý thuyết và thực tiễn của môn học tốt hơn, nhất là buộc sinh viên phải tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu để phục vụ cho việc thảo luận. Trong trường hợp thảo luận nhóm, giảng viên nên chia nhóm nhỏ và hoạt động với cường độ cao (cho nhiều câu hỏi cùng một lúc để mọi người cùng tham gia) để tất cả sinh viên đều động não, tích cực tìm hiểu và nghiên cứu. Đồng thời, thực hiện hình thức sinh viên thuyết trình những phần giảng viên không giảng. Hình thức này giúp cho năng lực tự học của sinh viên được cải thiện rõ rệt vì sinh viên phải tự nghiên cứu, hiểu rõ vấn đề và tự trình bày. Tuy nhiên, hạn chế của nó là không đủ thời gian cho tất cả sinh viên và thường chỉ những sinh viên đã có năng lực thực hiện. Để giải quyết tình trạng này, giảng viên nên yêu cầu bài thuyết trình ngắn gọn, súc tích và đặt câu hỏi tương tác với các sinh viên không có cơ hội thuyết trình,... Trong thảo luận, thuyết trình, giảng viên cần khuyến khích chất vấn, tranh luận, lôi cuốn sự tham gia đông đảo của sinh viên; có nhận xét, đánh giá tinh thần làm việc, chất lượng bài thảo luận, thuyết trình...; khích lệ, động viên đúng mức, tạo động lực (cộng điểm cho sinh viên chẳng hạn) để gia tăng tinh thần học tập của sinh viên.

Bốn là, tích cực hướng dẫn sinh viên viết tiểu luận môn học, làm các bài tập lớn. Hình thức này có tác dụng giúp sinh viên làm quen với nghiên cứu khoa học, hiểu sâu hơn những vấn đề cơ bản của môn học, bước đầu biết gắn lý luận với thực tiễn, góp phần rèn luyện kỹ năng viết của sinh viên. Để làm tiểu luận và các bài tập lớn, sinh viên phải thu thập và xử lý thông tin, phải đọc, phải viết, nghĩa là phải sử dụng các phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, qua đó góp phần nâng cao năng lực tự học.

Năm là, thông qua hoạt động giảng dạy, giảng viên cần làm cho sinh viên có nhận thức đúng về vai trò to lớn của hoạt động tự học, tự nghiên cứu và truyền đam mê cho họ.

Đồng thời, chủ động và tích cực hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, đây là một nhiệm vụ mà giảng viên phải thực hiện khi áp dụng đào tạo theo tín chỉ. Ngay từ buổi lên lớp đầu tiên, giảng viên cung cấp cho sinh viên đề cương môn học; nêu rõ những nội dung sinh viên tự học,

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

tự nghiên cứu; giới thiệu tài liệu học tập; có biện pháp thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học của sinh viên (một trong những biện pháp đó là các vấn đề thảo luận, đề kiểm tra, đề thi luôn có những nội dung giao cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu), qua đó buộc họ phải tự giác trong công việc tự học, tự nghiên cứu.

Sáu là, đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo quá trình, gồm đánh giá việc học tập trên lớp và thông qua các bài thi, kiểm tra, tiểu luận. Dù thi dưới hình thức nào thì trong đề thi, đề kiểm tra luôn có 2 phần: kiến thức môn học và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn. Theo đó, khi đánh giá bài thi, bài kiểm tra, không dừng lại ở việc xem xét mức độ thuộc bài của người học, mà phải nhìn nhận và đánh giá cao sự hiểu biết bản chất vấn đề, năng lực tư duy và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nhất là những kiến thức mà người học có được nhờ việc tự học, tự nghiên cứu.

Giải pháp từ thầy cô cố vấn học tập

Trước hết, CVHT là người giúp sinh viên hiểu rõ hơn ngành học mà sinh viên đã lựa chọn, giúp sinh viên khẳng định lại quyết định lựa chọn ngành nghề mà trước đây do thiếu thông tin có thể họ chưa thật hiểu hết những ngành nghề mà họ đã chọn. CVHT làm cho sinh viên hiểu rõ hơn ngành nghề tương lai của mình, những đặc thù nghề nghiệp, cơ hội việc làm trong tương lai và cả những phẩm chất cần có để hành nghề được thuận lợi nhất để tạo động lực cho SV. CVHT giúp sinh viên ổn định tâm lý, chuẩn bị tâm thế cho một chương trình học tập của sinh viên trong trường Đại học.

Thứ hai, CVHT giúp sinh viên xây dựng định hướng và kế hoạch học tập, trong đó CVHT phải giúp sinh viên hiểu rõ mục tiêu, nội dung, chương trình môn học, lộ trình học tập của các giai đoạn, các năm học. CVHT tư vấn giúp sinh viên hiểu rõ mục tiêu của từng môn học, những điều kiện tiên quyết khi lựa chọn môn học và xác định môn nào học trước, môn nào học sau và những nội dung cần giải quyết để hoàn thành tốt nhất môn học. Nếu CVHT là giảng viên trực tiếp giảng dạy các môn học cụ thể của nhóm hay lớp mình làm cố vấn thì có thể tư vấn cho sinh viên những vấn đề cụ thể hơn như xác định những vấn đề nào cần giải quyết ở trên lớp, vấn đề nào làm việc theo nhóm, vấn đề nào sinh viên tự học ở nhà và hướng dẫn những hoạt động tự học cho sinh viên...

Thứ ba, CVHT là người hướng dẫn sinh viên lựa chọn và tìm kiếm các phương tiện học tập, các nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập một cách có hiệu quả. Hơn ai hết CVHT cũng là các giảng viên nắm rõ tình hình trang thiết bị, phòng thí nghiệm và các nguồn tài liệu phục vụ học tập của cơ sở đào tạo rõ nhất, vì vậy họ sẽ là người tư vấn, hướng dẫn tốt nhất cho sinh viên trong quá trình học tập ở trên lớp và tự học ở nhà. CVHT giúp sinh viên rút ngắn quá trình tìm kiếm tài

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

liệu và lựa chọn những tài liệu đáng tin cậy nhất để học tập và tham khảo. CVHT cũng có thể là người trọng tài phân xử những tranh luận của sinh viên trong việc lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập.

Thứ tư, đội ngũ CVHT là người theo dõi sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên và kế hoạch, tiến độ học tập của sinh viên. CVHT không chỉ kiểm tra quá trình học tập ở trên lớp mà còn kiểm tra quá trình tự học của sinh viên, kịp thời uốn nắn những lệch lạc trong học tập và thực hiện kế hoạch, tiến độ học tập của sinh viên, kịp thời đưa ra những lời khuyên bổ ích, giúp sinh viên tự điều chỉnh những lệch lạc có thể xảy ra.

Thứ năm, với sự gần gũi với sinh viên, hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của họ, CVHT có thể là người mà sinh viên tin cậy để tư vấn cho họ những vấn đề trong cuộc sống, là tấm gương để thực hiện nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho sinh viên, thực hiện nhiệm vụ giáo dục toàn diện trong đào tạo của nhà trường.

Về phía khoa QTKD

- Tích cực truyền thông về điều kiện tốt nghiệp, các chứng chỉ cần thiết để tốt nghiệp cho sinh viên nắm rõ.
- Thông tin về các đợt xét tốt nghiệp cho sinh viên chuẩn bị.

3.2 Kết luận

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn phản ánh một phần chất lượng đào tạo của nhà trường cũng như của khoa QTKD. Yếu tố quan trọng xuất phát từ bản thân sinh viên. Tuy nhiên sự hỗ trợ của nhà trường, khoa QTKD và cố vấn học tập cũng vô cùng quan trọng. Chính vì thế cần có sự theo dõi sát sao và hỗ trợ sinh viên kịp thời.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Phương Lan, Chu Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Khánh Trinh (2016), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng có việc làm của sinh viên Đại học Ngoại thương sau khi tốt nghiệp, Tạp chí Kinh tế đối ngoại (số 84), Đại học Ngoại thương.

2. Phan Thị Ngọc Khuyên và Nguyễn Huy Hoàng (2016), Hiện trạng việc làm và các nhân tố kỹ năng cần thiết cho việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế Trường Đại học Cần Thơ

3. Sổ tay cố vấn học tập (2019), phòng quản lý đào tạo, Trường Cao đẳng Công thương TP. HCM

CẢI THIẾN ĐIỂM QUÁ TRÌNH CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH
DOANH HƯỚNG ĐẾN GIẢM TỶ LỆ NỢ MÔN

Nguyễn Sơn Tùng
Phan Nguyễn Phong Luân

Tóm tắt

Trong cơ chế đánh giá kết quả học tập của sinh viên hiện nay thì điểm quá trình chiếm tỷ trọng 40% nên phần điểm này có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập chung. Nếu xét đến mục tiêu giảm tỷ lệ nợ môn thì việc cải thiện điểm quá trình sẽ tạo cơ hội để sinh viên có thể qua môn một cách dễ dàng. Dựa trên cơ sở dữ liệu thứ cấp cũng như kinh nghiệm thực tế trong quá trình giảng dạy, tham luận hệ thống lại những sự ảnh hưởng của điểm quá trình đến kết quả học tập của sinh viên. Từ đó, tham luận đưa ra các ý kiến đề xuất đối với các bên liên quan như nhà trường, giảng viên và sinh viên nhằm cải thiện điểm quá trình một cách hiệu quả, hướng đến giảm tỷ lệ nợ môn và gia tăng tỷ lệ tốt nghiệp.

Từ khóa: điểm quá trình, nợ môn, kết quả học tập, xét tốt nghiệp

1. Đặt vấn đề

Đánh giá luôn là một giai đoạn quan trọng trong công tác giảng dạy ở bất kỳ cơ sở giáo dục nào. Đối với sinh viên, việc đánh giá là cơ hội để người học thực hiện các hoạt động trí tuệ, tự xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự điều chỉnh phương pháp học tập và hình thành động lực phấn đấu hơn trong tương lai (Nguyễn Thị Hồng Nam & Trịnh Quốc Lập, 2008). Về cơ bản, việc đánh giá kết quả học tập cũng là căn cứ để công nhận sinh viên đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và mục tiêu của môn học và được qua môn. Tuy nhiên, thực tế hiện nay việc sinh viên nợ môn, tức không đáp ứng được yêu cầu của việc đánh giá, vẫn còn diễn ra với số lượng đông đảo. Điều này về mặt tích cực giúp sinh viên có cơ hội để cải thiện, trau dồi thêm kiến thức còn thiếu nhưng mặt khác cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý sinh viên và đặc biệt là đến tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm.

Điều này đặt ra yêu cầu về việc đưa ra những giải pháp nhằm giảm tỷ lệ nợ môn, hướng đến gia tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của sinh viên. Theo đó, việc cải thiện điểm quá trình của sinh viên, vốn là một thành phần quan trọng cấu thành điểm tổng kết môn học, có thể xem là một trong những giải pháp nhằm giải quyết tình trạng này. Thêm vào đó, việc cải thiện chất lượng đánh giá quá trình cũng hướng đến mục đích cuối cùng là thúc đẩy sự tiến bộ không ngừng của người học (Tăng Thị Thu Thùy & Nguyễn Thị Cẩm Lệ, 2021). Tham luận được thực hiện với mục tiêu hệ thống hóa sự ảnh hưởng của điểm quá trình đến kết quả học tập của sinh viên. Từ đó, tham luận đưa ra những ý kiến đề xuất nhằm cải thiện hoạt động đánh giá điểm quá trình, hướng đến giảm tỷ lệ nợ môn và gia tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn.

2. Cơ chế đánh giá kết quả học tập của sinh viên hiện nay

Theo Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng theo hình thức tín chỉ, điểm trung bình của môn học bao gồm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0.4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0.6 (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, 2022). Có thể thấy rằng điểm quá trình chiếm tỷ trọng không nhỏ trong tổng điểm môn học cũng như có thể ảnh hưởng lớn đến kết quả sinh viên có qua môn hay không. Cũng theo quy chế, các điểm kiểm tra được tính trung bình trọng số 0.4 bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1 và điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2 (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, 2022). Điều này tạo cơ hội cho sinh viên được đánh giá một cách xuyên suốt trong quá trình học, hạn chế việc quá phụ thuộc vào kết quả của một bài kiểm tra duy nhất.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Hoạt động đánh giá quá trình, đánh giá thường xuyên cũng được quy định với trách nhiệm thuộc về giảng viên tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng nhiều hình thức khác nhau (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, 2022). Các hình thức này có thể bao gồm: quan sát hoạt động của sinh viên, làm bài tập về nhà, hỏi đáp tương tác trực tiếp trên lớp, bài tập nhóm trên lớp, bài kiểm tra nhỏ dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm/ trò chơi (quiz & test)... (Phan Thị Thanh Lương, 2015). Quy trình tổ chức và số lượng bài kiểm tra thường xuyên được thực hiện theo quy định của hiệu trưởng, đảm bảo mỗi môn học có ít nhất một cột điểm kiểm tra định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, 2022).

3. Ảnh hưởng của điểm quá trình đến kết quả học tập

Theo kết quả thống kê thì số sinh viên có kết quả đánh giá tổng kết dưới mức quy định (nợ môn) hiện nay của Khoa Quản trị kinh doanh (QTKD), trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM vẫn còn rất lớn, dao động từ 50 đến 120 sinh viên mỗi môn. Kết quả 10 môn học có số lượng sinh viên Khoa QTKD còn nợ cao nhất (đã loại bỏ những môn đặc thù không học trên lớp như Anh văn chuẩn đầu ra, Tin học chuẩn đầu ra, Thực tập tốt nghiệp, Giáo dục quốc phòng...) được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. 10 môn học sinh viên Khoa QTKD còn nợ môn nhiều nhất

STT	Môn học	Số lượng sinh viên nợ môn				
		K40	K41	K42	K43	Tổng
1	Nhóm môn tự chọn	212	331	543	427	1513
2	Kỹ năng mềm	-	-	45	335	380
3	Tin học	-	31	78	52	161
4	Quản trị chiến lược	39	25	43	40	147
5	Kinh tế vi mô	40	32	29	30	131
6	Nguyên lý kế toán	37	22	44	24	127
7	Toán ứng dụng C	-	55	44	26	125
8	Thuế trong kinh doanh	25	34	40	23	122
9	Quản trị nhân sự	4	62	33	21	120
10	Nguyên lý thống kê	26	23	43	23	115

(Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo, 2022)

Kết quả trên cho thấy số lượng các môn mà sinh viên còn nợ đa phần thuộc vào nhóm các môn lý thuyết. Loại trừ những nguyên nhân khách quan và chủ quan như sức khỏe, bỏ thi, bỏ học... thì số lượng sinh viên đạt điểm tổng kết dưới 5.0 vẫn chiếm đa số trong danh sách nợ môn. Các môn học lý thuyết này đa phần thuộc nhóm các môn cần tính toán nên sinh viên cũng gặp một số khó khăn trong việc thực hiện cái bài kiểm tra, đánh giá trực tiếp.

Việc đánh giá thường xuyên hay còn gọi là đánh giá quá trình (formative assessment) là hoạt động theo dõi liên tục những tiến bộ của người học trong quá trình học tập cũng như thu thập các dữ liệu về khả năng tiếp thu kiến thức và kỹ năng từ bài học (Nguyễn Thị Hồng Nam & Trịnh Quốc Lập, 2008). Hình thức đánh giá này khác với đánh giá định kỳ vào một thời điểm đã ấn định trước (summative assessment – thường diễn ra vào cuối học kỳ) nhằm mục đích tổng hợp lại những kiến thức và kỹ năng sinh viên đã ghi nhận được trong toàn bộ môn học. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong quá trình học sẽ giúp giảng viên nắm bắt tình hình của mỗi lớp để có kế hoạch điều

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

chính nội dung và hình thức giảng dạy phù hợp (Tăng Thị Thu Thùy & Nguyễn Thị Cẩm Lệ, 2021). Điều này sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, hướng đến giảm thiểu tỷ lệ nợ môn. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra về ảnh hưởng tích cực của việc đánh giá quá trình thường xuyên đến kết quả học tập cuối kỳ. Tiêu biểu như nghiên cứu của Buchanan năm 2000 cho thấy sinh viên tham gia đánh giá quá trình thường xuyên có điểm cuối kỳ cao hơn hẳn người không tham gia, nghiên cứu của Henly năm 2003 cũng chỉ ra 10% sinh viên đứng đầu lớp học tham gia đánh giá quá trình nhiều gấp đôi 10% sinh viên đứng cuối lớp học (Tăng Thị Thu Thùy & Nguyễn Thị Cẩm Lệ, 2021).

Bên cạnh đó, việc đánh giá kết thúc học phần hiện nay cũng đang tập trung nhiều vào các câu hỏi tự luận cũng như trắc nghiệm khách quan nhằm yêu cầu sinh viên tái hiện lại kiến thức được học cũng như vận dụng vào một số bài tập tình huống. Điều này về cơ bản là tương đối phù hợp với trình độ sinh viên Cao đẳng, tuy nhiên một số trường hợp do áp lực về khối lượng kiến thức lớn cũng như số lượng môn học nhiều dẫn đến việc sinh viên khó đạt được kết quả tốt trong các bài đánh giá này (Nguyễn Đức Chính, 2010). Ngoài ra, rất nhiều các lý do khách quan khác nhau như sức khỏe, đề cương ôn tập, tinh thần... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả làm bài kiểm tra cuối kỳ của sinh viên và gián tiếp ảnh hưởng đến kết quả của môn học. Do đó, điểm quá trình sẽ là yếu tố giúp sinh viên hạn chế phần nào sự ảnh hưởng quá lớn của phần điểm cuối kỳ và thể hiện được khả năng tiếp thu trong xuyên suốt môn học.

Xét về mặt tâm lý, sinh viên khi đã có điểm quá trình tốt cũng sẽ có tâm lý thoải mái hơn khi bước vào kỳ thi cuối học kỳ. Đối với trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM hiện nay, việc đánh giá điểm cuối kỳ đa phần được diễn ra theo hình thức tập trung với các bài thi dạng trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận trong thời gian từ 60 phút đến 90 phút. Với lịch thi liên tục và thời gian làm bài có giới hạn thì tâm lý thoải mái sẽ tạo điều kiện lớn để sinh viên hoàn thành tốt bài thi của mình. Bởi lẽ với cơ chế tính điểm học phần như hiện tại¹, nếu như sinh viên có điểm quá trình vào khoảng 7.0 – 8.0 thì chỉ cần bài thi cuối kỳ đạt mức từ 4.0 điểm trở lên đã có thể hoàn thành môn học một cách dễ dàng. Còn đối với những sinh viên muốn có điểm tổng kết ở mức tốt nhằm mục tiêu đạt học lực cao hoặc nhận học bổng thì mức điểm quá trình tốt cũng tạo tâm lý thoải mái hơn để sinh viên tập trung hoàn thành tốt bài thi cuối kỳ.

Việc vận dụng nhiều hình thức đánh giá khác nhau để ghi nhận điểm quá trình sẽ giúp sinh viên có cơ hội vận dụng được nhiều kỹ năng và năng khiếu khác nhau trong việc học tập. Điều này cũng cho phép sinh viên thu hẹp khoảng cách giữa những gì sinh viên được học với thực tế đời sống hiện nay (Nguyễn Đức Chính, 2010). Nhiều bài kiểm tra quá trình được thực hiện dưới các hình thức khác nhau như trò chơi, bài tập nhóm, vấn đáp, thực hành về nhà... thay vì hình thức kiểm tra viết thông thường. Từ đó sinh viên sẽ cảm thấy hứng thú, chủ động hơn trong quá trình đánh giá và nâng cao thái độ học tập, hướng đến việc nâng cao chất lượng việc học (Phan Thị Thanh Lương, 2015).

4. Ý kiến đề xuất

4.1. Về phía nhà trường

Trước hết, nhà trường cần tuyên truyền một cách rộng rãi đến giảng viên của trường về chủ trương cải thiện điểm quá trình và vận dụng các phương thức đánh giá mới trong việc đánh giá thường xuyên cũng như đánh giá định kỳ sinh viên. Bên cạnh đó, nhà trường cũng có thể tổ chức những buổi tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm nhằm giới thiệu các phương thức đánh giá quá trình hiện đại và thú vị cho giảng viên. Đặc biệt là trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt

¹ Điểm học phần = điểm quá trình * 40% + điểm thi cuối kỳ * 60%

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

động dạy và học ngày càng trở nên phổ biến thì giảng viên có thể áp dụng nhiều hình thức khác nhau để đánh giá quá trình một cách phong phú, thuận tiện nhưng cũng đạt được hiệu quả về mục tiêu giảng dạy.

Để việc tổ chức đánh giá quá trình của giảng viên được diễn ra hiệu quả, nhà trường cũng cần tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động này. Một trong số những điều kiện đó là về yếu tố cơ sở vật chất của nhà trường. Nhiều hoạt động đánh giá quá trình nói riêng và hoạt động trong giờ học nói chung cần có những trang thiết bị cơ bản như hệ thống máy chiếu, loa, micro... Hoặc đơn giản như nội dung làm việc nhóm trên lớp cũng yêu cầu có hệ thống quạt hoạt động tốt nhằm tạo không gian mát mẻ, thoáng mát cho sinh viên có thể thảo luận một cách hiệu quả, đặc biệt là với các lớp có số lượng đông và tần suất thảo luận liên tục.

4.2. Về phía giảng viên

Lợi ích của việc cải thiện điểm quá trình là giúp sinh viên có nhiều cơ hội để tích lũy điểm tốt thay vì quá phụ thuộc vào một bài kiểm tra lớn. Do đó, để cải thiện điểm quá trình hiệu quả thì giảng viên có thể sử dụng hình thức phân chia điểm quá trình thành nhiều cột điểm khác nhau để sinh viên có thể được đánh giá ở nhiều nội dung bài học. Điều này đôi khi dẫn đến một số công việc phát sinh cho giảng viên khi phải chấm bài nhiều hơn, đặc biệt là với những người tham gia giảng dạy nhiều lớp. Để khắc phục vấn đề đó thì giảng viên có thể cân nhắc giữa các hình thức đánh giá cá nhân và đánh giá theo nhóm để không phải tốn công sức quá nhiều cho việc chấm bài. Hơn nữa, việc đánh giá điểm quá trình theo nhóm cũng giúp sinh viên cải thiện khả năng làm việc nhóm và hình thành ý thức làm việc theo tập thể vốn là một trong những kỹ năng vô cùng cần thiết hiện nay.

Bên cạnh việc chia điểm quá trình thành nhiều cột điểm thành phần khác nhau, việc áp dụng chế độ điểm cộng cũng là hình thức giúp sinh viên cải thiện điểm quá trình hiệu quả. Điểm cộng có thể được tính vào một cột điểm cố định hoặc cộng trực tiếp vào phần điểm quá trình trung bình đã được tính toán. Điều kiện để được cộng điểm cũng được quy định đa dạng theo từng môn học và từng giảng viên như: phát biểu xây dựng bài, làm bài tập về nhà, làm bài tập nhóm, tham gia trò chơi... Chế độ điểm cộng vừa giúp sinh viên có cơ hội nâng cao điểm quá trình, gián tiếp ảnh hưởng đến điểm tổng kết môn học, vừa tạo thêm không khí sôi nổi cho lớp học. Cơ chế cộng điểm nói riêng và tính điểm quá trình nói chung cũng cần được thông báo vào đầu môn học giúp sinh viên hình dung được những công việc cần làm trong lúc học và tạo động lực để học tập một cách hiệu quả.

Trong việc đánh giá điểm quá trình, giảng viên có thể sử dụng nhiều hình thức khác nhau nhằm đa dạng hóa phương pháp đánh giá cũng như tạo sự hứng thú cho sinh viên trong quá trình học tập. Hiện nay, hình thức thuyết trình nhóm là sự lựa chọn vô cùng phổ biến và có thể được áp dụng với đa dạng các môn học khác nhau, nhất là những môn lý thuyết. Hình thức đánh giá thông qua bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm cũng có thể là sự lựa chọn phù hợp giúp sinh viên ôn lại nội dung kiến thức vừa học và vận dụng những kiến thức đó vào thực tế đời sống. Ví dụ như môn Văn hóa ẩm thực, sau khi học xong chương III về đặc điểm văn hóa ẩm thực Việt Nam, sinh viên sẽ làm bài tập cá nhân với yêu cầu mô tả lại một món ăn đặc sản ở quê hương bạn (nội dung chương III), kèm với đó là phân tích giá trị vật chất và tinh thần liên quan đến món ăn đó (nội dung chương I) cũng như giải thích những lý do mà món ăn đó lại trở nên đặc biệt và nổi tiếng (nội dung chương II). Hoặc với môn Quản trị tổ chức sự kiện, sinh viên có thể lựa chọn hình thức đánh giá một cột điểm quá trình bằng cách làm bài kiểm tra viết tại lớp hoặc phối tổ chức một sự kiện thực tế dựa trên việc vận dụng những kiến thức đã được học. Điều này không chỉ giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, vận dụng

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

các kỹ năng được học mà còn là cơ hội để sinh viên làm việc nhóm một cách nghiêm túc để tạo nên một sự kiện hiệu quả.



Hình 1. Sự kiện do sinh viên tổ chức trong việc đánh giá quá trình môn Quản trị tổ chức sự kiện

(Nguồn: Phan Nguyễn Phong Luân, 2022)

Khi vận dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong việc đánh giá điểm quá trình, giảng viên cần phổ biến cụ thể những hướng dẫn, tiêu chí và cách thức để đạt được hiệu quả cao. Các nhóm tiêu chí này cũng cần được thiết kế rõ ràng, phù hợp với nội dung chương trình môn học và với mục tiêu học tập của sinh viên (Phan Thị Thanh Lương, 2015). Khi đó, tùy vào mong muốn cũng như khả năng của bản thân thì sinh viên sẽ phát huy những kiến thức và kỹ năng cần thiết để đạt được mục tiêu cá nhân (Nguyễn Đức Chính, 2010). Điều này đặc biệt quan trọng với những hình thức đánh giá như bài tập nhóm, bài tập lớn, sân khấu hóa nội dung, tổ chức nội dung thực tế... vốn có nhiều tiêu chí và mức độ đánh giá khác nhau thay vì chỉ có đúng và sai như cách thức đánh giá truyền thống. Ngoài ra, giảng viên cũng cần cân bằng giữa số lượng yêu cầu làm việc trực tiếp trên lớp với yêu cầu làm việc tại nhà. Nếu các công việc trên lớp quá nhiều sẽ ảnh hưởng đến thời lượng học và tiếp thu kiến thức, còn nếu công việc về nhà quá nhiều cũng không phù hợp vì sinh viên hiện nay phải học cùng lúc nhiều môn và có nhiều yêu cầu khác nhau từ giảng viên.

4.3. Về phía sinh viên

Để việc đánh giá quá trình được diễn ra hiệu quả, sinh viên cần tham gia tích cực vào các hoạt động đánh giá được giảng viên tổ chức. Đặc biệt là những hoạt động mang tính tập thể như làm việc nhóm hoặc bài tập lớn thì sự tham gia tích cực của sinh viên sẽ góp phần lan tỏa tinh thần sôi nổi đến các thành viên khác trong nhóm cũng như trong lớp. Tinh thần này là điều vô cùng cần thiết bởi lẽ khác với các bài kiểm tra cuối học kỳ cần có sự tập trung, nghiêm túc thì nhiều hoạt động đánh giá quá trình lại mang tính chất thoải mái, cần sự tươi vui và sáng tạo. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tốt nhất thì sinh viên cũng cần chú tâm đến hướng dẫn của giảng viên cũng như ghi nhớ những yêu cầu cần đạt được trong từng hoạt động đánh giá khác nhau.

Về cơ bản, việc đánh giá quá trình là để kiểm tra lại khả năng tiếp thu và vận dụng những kiến thức vừa học của sinh viên. Do đó, một yếu tố quan trọng khác để cải thiện điểm quá trình hiệu quả là sinh viên cần chú ý theo dõi bài học để có nền tảng kiến thức đầy đủ cho việc tham gia đánh giá.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Người học cần chủ động liên kết các nội dung kiến thức được học với yêu cầu của giảng viên, hạn chế việc phụ thuộc quá nhiều vào kinh nghiệm cá nhân cũng như nội dung thứ cấp trên Internet. Sinh viên cũng cần chú ý rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nhằm thao tác một cách hiệu quả trong những hoạt động có sử dụng các phần mềm, ứng dụng để tổ chức.

Đánh giá quá trình là một công việc cần có phối hợp giữa cả hai đối tượng là người dạy và người học, bởi lẽ trong hoạt động này sinh viên không chỉ đơn thuần tham gia để nhận được điểm số mà thông qua đó cần phải tự nhìn nhận về việc học tập của mình để có sự điều chỉnh phù hợp. Do đó, sinh viên cần phản hồi với giảng viên về những khó khăn, cản trở nếu có ảnh hưởng đến việc tham gia vào hoạt động đánh giá quá trình. Những vấn đề khó khăn thường gặp có thể kể đến như thời gian làm việc, hình thức làm việc, số lượng và tính chất của các yêu cầu... Dựa vào những phản hồi này thì giảng viên có thể cân nhắc điều chỉnh hoặc thay đổi hình thức đánh giá cho phù hợp hơn, hướng đến việc nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên.

5. Kết luận

Điểm quá trình là một phần không thể thiếu hiện nay trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo quy chế của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Do chiếm tỷ trọng lên đến 40% trong tổng điểm môn học nên điểm quá trình cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc công nhận sinh viên có đạt được các mục tiêu của môn học và qua môn hay không. Hơn nữa, khi có điểm quá trình tốt thì sinh viên cũng sẽ có tâm lý thoải mái hơn khi thực hiện bài thi cuối kỳ, gián tiếp ảnh hưởng đến kết quả chung của môn học. Vì vậy việc cải thiện điểm quá trình cũng là một giải pháp trong chủ trương giảm tỷ lệ nợ môn, hướng đến gia tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn.

Để thực hiện hiệu quả công tác cải thiện điểm quá trình cần có sự phối hợp giữa các bên liên quan như nhà trường, giảng viên và cả sinh viên. Tham luận đã đặt ra một số ý kiến đề xuất cho việc cải thiện điểm quá trình có thể kể đến như: đảm bảo về cơ sở vật chất, vận dụng nhiều phương pháp và hình thức đánh giá khác nhau, chia nhỏ các cột điểm quá trình, thực hiện chế độ điểm cộng, hướng dẫn sinh viên cụ thể về cơ chế tính điểm quá trình... Trong tương lai, các nghiên cứu có thể thực hiện theo hướng tìm hiểu về các phương pháp tổ chức hoạt động đánh giá quá trình cũng như mức độ hiệu quả của các hoạt động này nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động dạy và học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. (2022). Thông tư Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ. Số: 04/2022/TT-BLĐTBXH.
- [2] Nguyễn Đức Chính. (2010). Đánh giá thực kết quả học tập trong giáo dục Đại học và đào tạo nguồn nhân lực. Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Thị Hồng Nam & Trịnh Quốc Lập. (2008). Người học tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau – một cách làm mới trong việc đánh giá kết quả học tập. *Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ*, (9), 28-36.
- [4] Phan Thị Thanh Lương. (2015). Đánh giá quá trình: tạo động lực học tập.
- [5] Phòng Quản lý Đào tạo. (2022). Thống kê danh sách sinh viên nợ môn Khoa Quản trị kinh doanh (khóa K40 – K43).
- [6] Tăng Thị Thu Thùy & Nguyễn Thị Cẩm Lệ. (2021). Các chiến lược đánh giá quá trình vì sự tiến bộ của người học. *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào*, (23), 40-50.

ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN VTOS VÀO GIẢNG DẠY CÁC MÔN THỰC HÀNH NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM

ThS.Nguyễn Sơn Tùng

ThS.Đỗ Ngọc Hào

Giảng viên Khoa QTKD – Trường CĐ Công thương TPHCM

Tóm tắt:

Thuật ngữ VTOS là viết tắt của cụm từ Vietnam Tourism Occupational Skills Standards là bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề Nhà hàng – Khách sạn được xây dựng bởi các chuyên gia quốc tế và Việt Nam và được Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ Du lịch (VTCB) thẩm định, phê duyệt, phát hành vào năm 2007. VTOS ra đời nhằm xây dựng và đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho ngành Du lịch Việt Nam với các tiêu chuẩn được quy định chặt chẽ thuộc nhiều lĩnh vực chuyên biệt.

Ngày nay VTOS được sử dụng rộng rãi tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú – ăn uống trên khắp cả nước. Là thước đo đánh giá chất lượng kỹ năng nghề, giúp người lao động có cái nhìn tổng quát về các kỹ năng cần thiết cũng như nắm bắt được quy trình để thực hiện công việc với hiệu quả cao. Ngoài ra, VTOS còn giúp các doanh nghiệp thiết kế, xây dựng chương trình đào tạo, tiêu chuẩn và xác định được nhu cầu đào tạo, xác định các kỹ năng, kiến thức cần thiết nhất đối với nhân viên của doanh nghiệp.

Bài viết này đề xuất cách áp dụng tiêu chuẩn VTOS vào giảng dạy ngành quản trị Nhà hàng – Khách sạn tại Trường cao đẳng Công Thương TPHCM để đạt được mục đào tạo gắn liền với thực tiễn.

Từ khóa: VTOS, phương pháp giảng dạy, nghề nghiệp nhà hàng khách sạn

1. Mở đầu

Đối với nhiều quốc gia, Du lịch được lựa chọn là ngành kinh tế trọng điểm. Nhu cầu du lịch tăng lên đòi hỏi yêu cầu của du khách cao hơn về chất lượng nhân lực phục vụ, đồng thời cũng là đòi hỏi sự gia tăng số lượng nhân lực đối với các doanh nghiệp du lịch. Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong ASEAN về nghề du lịch (MRA-TP) được xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển của người lao động du lịch giữa các quốc gia thành viên đối với những nhân lực đủ chuyên môn, nghiệp vụ và được Hội đồng cấp chứng chỉ nghề du lịch giữa các quốc gia trong khối Asean. Bởi vậy, đòi hỏi đội ngũ lao động du lịch nói chung không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề và trình độ ngoại ngữ. Tiêu chuẩn VTOS của Chương trình Phát triển năng lực ngành nhà hàng - khách sạn có trách nhiệm với môi trường và xã hội, do Liên minh châu Âu tài trợ (Dự án EU) ra đời nhằm đáp ứng đào tạo nguồn nhân lực ngành nhà hàng - khách sạn Việt Nam có chất lượng với từng nghiệp vụ cụ thể. Hiện nay các trường nghề, cơ sở đào tạo ngành nhà hàng - khách sạn còn sử dụng VTOS như tiền đề để xây dựng giáo trình với tính thực tế cao nhằm mang lại

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

hiệu quả đào tạo tốt nhất. Vấn đề đặt ra đối với các trường cao đẳng ở Việt Nam có đào tạo ngành nhà hàng - khách sạn là cần áp dụng một cách linh hoạt tiêu chuẩn nghề VTOS vào giảng dạy. Trong đó, các môn học thực hành là cần chú trọng nhằm đào tạo được đội ngũ nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu cao của ngành.

2. Khái quát về VTOS - Tiêu chuẩn nghề Du lịch, nhà hàng, khách sạn tại Việt Nam

VTOS là bộ tiêu chuẩn về các kỹ năng nghề du lịch - nhà hàng - khách sạn Việt Nam (viết tắt của cụm từ Vietnam Tourism Occupational Skills Standards) được xây dựng bởi các chuyên gia quốc tế và Việt Nam. Phiên bản mới 2015 được Tổng cục Du lịch phê duyệt để triển khai các hoạt động đào tạo trong khuôn khổ Dự án EU. Tiêu chuẩn VTOS bao gồm 4 lĩnh vực chuyên biệt (Quản lý khách sạn, Vận hành cơ sở lưu trú nhỏ, Thuyết minh du lịch, Phục vụ trên tàu thủy du lịch) đáp ứng những nhu cầu riêng của ngành Du lịch Việt Nam (Tổng cục Du lịch, 2015a).

Tiêu chuẩn VTOS gồm 17 nghiệp vụ như sau: nghiệp vụ vận hành cơ sở lưu trú nhỏ, nghiệp vụ quản lý khách sạn, nghiệp vụ quản lý khách sạn nhỏ, nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ đặt giữ buồng khách sạn, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ buồng, kỹ thuật chế biến món ăn Âu, kỹ thuật chế biến món ăn Việt, kỹ thuật làm bánh Âu, nghiệp vụ an ninh khách sạn, nghiệp vụ đại lý lữ hành, nghiệp vụ đặt giữ chỗ lữ hành, nghiệp vụ điều hành tour, nghiệp vụ hướng dẫn viên, nghiệp vụ thuyết minh, nghiệp vụ phục vụ trên tàu thủy du lịch. Đặc điểm của tiêu chuẩn VTOS là chia các nghiệp vụ thành các phần việc nhỏ, đồng thời xác định các kiến thức và kỹ năng để thực hiện từng phần việc nhỏ này. Điều này rất phù hợp trong lĩnh vực dịch vụ như du lịch nhà hàng khách sạn.

Hiện nay, tiêu chuẩn VTOS đã được áp dụng rộng rãi trong việc đào tạo nhân viên tại doanh nghiệp cũng như tập huấn, đào tạo các đào tạo viên là giảng viên, giáo viên các trường cao đẳng, đại học và được thẩm định bởi Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ Du lịch với gần 3000 đào tạo viên, 160 thẩm định viên, 16 trung tâm thẩm định và 57 trung tâm đánh giá nghề du lịch, 1 bộ Tiêu chuẩn 10 nghề du lịch (VTOS) đã được điều chỉnh, hài hòa với Tiêu chuẩn ASEAN về du lịch.

3. Thực trạng về giảng dạy các môn thực hành tại Bộ môn NH-KS khoa Quản trị kinh doanh

Về chương trình môn học: các môn học thực hành được xây dựng theo phương thức tiếp cận năng lực của người học, tức là xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học và người học đáp ứng các chuẩn đầu ra đó. Không xây dựng chương trình môn học theo modul như chương trình VTOS.

Về phòng thực hành: hiện tại nhà trường đã đầu tư riêng cho ngành nhà hàng khách sạn gồm 2 phòng thực hành phục vụ bàn, 2 phòng thực hành nghiệp vụ bar, 2 phòng thực hành nghiệp vụ buồng và 2 phòng thực hành nghiệp vụ lễ tân. Đồng thời đầu các thiết bị dụng cụ đáp ứng yêu cầu của từng môn học.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Về đội ngũ giảng dạy: hiện tại có 6 giảng viên thuộc Bộ môn, trong đó có 4 giảng viên tốt nghiệp chuyên ngành nhà hàng khách sạn, có 3 giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn, hiện tại có thể đáp ứng được nhu cầu giảng dạy các môn thực hành của Bộ môn. Tuy nhiên các giảng viên vẫn chưa được một tổ chức nào tập huấn chính thức về tiêu chuẩn VTOS.

Về tài liệu giáo trình: hiện tại sử dụng các giáo trình của các trường đại học có uy tín tại TP.HCM

4. Những ưu điểm và hạn chế khi áp dụng Tiêu chuẩn VTOS vào giảng dạy các môn thực hành ngành nhà hàng - khách sạn

4.1 Ưu điểm

Thứ nhất, về nội dung: Tiêu chuẩn VTOS phiên bản mới cung cấp danh mục hơn 65 chứng chỉ đề xuất cho các đối tượng từ nhân viên tập sự bậc 1 đến quản lý cấp cao bậc 5. Các chứng chỉ này bao quát tất cả nghề quan trọng thuộc nhiều chuyên ngành trong lĩnh vực Du lịch. Tiêu chuẩn VTOS phiên bản mới cũng được xây dựng tương thích với tiêu chuẩn năng lực chung về nghề Du lịch - nhà hàng - khách sạn trong ASEAN (ACCSTP), đáp ứng các quy định của thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong ASEAN về nghề du lịch (MRA-TP). Tiêu chuẩn VTOS phiên bản mới được cấu trúc thành các đơn vị năng lực sử dụng định dạng module rất linh hoạt và dễ áp dụng với các công việc, nhân sự và trình độ khác nhau. Trong tài liệu chỉ rõ các chức danh nghề nghiệp theo các công việc cơ bản, công việc bậc trung, công việc bậc cao (Tổng cục Du lịch, 2015b)

Thứ hai, về tính cụ thể: VTOS đưa ra các đơn vị năng lực để đào tạo cho ngành nhà hàng - khách sạn những kỹ năng then chốt và các nhiệm vụ cho từng kỹ năng đó. Ngoài ra, tiêu chuẩn VTOS có thể được sử dụng để đánh giá công việc của nhân viên dựa theo tiêu chuẩn, giúp cho các doanh nghiệp nhà hàng - khách sạn dễ dàng triển khai hoạt động đánh giá chất lượng nhân viên.

Thứ ba, về phương pháp: chương trình Du lịch – nhà hàng – khách sạn có trách nhiệm với môi trường và xã hội, do Liên minh châu Âu tài trợ (Dự án EU), có nhiều phương pháp trong VTOS để có thể áp dụng trong giờ dạy. Những phương pháp này đã được truyền tải qua các nguồn tài liệu ấn phẩm và chú trọng trong các khóa học về đào tạo viên dành cho đội ngũ giảng viên các trường cao đẳng có đào tạo ngành nhà hàng – khách sạn, đội ngũ đào tạo nhân viên tại các điểm du lịch, khách sạn, nhà hàng. Dự án đã đưa ra các mẫu giáo án giảng dạy lý thuyết, thực hành, giáo án tích hợp. Theo đó, giảng viên có thể lựa chọn mẫu giáo án phù hợp cho từng nội dung của môn học. Bộ khung 3 mẫu giáo án này rất hữu ích khi áp dụng vào soạn giảng các môn thực hành ngành nhà hàng - khách sạn, góp phần đạt được mục tiêu đặt ra của môn học.

- Đối với giáo án lý thuyết: Lựa chọn đơn vị năng lực; phần mở đầu (Làm rõ các nội dung tiêu đề, tạo sự hứng thú, sự cần thiết và lợi ích cho người học); Đặt câu hỏi cho sinh viên theo các nội dung- giảng viên phân tích câu trả lời của sinh viên - giảng viên trình bày và phân tích từng nội dung;

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

phần kết thúc (Câu hỏi kiểm tra, giới thiệu bài học tiếp theo...) rất phù hợp cho áp dụng giảng dạy lý thuyết.

- Đối với giáo án thực hành gồm các nội dung triển khai: Lựa chọn đơn vị năng lực; phần mở đầu (Làm rõ các nội dung tiêu đề, tạo sự hứng thú, sự cần thiết và lợi ích cho người học); phần phát triển (giảng viên làm mẫu từ đầu đến cuối; sau đó chia các bước thực hành thành các giai đoạn, tiến hành tuần tự thực hành - hỏi đáp - cho sinh viên thực hành theo từng giai đoạn), kết luận (Đặt câu hỏi tổng kết về các yêu cầu đối với nội dung thực hành; sinh viên thực hành; hỏi sinh viên có cần hỗ trợ hay vướng mắc gì không), liên hệ bài tiếp theo. Như vậy rất thích hợp cho việc giảng dạy thực hành làm giảm sự nhàm chán cho người học.

- Đối với giáo án tích hợp lý thuyết và thực hành: Lựa chọn đơn vị năng lực; phần mở đầu (Làm rõ các nội dung tiêu đề, tạo sự hứng thú, sự cần thiết và lợi ích cho người học, mục tiêu kiến thức - kỹ năng - thái độ, phạm vi về nội dung và thời gian); giảng lý thuyết (áp dụng giáo án lý thuyết), hướng dẫn thực hành (làm mẫu từ đầu đến cuối, làm từng bước và hỏi; sinh viên thực hành, giảng viên nhận xét góp ý từng bước) kết luận (củng cố kiến thức, củng cố kỹ năng, nhận xét, liên hệ bài tiếp theo). Như vậy làm cho người học định hình rõ các nội dung lý thuyết cũng như thực hành.

Áp dụng vào giáo án thực hành, lý thuyết hoặc tích hợp sẽ có các phương pháp như thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình, kể chuyện, làm mẫu, đóng vai, sử dụng các trò chơi... và kết hợp với nhiều kỹ thuật nhỏ để tạo hiệu quả giảng dạy như tạo sự hứng thú, sự hỗ trợ của các phương tiện trực quan, thành ngữ, các mẫu chuyện hoặc kinh nghiệm cá nhân để truyền đạt thông tin, đặt các câu hỏi, sử dụng poster, thẻ màu nhằm đem lại kết quả giảng dạy tối ưu.

4.2 Hạn chế

Quá trình thực nghiệm của bản thân và khảo sát một số giảng viên tại một số trường cao đẳng tại TP. Hồ Chí Minh về vấn đề áp dụng tiêu chuẩn VTOS vào các môn thực hành ngành Nhà hàng - Khách sạn cho thấy có những hạn chế sau:

Thứ nhất, phương pháp giảng dạy theo tiêu chuẩn còn gặp nhiều khó khăn do số đơn vị “năng lực” khá nhiều và chi tiết, trong khi thời lượng giảng dạy thực hành tại các trường thì lại hạn chế, số lượng sinh viên khá đông thường trên 20 sinh viên/lớp trở lên, như vậy sẽ khó đảm bảo được mục tiêu 100% chất lượng đạt như tiêu chuẩn VTOS đề ra.

Thứ hai, việc điều chỉnh chương trình để tăng thời lượng thực hành như chương trình VTOS còn khó khăn do chương trình đào tạo cần đảm bảo khối lượng kiến thức cơ sở ngành, các môn học bổ trợ mà các môn học này đều thiên về lý thuyết và số tín chỉ của chương trình đào tạo không được tăng lên.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Thứ ba, sự đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dụng cụ thực hành cho ngành ở các trường còn hạn chế do thiếu kinh phí hoặc thiếu đồng bộ trong đầu tư.

Thứ tư, Thiếu đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn đủ năng lực để hiểu và triển khai các tiêu chuẩn VTOS vào trong giảng dạy. Đồng thời các giảng viên chưa qua lớp học đào tạo viên thực hành của chương trình VTOS

5. Đề xuất áp dụng tiêu chuẩn VTOS vào giảng dạy các môn thực hành ngành quản trị Nhà hàng - Khách sạn khoa Quản trị kinh doanh Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM

Từ những ưu điểm và hạn chế của tiêu chuẩn nghề nhà hàng - khách sạn thuộc chương trình VTOS, chúng tôi đề xuất một số biện pháp pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng chương trình môn học theo các đơn vị năng lực tiêu chuẩn VTOS đảm bảo mục tiêu trang bị đủ kiến thức cho người học, vì vậy giảng viên cần linh hoạt diễn giải các nhiệm vụ đó, đồng thời thiết lập các bài tập thực hành gắn với thực tế.

Thứ hai, xây dựng giáo án lý thuyết và thực hành có lồng ghép các tình huống thực tiễn và gợi ý các phương pháp giải quyết.

Thứ ba, để đạt được hiệu quả tối đa của giờ học, đối với giờ dạy lý thuyết cần gia tăng các giáo cụ trực quan: tranh ảnh, đồ vật... Như vậy, giờ học sẽ thêm phần hấp dẫn, thú vị và nhớ được lâu hơn. Bên cạnh đó vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác của VTOS như thảo luận nhóm, thuyết trình, kể chuyện... các mẫu, phiếu, biểu, hình ảnh, phim... gắn với thực tế nghề nghiệp.

Thứ tư, đối với giảng dạy thực hành nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn cần có sự linh hoạt về số lượng sinh viên để khắc phục được sự hạn chế phân lượng thời gian giảng dạy. Lớp học nếu đông sinh viên thì sau khi giảng viên làm mẫu và phân tích, có thể lựa chọn 3-4 em cùng thực hành để đảm bảo về mặt thời gian của tiết học.

Thứ năm, cần áp dụng VTOS trong việc đánh giá chất lượng của sinh viên, cụ thể trên cơ sở đánh giá bao gồm cả 3 yêu cầu: kỹ năng, kiến thức, thái độ. Tuy nhiên không được xem nhẹ hoặc đánh giá thái độ một cách qua loa, xét thấy cần thiết rèn luyện bằng các chuẩn mực nghề nghiệp, quy tắc nghề nghiệp và kỷ luật, khen thưởng. Ví dụ: Sinh viên phải có mặt trước giờ học 5 phút, tài liệu học tập sẵn sàng... và có từng quy chế thưởng phạt riêng cho các yêu cầu đó, cần rèn luyện các nguyên tắc làm việc của nghề.

Thứ sáu, cần gia tăng gắn kết với doanh nghiệp nhà hàng - khách sạn trong quá trình đào tạo thông qua các hoạt động tác nghiệp thực tế. Đây là giải pháp mà hiện nay nhiều trường đã và đang áp dụng. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng, giảng viên cần có kế hoạch thực hành cụ thể, và thống nhất với doanh nghiệp, hình thức kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo sinh viên được rèn luyện theo đúng định hướng của Nhà trường. Đơn vị đào tạo cần xây dựng danh sách doanh nghiệp trọng điểm và thực

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

hiện ký kết hợp tác để có chiến lược dài hạn trong việc phối kết hợp giảng dạy thực hành nghiệp vụ của ngành.

6. Kết luận

Đề áp dụng tiêu chuẩn VTOS vào giảng dạy các môn thực hành ngành nhà hàng - khách sạn đạt được những kết quả tích cực. Giảng viên và sinh viên đều phải tích tham gia giảng dạy và học tập. Người học được chủ động phát huy tự chủ và có nhiều cơ hội được thực hành, rèn luyện nghiệp vụ. Bài viết này đề xuất cách áp dụng tiêu chuẩn VTOS vào giảng dạy các môn thực hành ngành nhà hàng - khách sạn tại trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM với mong muốn phát triển đội ngũ nhân viên ngành nhà hàng - khách sạn có chất lượng đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Tài liệu tham khảo

Đặng Xuân Hải (2011). *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*. NXB Bách khoa Hà Nội.

Đoàn Hương Lan (2010). *Nghệ vụ hướng dẫn du lịch*. NXB Lao động.

Đỗ Minh Cương, Nguyễn Thị Doan (2001). *Phát triển nguồn nhân lực giáo dục đại học ở Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (2012). *Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong ASEAN (MRA) về nghề Du lịch*. Malcolm Shepherd Knowles (1975). *Self-directed learning: A guide for learners and teachers*. New York: Association Press.

Nguyễn Lăng Bình (2010). *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.

Nguyễn Thị Thanh (2017). *Các nguyên tắc cơ bản hướng dẫn giảng dạy, học tập của Đại học Melbourne và sự vận dụng vào việc đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục, tr 57-59.

Tổng cục Du lịch (2015a). *Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam về hướng dẫn du lịch*. Dự án Chương trình phát triển năng lực du lịch Việt Nam với Môi trường và xã hội, tr 11-16.

Tổng cục Du lịch (2015b). *Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam về Thuyết minh viên du lịch*. Dự án Chương trình phát triển năng lực du lịch Việt Nam với Môi trường và xã hội, tr 1-10.

Trần Khánh Đức (2014). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN TỔ CHUYÊN NGÀNH NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN, KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Hoàng Thị Thủy Tiên

Giảng viên khoa QTKD – Trường CĐ Công Thương TP.HCM

Tóm tắt

Bài viết được thực hiện trong bối cảnh hiện nay khi dịch bệnh covid-19 đã qua đi, đời sống xã hội trở lại bình thường và ngành du lịch – nhà hàng – khách sạn đang trở lại mạnh mẽ đòi hỏi lượng nhân lực lớn, đây là điều đáng mừng đối với người đang theo học và người đang có dự định theo học chuyên ngành quản trị nhà hàng – khách sạn. Để đáp ứng lại yêu cầu công việc mang tính thực tế cao của ngành nhà hàng - khách sạn, bài viết đã phân tích hoạt động của giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy và học để đưa ra những đề xuất góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng, trau dồi thêm kiến thức, kỹ năng mới, mang tính cập nhật và bám sát thực tế đáp ứng tiêu chí của doanh nghiệp, bên cạnh đó còn khắc phục thêm được tình trạng tốt nghiệp trễ, chán học, bỏ học của sinh viên.

Từ khóa: chất lượng giảng dạy, chất lượng học tập, tự học, tư duy người học, nội dung giảng dạy, cơ sở vật chất, áp dụng thực tế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hai năm vừa qua 2020 và 2021 là được xem là hai năm thử thách đối với ngành du lịch – nhà hàng – khách sạn, khi dịch bệnh covid-19 bùng nổ tại Việt Nam, lượng nhân sự của ngành phải cắt giảm đi khoảng 2/3 và mọi hoạt động hầu như đều ngừng lại. Cho đến nay khi dịch bệnh đã qua đi, Các doanh nghiệp kinh doanh đã trở lại bình thường và kèm theo rất nhiều thay đổi về quy trình hoạt động. cũng như nhu cầu lớn về nhân sự trong ngành. Để đáp ứng lại yêu cầu công việc mang tính thực tế cao của ngành nhà hàng - khách sạn thì cần phải đổi mới và nâng cao trong quá trình dạy và học nhằm đảm bảo chất lượng, cập nhật thêm kiến thức, kỹ năng mới và bám sát thực tế cho người dạy và người học.

Theo như định nghĩa của ISO 9000-2000 thì: “*chất lượng là mức độ đáp ứng các yêu cầu của một tập hợp các đặc tính vốn có, trong đó yêu cầu được hiểu là các nhu cầu hay mong đợi đã được công bố, ngầm hiểu hay bắt buộc*”.

Có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học như chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, chất lượng đầu vào, hoạt động tự học, tâm lý người học... .Và yếu tố để đánh giá kết quả chất lượng dạy và học của giảng viên và sinh viên sẽ là điểm số của sinh viên, mức độ hiểu bài của sinh viên và mức độ áp dụng nội dung học vào thực tế.

2. THỰC TRẠNG VỀ CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN TỔ CHUYÊN NGÀNH NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN, KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

2.1. Về chất lượng dạy của giảng viên

- *Về chương trình đào tạo:* Chuyên ngành Nhà hàng và Khách sạn hiện nay mặc dù đào tạo lý thuyết và thực hành song song, nhưng ở các môn chuyên ngành chưa thực sự có nhiều điều kiện và thời gian cho sinh viên thực hành, áp dụng kiến thức vào thực tế. Hoạt động đưa sinh viên đi học tập thăm quan thực tế doanh nghiệp nhà hàng – khách sạn chưa diễn ra thường xuyên.
- *Về cơ sở vật chất:* Cơ sở vật chất phòng thực hành A202, A203, A204 đã cũ lâu năm, chưa khắc phục, đầu tư thay mới, còn thiếu nhiều trang thiết bị, phòng thực hành mới khu ký túc xá chưa thể đưa vào sử dụng.
- *Đội ngũ giảng viên:* Chưa có thời gian tổ chức tham gia học tập làm việc thực tế tại doanh nghiệp để trau dồi cập nhật thêm kỹ năng, kiến thức thực tế.
- *Nội dung bài giảng:* Chưa áp dụng nhiều công nghệ thông tin vào bài giảng, nội dung khô khan chưa sinh động để thu hút người học.

2.2. Về chất lượng học của sinh viên

- *Tâm lý của sinh viên:* Sinh viên với tâm lý “học nhiều nhưng ra chỉ làm nhân viên phục vụ”. Nhân viên ở đây là những công việc chỉ đòi hỏi sức khỏe và vận động tay chân, những công việc của người không có trình độ, đây là quan điểm sai lầm mà phần đông sinh viên hiện đang mắc phải, điều này khiến sinh viên sinh ra chán nản và tình trạng chán học dẫn đến kết quả học tập không cao hoặc bỏ học.
- *Thái độ học tập:* Ở lớp học thiếu tập trung, lơ là, làm việc riêng, vắng học nhiều dẫn đến thiếu quá nhiều kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn, chưa chủ động và nghiêm túc trau dồi tiếng anh chuyên ngành, đặc biệt là các kỹ năng mềm, không có kế hoạch, mục tiêu trong học tập cụ thể, phương pháp học tập chưa phù hợp...
- *Đam mê ngành nghề:* Một số sinh viên chưa thật sự đam mê yêu thích ngành nghề, chưa chủ động tìm hiểu yêu cầu của ngành nghề và chưa tự giác bổ sung kiến thức thực tế, kinh nghiệm cho bản thân trong giai đoạn học tại trường, trạng thái “đi học cho có bằng” dẫn đến không chủ động, chăm chỉ học tập. Chưa được định hướng lộ trình nghề nghiệp cụ thể và thu hút dẫn đến mơ hồ về nghề nghiệp công việc trong tương lai.
- *Hoạt động tự học:* Chưa biết cách tự học, tự tìm hiểu thông tin kiến thức trong giáo trình hoặc trên internet, chưa áp dụng hiệu quả phương pháp học tập.

Vậy để đáp ứng lại yêu cầu công việc của doanh nghiệp hiện nay thì giảng viên và sinh viên phải có đổi mới và nâng cao trong quá trình dạy và học nhằm đảm bảo chất lượng kiến thức, kỹ năng cho sinh viên.

3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN TỔ CHUYÊN NGÀNH NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN, KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

3.1. Về chất lượng dạy của giảng viên

- *Về chương trình đào tạo:*
 - + Với các chuyên ngành như Nhà Hàng – Khách Sạn là những ngành luôn có sự thay đổi và phát triển theo nhu cầu của thị trường và khách hàng nên các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng – khách sạn cũng luôn thay đổi. Do đó trong chương trình đào tạo cũng cần có sự linh động, đổi mới và bám sát các tiêu chí của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng lại yêu cầu về nhân sự của doanh nghiệp.
 - + Tăng cường thời gian học thực hành, Tăng cường thêm các lớp ngắn hạn về tiếng anh chuyên ngành nhà hàng – khách sạn, kỹ năng mềm
 - + Mở các cuộc hội thảo, giao lưu trò chuyện với các chuyên gia đầu ngành, cựu sinh viên ưu tú trong lĩnh vực chuyên môn để sinh viên có thể trao đổi, bày tỏ suy nghĩ thắc mắc về chuyên ngành của bản thân trong quá trình học.
 - + Tăng cường cho sinh viên đi giao lưu, thăm quan thực tế doanh nghiệp để hiểu rõ về chuyên ngành mình đang theo học và để có định hướng tốt cho công việc sau khi tốt nghiệp.
- *Về cơ sở vật chất:*
 - + Đầu tư thay mới, bổ sung trang thiết bị còn thiếu hoặc đã cũ không còn phù hợp với tiêu chí công việc của doanh nghiệp
 - + Tổ chức giao lưu doanh nghiệp đến thăm quan phòng thực hành nhằm tham khảo góp ý từ các doanh nghiệp về phòng thực hành.
- *Đội ngũ giảng viên:*
 - + Giảng viên chuyên ngành thường xuyên đi thực tế doanh nghiệp để nghiên cứu thị trường và trau dồi thêm kiến thức thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.
 - + Đối với cố vấn học tập: Nên hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên các phương pháp, hình thức, cách thức tự học, để sinh viên biết cách tự học. Thường xuyên giải đáp những câu hỏi, khó khăn, vướng mắc của sinh viên và tư vấn, giúp đỡ sinh viên xây dựng một kế hoạch học tập cụ thể, phù hợp và hiệu quả. Bên cạnh đó cũng trao đổi, động viên, thúc đẩy tinh thần sinh viên. Trao đổi định hướng nghề nghiệp và củng cố niềm tin cho sinh viên trong quá trình học để vững tin vào một lộ trình công việc trong tương lai gần sau khi ra trường.
- *Nội dung bài giảng:*
 - + Giảng viên bộ môn nên cố gắng đưa các ví dụ về bài giảng hay hình ảnh, video thực tế lồng ghép vào bài nhằm giảm bớt khô khan, nhàm chán, phong phú nội dung bài giảng sẽ làm cuốn hút sinh viên tập trung học. Áp dụng công nghệ thông tin nhiều hơn trong quá trình giảng dạy và thiết kế slide bài giảng sinh động.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

- + Thường xuyên tương tác, giao tiếp với sinh viên qua hình thức đặt câu hỏi để sinh viên trả lời và giải đáp các thắc mắc của sinh viên để nắm bắt được mức độ hiểu bài, quản lý lớp học và đảm bảo chất lượng giảng dạy trong buổi học. Giao các bài tập về nhà mang tính thực tế về chuyên ngành nhiều hơn để sinh viên tự giác, chủ động tìm hiểu thêm nội dung, kiến thức và ôn lại bài học.
- + Thay đổi phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy vai trò trung tâm của người học, chuyển từ vai trò là người trình bày sang hỏi đáp, đặt các vấn đề để sinh viên tự thảo luận, tìm hiểu và trình bày quan điểm.

3.2. Về chất lượng học của sinh viên

- *Tâm lý của sinh viên:* Sinh viên cần chủ động tìm hiểu kỹ lưỡng về ngành nghề có suy nghĩ và thái độ về học tập cũng như công việc sau khi ra trường thật nghiêm túc và đúng đắn, có quan điểm và nhận định rõ ràng về ngành nghề mình theo học để đặt mục tiêu cho việc học tập.
- *Thái độ học tập:* Sinh viên cần đi học đúng giờ, hạn chế nghỉ học, cố gắng và nỗ lực nhiều hơn khi học tập trung và tích cực trong giờ, ôn lại bài khi học xong, làm bài tập giảng viên yêu cầu, chủ động tìm hiểu thêm kiến thức và trao đổi với giảng viên nếu gặp khó khăn, vướng mắc. Thường xuyên, tích cực tương tác xây dựng bài khi học. Chủ động, tích cực xem trước các nội dung học tập, hiểu rõ bản chất của lớp học để có kế hoạch học tập phù hợp.
- *Đam mê ngành nghề:* Sinh viên nên kiên định và tích cực tham gia vào các lớp ngắn hạn, các buổi hướng nghiệp, hội thảo, ngày hội việc làm... để trao đổi thông tin, kiến thức nhằm hình thành định hướng cũng như thái độ về nghề nghiệp tương lai.
- *Hoạt động tự học:* Ngoài kiến thức được đào tạo tại trường hợp, sinh viên cần tự chủ động, tự giác trau dồi thêm những kỹ năng, kiến thức, nghiệp vụ khác về chuyên ngành để đáp ứng tiêu chí công việc của doanh nghiệp như kinh nghiệm thực tế, ngoại ngữ chuyên ngành, đặc biệt là các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp với khách hàng, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình... vân vân. Tự xây dựng cho mình một kế hoạch học tập chi tiết, cụ thể và phù hợp với các mục tiêu tích cực.

4. KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng dạy và học của giảng viên và sinh viên tổ chuyên ngành Nhà Hàng – Khách Sạn, hoạt động này mang tính cập nhật nhằm trau dồi thêm kiến thức, kỹ năng mới cho cả người dạy và người học, chất lượng đào tạo bám sát thực tế đáp ứng các tiêu chí của doanh nghiệp, bên cạnh đó còn khắc phục thêm được tình trạng chán học, bỏ học của sinh viên, cải thiện kết quả học tập, nâng cao nhận thức của sinh viên về ngành nghề, định hướng vững vàng về nghề nghiệp trong tương lai.

5. Tài liệu tham khảo

<https://moet.gov.vn/Pages/home.aspx>

<https://isocert.org.vn/>

<https://www.hospitality.com.vn/>

**VAI TRÒ CỦA CỔ VẤN HỌC TẬP TRONG ĐÀO TẠO TÍN CHỈ- MỘT NHÂN
YẾU GÓP PHẦN NÂNG CAO TỶ LỆ RA TRƯỜNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG
CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HỒ CHÍ MINH**

Phạm Hồng Diên

Tóm tắt

Đào tạo theo tín chỉ đã trở thành quy định bắt buộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các trường đại học ở Việt Nam. Trong quá trình theo học tại trường sinh viên phải chủ động trong việc lựa chọn ngành học môn học và xây dựng kế hoạch học tập cá nhân cho từng học kỳ năm học và cả quá trình đào tạo. Để giúp cho sinh viên có thể thực hiện quyền tự chủ của mình có một khâu quan trọng trong quy trình đào tạo theo hệ thống tín ở các trường đại học là bộ phận Cổ vấn học tập CVHT. Như vậy CVHT có vai trò rất quan trọng trong đào tạo tín chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công trong học tập rèn luyện của sinh viên. Mỗi CVHT được xem như một mắt xích trong vòng tròn mối liên hệ giữa Sinh viên - Chương trình đào tạo - Nhà trường. Nhận thấy tầm quan trọng và sự quan tâm sâu sắc của các trường về công tác CVHT bài viết dưới đây nhằm tìm hiểu về hoạt động của CVHT tại trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh hiện nay qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác CVHT trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở nhà trường.

Đặt vấn đề

Cổ vấn học tập CVHT - cụm từ được nhắc đến khá nhiều kể từ khi hình thức đào tạo theo tín chỉ được áp dụng tại các trường Đại học, Cao đẳng ở Việt Nam. Trước tiên phải khẳng định rằng CVHT có vai trò rất quan trọng trong đào tạo tín chỉ và ảnh hưởng đến kết quả học tập rèn luyện của sinh viên. Với vai trò cổ vấn các CVHT là người định hướng tư vấn giám sát hoạt động học tập của sinh viên giúp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của quy chế đào tạo nhận thức chính xác các khái niệm của quy chế hiểu được quy chế chương trình đào tạo phương pháp học tập từ đó chọn lựa được chương trình kế hoạch học tập phù hợp với sức học hoàn cảnh cá nhân và tự tìm ra biện pháp khắc phục các khó khăn xuất hiện khi mới từ gia đình vào môi trường xã hội và trường Đại học, cao đẳng.

Nhận thấy tầm quan trọng và sự quan tâm sâu sắc của các trường về công tác cổ vấn học tập đối với tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên, bài viết dưới đây nhằm tìm hiểu về hoạt động của cổ vấn học tập trong trường cao đẳng công thương thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác cổ vấn học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường CDCTTPHCM.

Từ khóa: *cổ vấn học tập, vai trò, kinh nghiệm*

1. Khái niệm, vai trò cổ vấn học tập (CVHT)

Tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Học viện tại Việt Nam, đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã trở thành quy định bắt buộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình học, sinh viên phải chủ động trong việc lựa chọn ngành, chuyên ngành và môn học. Ngoài ra, sinh viên còn phải xây dựng kế hoạch học tập cho cả quá trình đào tạo cũng như từng năm học, kỳ học. Để hỗ trợ sinh viên có thể thực hiện quyền tự chủ của mình một cách hiệu quả nhất, một khâu quan trọng trong quy trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ là bộ phận cổ vấn học tập. Vậy khái niệm cổ vấn học tập được hiểu như thế nào cho phù hợp? Cổ vấn học tập là một khái niệm mới, là một chức danh trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, chất lượng đầu ra của sinh viên thông qua việc tư vấn, quản lý sinh viên trong quá trình đào tạo. Có thể hiểu, cổ vấn học tập là người tư vấn hỗ trợ sinh viên phát huy tối đa khả năng học tập, rèn luyện và nghiên cứu khoa học, lựa chọn đăng ký

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

học phần phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp và khả năng tìm được việc làm sau khi ra trường, theo dõi quá trình học tập, rèn luyện của sinh viên nhằm giúp sinh viên điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra sự lựa chọn đúng trong quá trình học tập, đồng thời quản lý, hướng dẫn và chỉ đạo lớp được phân công phụ trách.

Vai trò của CVHT trong quá trình quản lý sinh viên:

- Là cầu nối trung gian giữa cơ sở đào tạo, gia đình, sinh viên và thị trường lao động.
- Là chuyên gia tư vấn cho sinh viên điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành đào tạo, với năng lực, điều kiện kinh tế của sinh viên. Giúp sinh viên thực hiện tốt các Quy chế của Bộ Giáo dục và Nhà trường.
- Hướng dẫn sinh viên về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động của Trường, tư vấn giải quyết các thắc mắc, khó khăn của sinh viên trong quá trình học tập.
- Là người định hướng nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành.
- Là người đồng hành cùng sinh viên tổ chức họp lớp theo quy định, đánh giá rèn luyện, xếp loại sinh viên học tập theo học kỳ...
- Là trợ thủ đắc lực giúp lãnh đạo các cấp tại cơ sở đào tạo đưa ra các giải pháp phù hợp để cải thiện chất lượng đào tạo, chất lượng đầu ra của sinh viên.

2. Thực trạng tổ chức công tác CVHT tại trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Tổ chức công tác CVHT tại trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh

Trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng hệ thống CVHT gồm các *Cố vấn học tập kiêm nhiệm* (thuộc các khoa, viện, trung tâm có đào tạo sinh viên chuyên ngành). Số lớp phân công làm CVHT kiêm nhiệm của các Khoa phổ biến ở mức 2 lớp/CVHT kiêm nhiệm.

Ngoài các vai trò chính của một CVHT theo quy định, một CVHT kiêm nhiệm tại Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh còn có nhiệm vụ:

- Phối hợp với Phòng Khảo thí và ĐBCL giáo dục, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên, Trợ lý Khoa/Viện trong việc quản lý, giải quyết các thủ tục liên quan đến đăng ký học phần, chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật và đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên một cách toàn diện và chính xác.
- Phối hợp cùng Đoàn thanh niên phát động, triển khai thực hiện phong trào NCKH sinh viên. Có quyền yêu cầu làm việc đột xuất với ban cán sự lớp hoặc tổ chức họp lớp để giải quyết các công việc theo yêu cầu của Trường, Khoa.
- Làm việc định kỳ với ban cán sự lớp, họp sinh hoạt lớp 1 tháng 1 lần phổ biến, trao đổi các nội dung của nhà trường, bình xét thi đua, nắm bắt tình hình chấp hành quy định về học tập và rèn luyện...

Nhìn chung, số lượng GVCN lớp của trường ổn định qua các năm do không có sự đột biến tăng giảm số lượng sinh viên tuyển sinh. Trong các khoa chuyên ngành: Khoa Ô tô và quản trị Kinh doanh có số lượng SV/1GVCN là cao nhất (số lượng lớp tối đa/1CVHT cũng nhiều nhất trường. Các Khoa còn lại phổ biến ở mức 1 GV sẽ chủ nhiệm từ 1 đến 2 lớp sinh viên.

- Chính sách hỗ trợ của trường dành cho GVCN lớp: giảm 15% giờ giảng /1 lớp nhỏ (35-40sv) phụ trách. Từ lớp thứ 2 trở đi, giảm thêm 10% giờ giảng.

2.2. Thuận lợi trong công tác CVHT tại Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh

- CVHT phần lớn là những giảng viên trẻ, yêu nghề, tâm huyết với trường, hiểu và gần gũi với sinh viên nên hiểu rõ những gì sinh viên cần hỗ trợ trong học tập.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

- Quy mô lớp phụ trách của mỗi CVHT phần lớn ở mức hợp lý (1-2 lớp nhỏ), không gây quá tải cho GCVHT.

2.3. Một số hạn chế trong công tác CVHT tại Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh

a) Về phía GVCN:

- Có một số CVHT chưa thực hiện tốt vai trò của mình, công tác CVHT sát sao nắm bắt tình hình của sinh viên, chưa giải đáp, hướng dẫn cụ thể thắc mắc của sinh viên, không nắm rõ được tình hình cụ thể của mỗi sinh viên về việc nộp học phí muộn hay nằm trong diện cảnh báo về kết quả học tập để tư vấn kịp thời từng kỳ học. Bên cạnh đó, có những lớp số lượng sinh viên lớn (1 khối gồm 2 lớp nhỏ, từ 80-150 sinh viên) nên dẫn đến tình trạng CVHT khó có khả năng sát sao được tình hình tất cả sinh viên của mình, ví dụ như ở khoa QTKD có CVHT phụ trách 4-5 lớp.

- Phần lớn CVHT đều có những khó khăn trong việc chủ động hỗ trợ sinh viên do mình phụ trách bởi đều là giảng viên nên gặp nhiều áp lực về công tác chuyên môn, công tác NCKH, về thời gian... Ngoài ra, việc sắp xếp tổ chức buổi họp lớp khá khó khăn do mỗi sinh viên có một kế hoạch học tập và thời khoá biểu riêng, việc nắm bắt thông tin những sinh viên tự ý bỏ học là rất khó đặc biệt đối với những CVHT không giảng dạy cho chính lớp sinh viên mình cô vấn. Và ngay bản thân sinh viên cũng không đến gặp CVHT để chia sẻ các vướng mắc với CVHT của mình.

- Có những CVHT còn chưa cập nhật, nắm vững các quy định, quy chế, chương trình đào tạo chuyên ngành nên gặp khó khăn trong việc tư vấn cũng như giải đáp thắc mắc cho sinh viên, đặc biệt trong những trường hợp sinh viên chuyển xuống khoá dưới hoặc lùi thời gian đào tạo, vì vậy hiệu quả tư vấn cho sinh viên còn hạn chế.

b) Về phía sinh viên:

- Phần lớn sinh viên tiếp cận thông tin để giải quyết các vấn đề của mình thông qua các kênh như bạn bè, người nhà, diễn đàn...

- Sinh viên chưa thực sự chủ động, nỗ lực trong việc học tập, đặc biệt sinh viên năm thứ nhất. Điều này dẫn đến một bộ phận sinh viên có điểm tích lũy thấp, rơi vào tình trạng cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học.

- Với tâm lý e ngại tiếp cận trao đổi, chia sẻ các vấn đề vướng mắc với CVHT nên sinh viên ít khi liên hệ với CVHT nhờ tư vấn.

c) Về phía Khoa, Nhà trường:

- Những trường hợp thay đổi CVHT (do CVHT nghỉ thai sản, đi nước ngoài...) tại các khoa chuyên ngành của trường tạo sự lúng túng cho sinh viên và khó khăn trong quản lý cho CVHT mới.

- Nhà trường chưa có quy định riêng, cụ thể về công tác của CVHT.

3. Một số đề xuất nhằm phát huy vai trò của CVHT tại trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh

Xuất phát từ thực trạng nêu trên, tác giả xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, Nhà trường cần giao cho các Phòng chức năng xây dựng bộ công cụ hỗ trợ triển khai và phát triển công tác CVHT. *Bộ công cụ* có thể bao gồm các tài liệu như sau:

- Sổ tay/ cẩm nang CVHT (quy định về công tác CVHT, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, năng lực, phẩm chất của CVHT, thông tin cơ bản về Trường, ngành đào tạo, thông tin về quy chế...).

- Sổ họp và sổ ghi biên bản dành cho CVHT (ghi chép những phản hồi của sinh viên, các buổi làm việc với cá nhân từng sinh viên).

- Cổng thông tin hoặc Forum trên website của Trường dành riêng cho hoạt động của CVHT (những câu hỏi thường gặp của sinh viên, các biểu mẫu, các thông tin hoạt động NCKH, các đường link tư vấn hỗ trợ về Hội sinh viên...).

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

- Các biểu mẫu cho CVHT hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên (bao gồm phiếu đề nghị bảo lưu, thôi học, phiếu đề nghị đăng ký rút bớt học phần...).

- Các tài liệu tập huấn về CVHT (tham khảo tại các Trường Đại học, cao đẳng trong và ngoài nước về đào tạo tín chỉ, về kỹ năng tư vấn, giao tiếp với sinh viên, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng phỏng vấn – trao đổi...).

- Các tài liệu hướng nghiệp cho sinh viên (xây dựng mối quan hệ, các vấn đề xã hội về thị trường lao động, môi trường làm việc, cơ hội thăng tiến...).

Thứ hai, Nhà trường tổ chức các khoá tập huấn cho CVHT hàng năm.

Thứ ba, xây dựng các tiêu chí cụ thể đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của CVHT. Nhà trường có thể tiến hành lấy thêm ý kiến của sinh viên đối với công tác CVHT để có thể tham khảo các tiêu chí đánh giá. Nhà trường cần có những khen thưởng hàng năm đối với những CVHT thực hiện tốt vai trò của mình để có thể tạo động lực cho các CVHT khác.

Thứ tư, nên thành lập một Ban cố vấn CVHT của Trường (bao gồm một số lãnh đạo, chuyên viên các Phòng ban chức năng, giảng viên các Khoa, sinh viên..), có thể phụ trách chung sinh viên toàn trường hoặc là một bộ phận chức năng hỗ trợ các CVHT của các Khoa chuyên ngành thực hiện tốt vai trò của một CVHT.

Thứ năm, phổ biến vai trò của CVHT tới sinh viên (đặc biệt trong tuần học chính trị/ sinh hoạt công dân đầu khoá của tân sinh viên), động viên sinh viên tích cực phối hợp chặt chẽ với CVHT của mình trong các hoạt động học tập, ngoại khoá hay cuộc sống cá nhân... Bản thân mỗi sinh viên phải có ý thức hợp tác với CVHT, chủ động trao đổi, xin ý kiến, chia sẻ tâm tư, nguyện vọng với CVHT khi gặp vướng mắc.

Kết luận

Thực tiễn công tác CVHT cho thấy, hoạt động CVHT đạt hiệu quả tốt là khi thầy cô sẵn sàng gặp gỡ, lắng nghe SV, khuyến khích SV chia sẻ, đưa ra tư vấn kỹ thuật và chiến lược về môn học/chương trình học, theo dõi sự tiến bộ của SV; khuyến khích SV khám phá các chuyên ngành khác nhau và cung cấp nguồn lực liên quan, làm rõ chính sách, quy định của trường, kết nối SV và các nguồn lực khác... Vì vậy, muốn đạt được hiệu quả tốt trong công tác CVHT cần phải có sự kết hợp và nỗ lực từ phía Nhà trường, Khoa chuyên ngành, mỗi CVHT và bản thân sinh viên, đặc biệt là mối quan hệ giữa CVHT với sinh viên Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, nâng cao chất lượng hỗ trợ tư vấn sinh viên trong quá trình học tập tại Trường là vấn đề vô cùng thiết thực và cần được Nhà trường chú trọng.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDDT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

2. Bùi Quý Thuận (2016), “Một số gợi ý nâng cao vai trò của cố vấn học tập trong đào tạo tín chỉ”, *Kỷ yếu Hội thảo Học viện Chính sách và Phát triển*.

**VAI TRÒ CỦA CỔ VẤN HỌC TẬP ĐỐI VỚI CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP
CỦA SINH VIÊN TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH - TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Phạm Thị Ngọc Thu

Tóm tắt

Hiện nay Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã và đang áp dụng chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ trong việc đo lường và đánh giá quá trình làm việc và nỗ lực của sinh viên trong suốt chương trình học. Trong việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên có thể tự thiết kế và theo dõi sự tiến bộ trong quá trình học tập của bản thân và xác định được khi nào họ sẽ đáp ứng các yêu cầu học tập để tốt nghiệp. Với hệ thống học tập này, việc hướng dẫn, tư vấn nhằm xác định lộ trình và cách thức học tập một cách phù hợp nhất cho sinh viên là một vấn đề hết sức quan trọng và cần thiết. Nhằm đáp ứng tình hình đó, hệ thống cổ vấn học tập tại trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM được xác định là một chuyên gia tư vấn về học tập và các công việc liên quan cho sinh viên, đồng hành cùng sinh viên trong suốt quá trình học tập. Bài viết này khẳng định về vai trò của hệ thống cổ vấn học tập tại Khoa Quản trị Kinh doanh - Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh đến cải thiện chất lượng học tập của sinh viên, bên cạnh đó đưa ra những nhận định và giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống cổ vấn học tập tại Khoa Quản trị Kinh doanh cũng như Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: *cổ vấn học tập, chất lượng học tập*

1. Đặt vấn đề

Đối với mỗi Quốc gia, giáo dục luôn là vấn đề được quan tâm và đầu tư một cách chuyên nghiệp. Giáo dục là tiền đề cho sự phát triển nguồn nhân lực cũng như là động lực và nền tảng để phát triển kinh tế bền vững. Có rất nhiều hội thảo khoa học và rất nhiều nghiên cứu để đề xuất những phương hướng, giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của hoạt động dạy và học trong học đường. Một trong những vấn đề được quan tâm và xác định có tầm ảnh hưởng quan trọng chính là cổ vấn học tập (CVHT). Tại trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã xác định cổ vấn học tập là yếu tố chủ chốt ảnh hưởng đến chất lượng học tập, hoạt động nghiên cứu khoa học, định hướng tương lai nghề nghiệp và tác động đến đời sống của sinh viên. Đã có những buổi hội thảo khoa học về việc nâng cao chất lượng học tập tại Khoa Quản trị Kinh doanh (QTKD) hằng năm, khoa cũng xác định rõ CVHT là người sẽ

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

trực tiếp tư vấn và thực hiện công việc hỗ trợ sinh viên nhằm phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn học phần phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp đúng hạn và định hướng được lộ trình học tập phù hợp. Ngoài ra CVHT sẽ luôn theo dõi về thái độ, hành vi, thành tích học tập của sinh viên nhằm giúp sinh viên điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra một lựa chọn đúng trong quá trình học tập.

CVHT đã trở thành một mắt xích quan trọng không thể thiếu trong cỗ máy đào tạo của khoa QTKD và của trường Cao đẳng Công thương TP.HCM, vì vậy thông qua bài nghiên cứu tác giả sẽ giới thiệu, tìm hiểu thực trạng công tác cố vấn học tập tại Khoa Quản trị Kinh doanh nhằm làm rõ vai trò của cố vấn học tập đối với chất lượng học tập của sinh viên từ đó ghi nhận những kết quả và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống CVHT tại Khoa nói riêng và Trường nói chung.

2. Giới thiệu về cố vấn học tập

2.1. Khái niệm về cố vấn học tập

Đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ở Việt Nam xuất hiện một chức danh công tác được quy định trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đó là cố vấn học tập. Về mặt ngữ nghĩa, cố vấn là một người am tường về một lĩnh vực nào đó và thường xuyên được cá nhân, tổ chức hỏi ý kiến để tham khảo khi giải quyết công việc (Từ điển Tiếng Việt, 2022).

Theo Phạm Thanh Hải (2020), Cố vấn học tập là chức danh quy định trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, là người tư vấn, hỗ trợ sinh viên tự nhận thức về mình, phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn đăng ký học phần, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp, tìm việc làm thích hợp; theo dõi thành tích học tập của SV nhằm giúp SV điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra một lựa chọn phù hợp trong quá trình học tập.

2.2. Các yêu cầu cần có đối với CVHT

Theo Nguyễn Thị Diệu thanh (2020), các yêu cầu cần có đối với cố vấn học tập như sau:

Thứ nhất, cố vấn học tập phải là người nắm rõ nhất bản chất của quá trình dạy học và quy trình đào tạo của đơn vị công tác, từ số lượng, nội dung các môn học trong mỗi kì, việc đăng ký các môn học ra sao cho đến số lượng tín chỉ người học phải tích lũy được, nội dung và hình thức thực hành, thực tế...

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Thứ hai, cố vấn học tập phải làm sao hiểu được người học và giúp người học hiểu được chính mình: hiểu được những gì người học cần trong quá trình học tập và những gì người học có thể tự làm được để từ đó tư vấn, hướng dẫn, giúp các em nhận ra đúng thiên hướng và trình độ học lực của mình, đăng ký vào đúng lớp mình có thể học và cần phải học.

Thứ ba, cố vấn học tập phải thực sự là những người có đạo đức, tâm huyết với nghề. Có như vậy thì họ mới có đủ sự kiên trì, nhẫn nại để theo sát tâm tư, nguyện vọng của từng sinh viên, cùng với các em tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Thứ tư, cố vấn học tập phải được trau dồi kỹ năng ngoại ngữ, vi tính và kỹ năng giao tiếp, làm việc với sinh viên. Không chỉ cần có Tâm, bản thân các cố vấn học tập cũng phải thực sự là những người bạn thực sự với chính người học. Họ phải nắm được tâm-sinh lý của các em, có phương pháp và nghệ thuật giao tiếp cởi mở, thân thiện. Có thể, họ mới thực sự “hòa” nhập vào thế giới sinh viên, giúp sinh viên tin tưởng và từ đó có thể sẻ chia mọi khó khăn, giải đáp những thắc mắc (thậm chí là những trăn trở rất khó nói) mà các em gặp phải trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Thứ 5, để cố vấn học tập phát huy tốt nhất vai trò của mình, bên cạnh chú trọng chất lượng đội ngũ này, chúng ta cần phải đảm bảo đủ về mặt số lượng để có thể phục vụ tốt nhu cầu của tất cả sinh viên, khắc phục tình trạng chỉ tập trung chú ý vào hai loại đối tượng sinh viên như nhiều trường hiện nay: sinh viên học tập xuất sắc cần bồi dưỡng tài năng và sinh viên gặp nhiều khó khăn.

2.3. Vai trò của CVHT

Trước tiên cần phải khẳng định rằng giáo viên CVHT có vai trò đặc biệt quan trọng, không thể thiếu trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Qua các tài liệu nghiên cứu, bài viết tổng hợp các vai trò thường xuyên được đề cập của CVHT như sau:

- Là một chuyên gia tư vấn về học tập và việc làm cho HSSV, đồng hành cùng sinh viên trong suốt quá trình học tập.
- Là một nhân tố then chốt trong mối quan hệ nhà trường và HSSV cũng như gia đình của họ.
- Là người đại diện của nhà trường thực hiện công tác quản lý HSSV.
- Là người giúp học sinh đề đạt yêu cầu, bày tỏ tâm tư nguyện vọng với Nhà trường.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Trong đó, vai trò đầu tiên là quan trọng nhất, khi CVHT là người đồng hành cùng sinh viên, sự hỗ trợ của CVHT có sự ảnh hưởng lớn đến học tập của SV vì CVHT là người có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công trong học tập và rèn luyện của HSSV (Phạm Anh Nga, 2020).

3. Phương pháp nghiên cứu

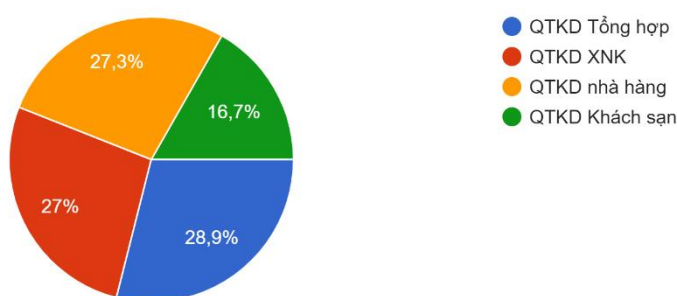
Nghiên cứu đề tài này tôi đã sử dụng phối hợp các phương pháp NCKH. Nhóm phương pháp nghiên cứu tổng hợp lý thuyết, xây dựng cơ sở lý luận. các phương pháp: Điều tra bằng bảng hỏi; Phỏng vấn qua điện thoại và trực tiếp; thống kê được sử dụng để tìm hiểu thực trạng và xử lý kết quả điều tra. Để tìm hiểu thực trạng của vấn đề, tôi đã tiến hành khảo sát (07/06/2022) trên 418 sinh viên và được xử lý bằng SPSS 20.

4. Kết quả nghiên cứu

Bảng câu hỏi khảo sát được tham khảo qua các bài viết về ảnh hưởng của CVHT đến chất lượng học tập của sinh viên và phỏng vấn sinh viên cũng như một số CVHT của Khoa QTKD. Kết quả khảo sát như sau:

Về tỷ lệ tham gia của sinh viên các ngành: có 121 SV ngành QTKD Tổng hợp chiếm 28.9%, 113 SV ngành QTKD XNK chiếm 27%, 114 SV ngành QTKD Nhà hàng chiếm 27.3%, có 70 SV ngành QTKD Khách sạn chiếm 16.7% (Hình 1).

Ngành học của bạn
418 câu trả lời



Hình 1: Tỷ lệ tham gia khảo sát của sinh viên các ngành học thuộc khoa QTKD

Về tỷ lệ sinh viên tham gia khảo sát theo năm học có 208 sinh viên năm nhất chiếm 49.8%, 157 SV năm 2 chiếm 37.6%, 53 SV năm 3 chiếm 12.6% (bảng 1).

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Về nhận thức số liệu ở hình 3 cho thấy, có tới 57.7% SV cho rằng, CVHT có vai trò rất quan trọng và 40.7% SV đã khẳng định, các CVHT có vai trò quan trọng. Như vậy, 98.3% SV khoa QTKD đều đã nhận thức được tầm quan trọng của các CVHT trong đào tạo theo học chế tín chỉ (bảng 2). Ngoài ra, biểu đồ ở hình 2 cũng cho thấy rằng số lượng sinh viên nhận thức vai trò của CVHT rất quan trọng là cao nhất và trên 50%, điều này cho thấy rằng, CVHT của khoa đã phát huy được vai trò của mình và SV QTKD cũng nhận thấy và thừa nhận rằng CVHT có vai trò quan trọng đối với việc học của họ.

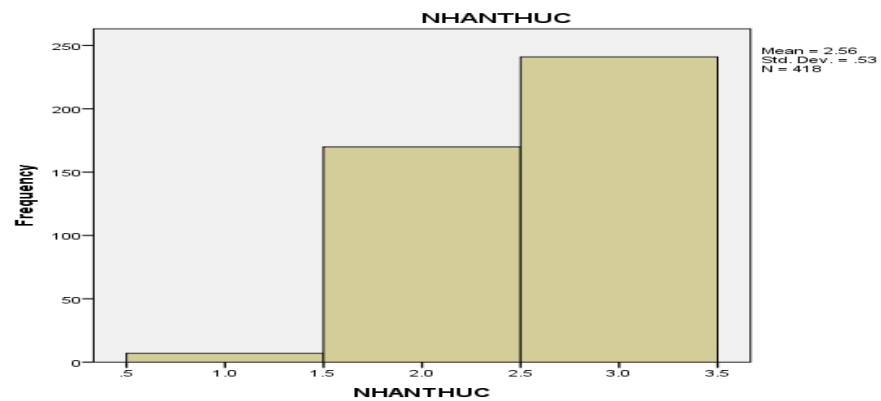
SVNAM					
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	208	49.8	49.8	49.8
	2	157	37.6	37.6	87.3
	3	53	12.7	12.7	100.0
	Total	418	100.0	100.0	

Bảng 1: Tỷ lệ sinh viên các năm học tham gia khảo sát

NHANTHUC					
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	1	7	1.7	1.7	1.7
	2	170	40.7	40.7	42.3
	3	241	57.7	57.7	100.0
	Total	418	100.0	100.0	

Bảng 2: Nhận thức của sinh viên về vai trò của CVHT

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"



Hình 2: Biểu đồ nhận thức của sinh viên về vai trò của CVHT

Bên cạnh việc tìm hiểu về nhận thức của SV về vai trò của CVHT, bài viết còn tìm hiểu về các biện pháp mà CVHT sử dụng để hỗ trợ về mặt học tập cho sinh viên. Các câu hỏi khảo sát dựa trên tham khảo các biện pháp nâng cao chất lượng học tập của tác giả Thiều Thị Hường (2020), phỏng vấn các CVHT tại khoa QTKD, SV khoa QTKD để điều chỉnh cho phù hợp.

Kết Quả như sau:

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

STT	Các biện pháp tác động	Mức độ thường xuyên				Mean
		1	2	3	4	
1	CVHT Đề ra yêu cầu cụ thể, phù hợp đối với mỗi SV.	1.2%	16%	55.5%	27.3%	3.09
2	CVHT Xây dựng truyền thống học tập cho tập thể SV	2.4%	17.7%	51.4%	28.5%	3.06
3	CVHT Quan tâm, giúp đỡ SV yếu, kém	3.6%	19.6%	44.7%	32.1%	3.05
4	CVHT Phát động phong trào học tập sôi nổi trong tập thể SV	4.1%	20.6%	48.6%	26.8%	2.98
5	CVHT Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường giúp đỡ SV.	2.2%	19.4%	48.8%	29.7%	3.06
6	CVHT Chia nhóm, phân tổ học tập, đôi bạn cùng tiến	16.7%	24.2%	39.2%	19.9%	2.62
7	CVHT thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với các giảng viên bộ môn	7.7%	28%	40.9%	23.4%	2.8
8	CVHT Giáo dục cho SV thái độ, động cơ học tập đúng đắn	3.1%	13.9%	48.6%	34.4%	3.14
9	CVHT Giúp SV lựa chọn phương pháp và cách thức học tập phù hợp	1.9%	16.3%	46.7%	35.2%	3.15
10	CVHT Nêu gương và khen thưởng đối với những SV hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập	8.9%	24.6%	42.3%	24.2%	2.82
11	CVHT Tổ chức các buổi giao lưu, gặp mặt trao đổi kinh nghiệm học tập giữa các lớp trong khoa	14.8%	25.6%	35.4%	24.2%	2.69

Bảng 3: Thống kê về mức độ thường xuyên thực hiện các biện pháp CVHT

Qua thống kê về mức độ thường xuyên của việc sử dụng các phương pháp, bài viết có khảo sát thêm về tự đánh giá của sinh viên (thang đo 1-3) về các kết quả sau khi CVHT sử dụng các biện pháp nhằm hỗ trợ cho việc học tập của sinh viên và kết quả như sau:

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Descriptive Statistics						
		Statistic	Bootstrap ^a			
			Bias	Std. Error	95% Confidence Interval	
					Lower	Upper
HIEUQUA	N	418	0	0	418	418
	Mean	2.32	.00	.03	2.27	2.37
	Std. Deviation	.556	.000	.016	.524	.589
TICHCUC	N	418	0	0	418	418
	Mean	2.36	.00	.03	2.30	2.41
	Std. Deviation	.559	.000	.015	.530	.592
KETQUAHOC	N	418	0	0	418	418
	Mean	2.33	.00	.03	2.28	2.38
	Std. Deviation	.530	.000	.014	.503	.558
HUNGTHU	N	418	0	0	418	418
	Mean	2.26	.00	.03	2.21	2.32
	Std. Deviation	.572	-.001	.017	.536	.603
DONGCOHT	N	418	0	0	418	418
	Mean	2.49	.00	.03	2.44	2.54
	Std. Deviation	.538	.000	.013	.514	.564
Valid N (listwise)	N	418	0	0	418	418

a. Unless otherwise noted, bootstrap results are based on 1000 bootstrap samples

Bảng 4: Thống kê đánh giá của sinh viên về kết quả sử dụng các biện pháp CVHT đối với việc cải thiện chất lượng học tập

Số liệu ở bảng 4 cho thấy rằng sinh viên đánh giá tương đối cao về: (1) hiệu quả của việc sử dụng các biện pháp đối với chất lượng học tập của SV (Mean=2.32, Std=0.556); (2) SV tích cực, tự giác tham gia các hoạt động của lớp, khoa và trường (mean =2.36, Std=0.559); (3) Kết quả học tập của SV được cải thiện (Mean=2.33, Std=0.53); (4) SV hứng thú hơn trong các hoạt động của lớp, Đoàn, Hội (Mean=2.26, Std=0.572); (5) SV có động cơ và thái độ học tập tích cực (Mean=2.49, Std=0.538).

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Xét thấy công việc hàng đầu quan trọng nhất của CVHT là việc gặp gỡ, tìm hiểu và tư vấn cho sinh viên để, đặt ra những yêu cầu cụ thể, phù hợp cho từng sinh viên, và để có thể khẳng định rõ hơn vai trò của CVHT trong việc cải thiện chất lượng học tập của sinh viên, tác giả tiến hành so sánh trung bình đánh giá “kết quả học tập được cải thiện” của các nhóm sinh viên theo mức độ thường xuyên của “CVHT trong việc đề ra yêu cầu cụ thể, phù hợp đối với từng SV”. Kết quả như sau:

Test of Homogeneity of Variances				
KETQUAHOC				
Levene Statistic	df1	df2	Sig.	
13.308	3	414	.000	

Robust Tests of Equality of Means				
KETQUAHOC				
	Statistic ^a	df1	df2	Sig.
Welch	24.609	3	19.050	.000

a. Asymptotically F distributed.

Bảng 5: Kết quả kiểm định Oneway ANOVA

Trường hợp sig Levene Statistic nhỏ hơn 0.05, giả thuyết phương sai đồng nhất giữa các nhóm giá trị biến định tính đã bị vi phạm, kiểm định Welch cho trường hợp vi phạm giả định phương sai đồng nhất.

Multiple Comparisons							
Dependent Variable: KETQUAHOC							
Tamhane							
(I) YCPH	(J) YCPH	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval		
					Lower Bound	Upper Bound	
hoan toan khong	thinh thoang	-.060	.320	1.000	-1.55	1.43	
	thuong xuyen	-.267	.318	.971	-1.78	1.24	
	rat thuong xuyen	-.649	.320	.500	-2.15	.85	
thinh thoang	hoan toan khong	.060	.320	1.000	-1.43	1.55	
	thuong xuyen	-.208*	.061	.005	-.37	-.04	
	rat thuong xuyen	-.589*	.070	.000	-.77	-.40	

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

	hoan toan khong	.267	.318	.971	-1.24		1.78
thuong xuyen	thinh thoang	.208*	.061	.005	.04		.37
	rat thuong xuyen	-.382*	.057	.000	-.53		-.23
	hoan toan khong	.649	.320	.500	-.85		2.15
rat thuong xuyen	thinh thoang	.589*	.070	.000	.40		.77
	thuong xuyen	.382*	.057	.000	.23		.53

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

Bảng 6: Kết quả kiểm định sự khác biệt về kết quả học tập được cải thiện giữa từng nhóm

Kết quả sig ở kiểm định Welch ở bảng Robust Tests < 0.05, chúng ta kết luận: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về “kết quả học tập của sinh viên được cải thiện” của những SV có mức độ thường xuyên của “CVHT trong việc đề ra yêu cầu cụ thể, phù hợp đối với từng SV” khác nhau.

Tiếp tục tiến hành kiểm định sự khác biệt giữa mức độ cải thiện về kết quả học tập giữa các nhóm riêng biệt, kết quả cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở nhóm CVHT “thỉnh thoảng” với nhóm “thường xuyên” và “rất thường xuyên”. Tác giả tổng hợp như sau:

CVHT Đề ra yêu cầu cụ thể, phù hợp đối với mỗi SV và tập thể lớp		Kết quả học tập của SV được cải thiện	sig
		So sánh trung bình (mean difference)	
Thỉnh thoảng	Thường xuyên	-.208	.005
	Rất thường xuyên	-.589	.000
Thường xuyên	Thỉnh thoảng	.208	.005
	Rất thường xuyên	-.382	.000
Rất thường xuyên	Thỉnh thoảng	.589	.000
	Thường xuyên	.382	.000

Bảng 7: Tổng hợp kết quả so sánh SV đánh giá mức độ kết quả học tập được cải thiện giữa các nhóm.

Như vậy, có thể kết luận rằng, sinh viên có CVHT rất thường xuyên đề ra yêu cầu cụ thể, phù hợp cho mỗi SV và tập thể lớp có đánh giá về “sự cải thiện kết quả học tập cao hơn

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

các nhóm khác lần lượt là 0.382 với nhóm “thường xuyên” và cao hơn 0.589 với nhóm “thỉnh thoảng. Nhóm “thường xuyên” được CVHT đề ra yêu cầu cụ thể, phù hợp cho mỗi SV và tập thể lớp cũng có đánh giá về “sự cải thiện kết quả học tập cao hơn nhóm thỉnh thoảng là 0.208.

5. Giải pháp và kiến nghị

Đội ngũ CVHT của khoa QTKD – trường Cao đẳng Công Thương TPHCM đã sử dụng khá đa dạng các biện pháp để góp phần giúp SV khoa QTKD cải thiện chất lượng học tập ở mức độ khá thường xuyên, được sinh viên đánh giá khá cao về các kết quả sau khi sử dụng các biện pháp CVHT. Bên cạnh đó, các kết quả phân tích cho thấy rằng, việc làm củ CVHT có sự ảnh hưởng nhất định đến việc cải thiện kết quả học tập của sinh viên khoa QTKD. Như vậy, hệ thống CVHT của khoa QTKD đang thể hiện được vai trò của mình và đi đúng hướng trong công việc CVHT, tạo nên những sự cải thiện tích cực trong việc học tập của sinh viên.

5.1. Giải pháp

Nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống CVHT của khoa QTKD, tác giả xin đề xuất một số giải pháp như sau:

- Việc chia nhóm học tập hoặc đôi bạn cùng tiến là một biện pháp khá hiệu quả trong rất nhiều nghiên cứu, hiện nay sinh viên học tập theo nhóm một cách ngẫu nhiên và tự phát. CVHT vào năm học thứ nhất nên tìm hiểu về kết quả học tập trước đó của SV, tính cách, quê quán... làm căn cứ chia nhóm giúp đỡ nhau trong học tập, hoặc thông tin về các vấn đề học vụ.

- Việc liên kết giữa giảng viên bộ môn và CVHT vẫn chưa thực sự rõ ràng. Đây là một mối liên hệ qua lại, hỗ trợ cùng phát triển. CVHT giúp GV bộ môn nắm rõ hơn về sinh viên, rèn luyện thái độ học tập, GV bộ môn giúp CVHT phát huy vai trò cố vấn và hỗ trợ sinh viên về yêu cầu của từng môn học. CVHT và giáo viên bộ môn trong tổ hoặc trong khoa nên tổ chức một kênh liên lạc chung như nhóm zalo hoặc tổ chức họp định kỳ để nhằm giải quyết các vấn đề về học tập cũng như trao đổi cách thức hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt.

- Hoạt động khen thưởng đối với sinh viên khoa QTKD chỉ dừng lại ở mức học bổng của trường và của khoa QTKD mỗi đầu năm học, hoạt động khen thưởng trong lớp của CVHT chỉ dừng lại ở mức độ tự phát và chưa có căn cứ cũng như chi phí rõ ràng để CVHT có những hoạt động khen thưởng tại lớp. Việc thực hiện hoạt động này nhằm động viên, khích

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

lệ sinh viên nhiều hơn trong học tập, ngoài ra còn giúp cho hoạt động CVHT phong phú và thu hút hơn, gắn kết SV với lớp nhiều hơn.

- Việc tổ chức các buổi giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các CVHT vẫn chưa được tổ chức thường xuyên, có quy mô và nội dung hợp lý. Cần tạo ra các buổi giao lưu CVHT để các thầy cô có nơi chia sẻ kinh nghiệm hay, nêu lên những vấn đề nan giải, khó khăn trong quá trình cố vấn của mình.

- Hiện nay, một số sinh viên vẫn còn rất thờ ơ với hoạt động CVHT, nhận thức rằng CVHT là hoạt động nhằm chán, không có hứng thú. Điều này dẫn đến hoạt động CVHT của các thầy cô diễn ra thường xuyên nhưng kết quả học tập của SV vẫn không được cải thiện. Việc thực hiện các giải pháp trên cần đồng bộ, vừa hoàn thiện hệ thống CVHT, vừa cải thiện các hoạt động CVHT nhằm thu hút SV tham gia.

5.2. Kiến Nghị

- Nhà trường cần tổ chức thêm các buổi hội họp, giao lưu CVHT để cập nhật thông tin mới, chia sẻ kinh nghiệm CVHT định kỳ.

- Có thêm các quy định về việc tham gia các buổi CVHT, trao thêm quyền cho CVHT trong các công việc liên quan đến công tác học vụ.

- Cần có chính sách hỗ trợ cho CVHT trong vấn đề tổ chức các buổi cố vấn một cách phong phú và thu hút hơn.

6. Kết luận

Công tác cố vấn học tập là một hoạt động không thể thiếu ở các trường đào tạo theo hệ thống tín chỉ nói chung và trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM. Ý nghĩa và kết quả của công tác này đang được phát huy khá tốt ở khoa QTKD, sinh viên nhận được tư vấn và hỗ trợ cần thiết kịp thời mỗi khi gặp những khó khăn hay vướng mắc trong các lĩnh vực tâm lý và đời sống, học tập và nghiên cứu, đào tạo, công tác học sinh sinh viên và chủ trương chính sách nhà trường. Mỗi biện pháp mà CVHT đều có thể phát huy hiệu quả riêng, các CVHT nên căn cứ vào tình hình cụ thể của tập thể SV để sử dụng phối kết hợp, linh hoạt và sáng tạo các biện pháp nhằm giúp SV nâng cao kết quả học tập.

7. Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục & Đào tạo (2007), Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Trần văn Hùng (2012), “ *Vai trò của giáo viên cố vấn học tập trong đào tạo theo học chế tín chỉ*”, Báo Giáo dục và thời đại online.

Thiều Thị Hường (2020), “*Thực trạng sử dụng các biện pháp nâng cao kết quả học tập cho sinh viên năm thứ nhất của đội ngũ cố vấn học tập Trường đại học Sư phạm - đại học Huế*”, Hội thảo “Vai trò của CVHT trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại các trường Cao Đẳng – Đại Học Việt Nam.

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Diệu Thanh (2020), *Cố vấn học tập trong đào tạo tín chỉ ở các trường đại học, cao đẳng VN hiện nay – yêu cầu, thực trạng và một số giải pháp*. Hội thảo “Vai trò của CVHT trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại các trường Cao Đẳng – Đại Học Việt Nam.

Phạm Thanh Hải (2020), *Chức năng tư vấn học tập của cố vấn học tập trong đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ*. Hội thảo “Vai trò của CVHT trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại các trường Cao Đẳng – Đại Học Việt Nam.

**NÂNG CAO NHẬN THỨC HỌC TẬP VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA
SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ThS. Phan Thị Minh Thảo – GV tổ bộ môn NH – KS

Giáo dục đại học ngày nay đóng vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia thông qua các kỹ năng nghề nghiệp và hiệu quả làm việc của sinh viên. Trong công cuộc hội nhập toàn cầu hóa của thế giới lĩnh vực cần phải hội nhập trước nhất và quyết liệt nhất chính là lĩnh vực giáo dục. Thực tiễn cho thấy, Việt Nam muốn trở nên thịnh vượng và văn minh, thì phải có những con người Việt Nam mới, những con người được nuôi dưỡng tâm hồn, được khai sáng trí tuệ và rèn luyện thể chất tốt. Để thực hiện được mục tiêu này phải xác định đây không chỉ là trách nhiệm của từng cá nhân hay từng tổ chức mà là trách nhiệm của nhà nước, nhà trường, nhà giáo, gia đình và người học.

Đặc biệt, xét về tính giáo dục tri thức nhà trường phải quan tâm phát triển cho người học nhu cầu nhận thức nhằm không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp và khả năng hội nhập với xã hội ngày càng văn minh, hiện đại. Tuy nhiên hiện nay sinh viên vẫn chưa nhận thức được tầm quan trọng của công tác học tập và định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Sinh viên vẫn còn rất hoang mang chưa nhất quán được lý do lựa chọn con đường học tập Đại học, cao đẳng dẫn đến việc lơ là trong công tác học tập, dễ bỏ học và lựa chọn nghề nghiệp chưa chính xác khi ra trường

Giáo dục đại học giữ vai trò quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực theo các lĩnh vực chuyên môn cho đối tượng công dân là người lớn. Việc phát triển nhu cầu nhận thức cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng là một trong những yếu tố thúc đẩy năng lực tự giáo dục, tự hoàn thiện bản thân cho sinh viên và gây lan tỏa cho các đối tượng khác trong cộng đồng theo mạng lưới các lĩnh vực nghề nghiệp.

Từ khóa: nâng cao nhận thức học tập, định hướng nghề nghiệp, sinh viên, khoa QTKD....

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

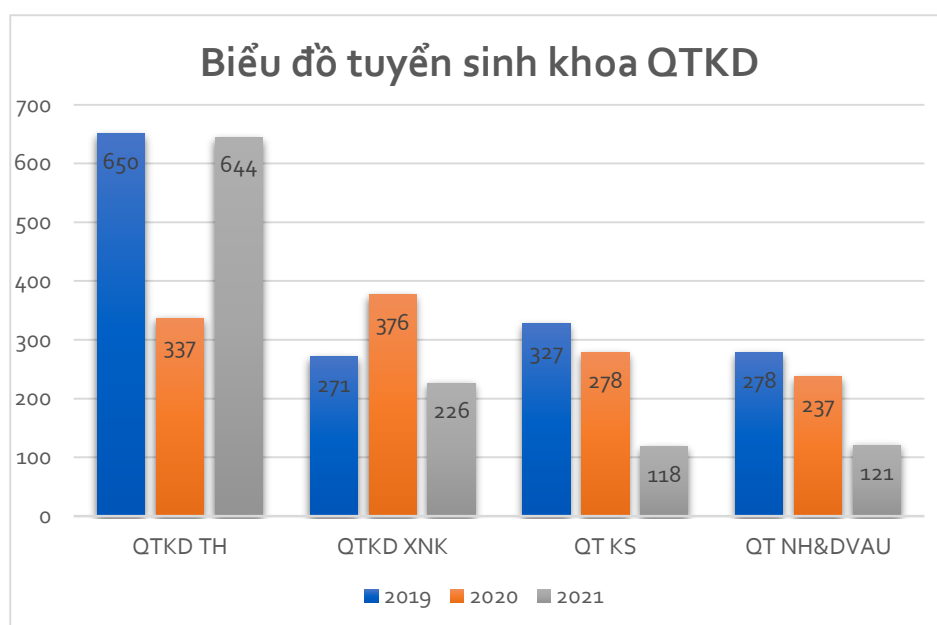
Trong xu hướng phát triển mới của xã hội sau đại dịch Covid-19, xã hội đang phải sống thích ứng và đổi thay từng ngày với một tốc độ chóng mặt. Xu thế hội nhập, phát triển với thế giới đã và đang là mục tiêu quan trọng của từng quốc gia. Tuy nhiên với sự hội nhập mạnh mẽ cũng sẽ dẫn đến nhiều định hướng và tư tưởng mới tác động đến lối sống của

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ cụ thể là bộ phận sinh viên hiện nay. Thế hệ được xem là yếu tố then chốt, nắm giữ tri thức, hiểu biết và nhân tố góp phần vào sự phát triển của đất nước.

Nói đến sinh viên Việt Nam là nói tới một thế hệ trẻ năng động, đầy sức sống và sáng tạo - những người đang nắm giữ chìa khóa mở ra cánh cửa cho những tiến bộ khoa học, công nghệ đầy triển vọng và đột phá. Nói cách khác, họ là lớp thanh niên trí thức đại diện và quyết định cho tương lai của đất nước. Bởi vậy, ý thức học tập của sinh viên là một điều quan trọng và hết sức cần thiết.

Bảng 1.1: Biểu đồ tuyển sinh khoa QTKD từ năm 2019 – 2021



Nguồn: Người viết tổng kết từ số liệu tuyển sinh của Khoa QTKD – Trường CĐCT
TP.HCM

Do vậy, để có thể đưa ra những ý kiến đóng góp nhằm thúc đẩy động lực học tập của sinh viên, giúp sinh viên có định hướng về nghề nghiệp một cách đúng đắn nhất, người viết đã lựa chọn đề tài: “Nâng cao nhận thức học tập và định hướng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM” nhằm góp phần phát triển chất lượng đầu ra từ nguồn lực trẻ là sinh viên của Khoa Quản trị kinh doanh nói riêng và Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM nói chung.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở lý luận

1.1. Nhận thức của sinh viên

1.1.1. Khái niệm nhận thức

Theo triết học Mac – Lênin con người có khả năng nhận thức thế giới.

Nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ óc con người, là hoạt động tìm hiểu khách thể của chủ thể. Thế giới vật chất tồn tại khách quan độc lập đối với ý thức của con người tuy nhiên không có cái gì là không thể nhận thức được mà chỉ có cái con người chưa nhận thức được mà thôi.

Nhận thức là một quá trình biện chứng có sự vận động và phát triển. Khẳng định sự phản ánh đó là một quá trình biện chứng, tích cực, tự giác và sáng tạo. Quá trình phản ánh xảy ra theo trình tự từ chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, từ hiện tượng đến bản chất.

Nhận thức là quá trình tác động biện chứng giữa chủ thể và khách thể thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Coi thực tiễn là cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của nhận thức, là động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn để kiểm tra chân lý.

1.1.2. Đặc điểm và sự phát triển nhận thức của sinh viên

Sinh viên là tầng lớp trí thức của xã hội, vì thế đặc điểm tâm lý của tầng lớp này khá khác biệt so với những tầng lớp khác. Tâm sinh lý của sinh viên rất đa dạng và phong phú. Với sự phát triển ổn định về mặt thể chất đã tác động một phần vào thời kì phát triển tích cực nhất về tình cảm, đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và tính cách.

Bản chất hoạt động nhận thức của những người sinh viên trong các trường Đại học, Cao đẳng là đi sâu, tìm hiểu những môn học, những chuyên ngành khoa học cụ thể một cách chuyên sâu để nắm được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, qui luật của các khoa học đó, với mục đích trở thành những chuyên gia nhất về các lĩnh vực nhất định. Hoạt động của họ một mặt phải kế thừa một cách có hệ thống những thành tựu đã có, mặt khác lại phải tiệm cận với những thành tựu khoa học đương đại và có tính cập nhật, thời sự. Nhận thức của sinh viên đã có sự thay đổi về chất so với khi còn ở độ tuổi thanh thiếu niên ở bậc THPT, sinh viên đã dần thích nghi được môi trường học tập, sinh hoạt mới và đã dần tự ý thức được bản thân mình cần làm gì, hơn thế ở các sinh viên đặc biệt là ở các sinh viên từ năm hai trở lên, họ đã định hướng và xây dựng được cho bản thân mình một kịch bản đường đời riêng. Họ bắt đầu kì vọng về bản thân và cả tương lai gần của mình đến tương lai sau này khi tốt nghiệp ra trường. Từ đó vạch ra những kế hoạch, mục đích phấn đấu cho mình ở thời điểm này. Đã có một số công trình nghiên cứu về sự phát triển về nhận thức và tư duy của sinh viên ở nước ngoài và trong nước cho thấy hoạt động nhận thức của sinh viên thực sự là loại

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

hoạt động trí tuệ căng thẳng, linh hoạt, nhạy bén, có tư duy phản biện, tiếp thu lượng kiến thức khổng lồ ở cường độ cao và có tính lựa chọn rõ rệt.

- Theo W. Perry (1970) đã tiến hành cuộc nghiên cứu về những biến đổi các quá trình tư duy ở sinh viên trường đại học trong 4 năm học ở trường. Kết quả đã cho thấy từ năm thứ nhất đến năm thứ tư, sinh viên đã chuyển từ quan điểm tuyệt đối sang quan điểm tương đối và tiếp theo là tự mình lựa chọn các quan điểm, ý tưởng và niềm tin phù hợp với mình cụ thể

- Sinh viên năm đầu thường nhìn nhận thế giới và hiểu các tri thức thu được một cách cứng nhắc, hơi thái quá. Họ luôn có xu hướng tìm kiếm chân lý và những tri thức tuyệt đối.
- Năm tiếp theo, sinh viên không tránh khỏi việc phải đối mặt với những quan điểm và lý thuyết khác nhau, họ có cảm giác những tri thức tiếp nhận được từ giảng viên rất lộn xộn và không rõ ràng.
- Năm sau nữa, sinh viên bắt đầu chấp nhận và đánh giá cao một thực tế là luôn có những quan điểm khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau về cùng một vấn đề. Họ bắt đầu hiểu được rằng con người có quyền đưa ra những ý kiến khác nhau, và họ đi đến kết luận rằng có thể nhìn nhận sự việc theo cách khác nhau phụ thuộc vào hoàn cảnh.

Perry coi khía cạnh phát triển của trí tuệ đó là đặc điểm đặc trưng trong nhận thức của tuổi thanh niên sinh viên. Giai đoạn sinh viên là thời kỳ phát triển tích cực nhất của đời sống các loại tình cảm và đặc biệt là đối với tầng lớp sinh viên tập hợp hầu như các loại tình cảm cảm xúc mang tính chất tri thức hơn những thanh niên khác như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ, tình bạn, tình yêu. Những tình cảm này biểu hiện rất đa dạng trong hoạt động sinh hoạt ở các môi trường đại học, cao đẳng.

- Theo B.G. Ananhev và một số nhà tâm lý học khác, tuổi sinh viên là thời kỳ phát triển tích cực nhất của những loại tình cảm cao cấp như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ. Những tình cảm này biểu hiện rất phong phú trong hoạt động đời sống của sinh viên. Đặc điểm của nó chính là hệ thống và bền vững so với thời kỳ trước đó.

Sinh viên còn có năng lực tự đánh giá bản thân. Tự đánh giá ở tuổi sinh viên là một hoạt động nhận thức, trong đó đối tượng nhận thức chính là bản thân chủ thể. Sinh viên dựa vào sự đánh giá để xây dựng được những định hướng, điều chỉnh hành vi, hoạt động của bản thân nhằm đạt được mục đích, lý tưởng sống một cách tự giác. Sinh viên thường đặt ra những câu hỏi: Tôi là ai? Tôi là người thế nào? Tôi có những phẩm chất gì? Tôi có xứng

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

đáng không? Hơn thế họ còn có khả năng đi sâu lý giải câu hỏi: Tại sao tôi là người như thế? Tự đánh giá của sinh viên vừa có ý nghĩa tự ý thức vừa có ý nghĩa tự giáo dục. Tự ý thức là một trình độ phát triển cao của ý thức, nó giúp sinh viên có hiểu biết về thái độ, hành vi, cử chỉ của mình để chủ động hướng hoạt động của mình đi theo những yêu cầu đòi hỏi của tập thể, của xã hội.

- Những nghiên cứu của V.X.Merlin và E.I.Ilin đã cho thấy sinh viên rất quan tâm đến mức độ đánh giá tốc độ phản ứng của mình trong học tập, giao tiếp – phản ứng đúng và nhanh đòi hỏi của hoàn cảnh bên ngoài là một năng lực của nhân cách và rất có ý đối với hoạt động của sinh viên. Đa số sinh viên tự đánh giá kỹ năng định hướng vào người khác ở mức trung bình. Kỹ năng này bao gồm tổ hợp hành vi như kỹ năng làm quen, giao tiếp với người lạ.

Sinh viên trong thời đại mới hiện nay đã nhận thức, ý thức và đánh giá cao về những giá trị chuẩn mực của xã hội và cuộc sống, từ đó tự điều chỉnh hành vi, thái độ, lối sống của sinh viên nhằm hướng tới những giá trị chân thiện mỹ phù hợp với văn hóa dân tộc.

- Với đề tài KX-07-04 của một số tác giả Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Sang, sách “Giá trị - Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị” (Hà Nội, 1995) đã cho rằng sinh viên Việt Nam đã thực hiện đánh giá dựa vào các giá trị: hòa bình, tự do, tình yêu, công lý, việc làm, niềm tin gia đình, nghề nghiệp, tình nghĩa, sống có mục đích, tự trọng

Sinh viên đã dần xây dựng được thang đo khi đánh giá và nhận thức cần hoàn thiện về các mặt như:

- Có tư duy kinh tế, biết tính toán hiệu quả.
- Năng động, nhanh thích nghi với hoàn cảnh.
- Sử dụng thành thạo tiếng nước ngoài.
- Dám nghĩ, dám làm, chấp nhận mạo hiểm.

Bảng 1.1: Những định hướng giá trị nghề nghiệp được sinh viên lựa chọn là

Giá trị nghề nghiệp	Số liệu khảo sát
Nghề có thu nhập cao	77,0%
Nghề phù hợp với sức khỏe, trình độ	67,2%

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Nghề phù hợp với hứng thú, sở thích	66,3%
Nghề có điều kiện chăm lo gia đình	64,2%
Nghề có điều kiện phát triển năng lực	62,8%
Nghề được xã hội coi trọng	62,7%
Nghề đảm bảo yên tâm suốt đời	60,0%
Nghề làm việc bằng trí óc	61,7%
Nghề có thể giúp ích cho nhiều người	57,8%
Nghề có điều kiện tiếp tục học lên	56,8%

Nguồn: Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Sang "Giá trị - Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị", Hà Nội (1995)

Do bối cảnh của thời cuộc hiện nay đã thôi thúc sinh viên tự phấn đấu rèn luyện khác nhau mà mỗi sinh viên lại có những hướng đi, những con đường phát triển theo quan điểm cá nhân mình. Đã hình thành và phát triển ra các nhóm sinh viên có định hướng giá trị khác nhau:

- Nhóm thứ nhất, sinh viên tiếp tục được gia đình chu cấp đầy đủ và nhiệm vụ chính của họ không khác với thời kì phổ thông là mấy. Họ chỉ cần hàng ngày đến lớp và học bài, còn chuyện nghề nghiệp tương lai đã có cha mẹ định hướng và giúp đỡ cho họ.

- Nhóm thứ hai, sau khi đậu đại học, sinh viên có tâm trạng nghi "xả hơi". Họ tận dụng mọi cơ hội để vui chơi, giải trí, giao lưu. Triết lý của những sinh viên này là hưởng thụ tối đa cuộc đời tự do của tuổi trẻ. Đối với họ học hành chỉ là chuyện phụ. Nhóm sinh viên này hầu như không có tư tưởng xây dựng cho mình một kế hoạch riêng cho tương lai, họ ít hoặc không tiếp thu lĩnh hội được các kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết. Và cuối cùng thì họ ra trường với cái bằng điểm số chỉ ở mức trung bình, còn về phần chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp họ hoàn toàn ở mức vớt vát.

- Nhóm thứ ba, ngoài việc học, họ còn quan tâm đến các hoạt động xã hội và các mối quan hệ giao tiếp với thầy cô giáo, bạn bè và những người khác. Nhiều người còn kết hợp cả việc học với làm thêm. Điều này một mặt có ảnh hưởng đến chất lượng học tập trong trường ĐH, CĐ, mặt khác công việc giúp họ có thêm kinh nghiệm sống và trải nghiệm thực tiễn. Họ là những sinh viên năng nổ, nhiệt huyết trong công việc và các mối quan hệ của họ.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Những sinh viên này đã biết cách cân bằng giữa việc học và đi làm, họ đã định hướng được giá trị năng lực của bản thân mình. Những công việc làm thêm giúp họ có thêm kinh nghiệm sống và kỹ năng làm việc một cách bài bản và linh hoạt, có thể nói họ đang là những thanh niên của thời đại. Nhiệt huyết, đam mê, trải nghiệm và học hỏi.

- Nhóm thứ tư, rất quan tâm đến nghề nghiệp tương lai của mình. Ngay từ những ngày đầu, họ đã học tập trung, nghiêm túc. Họ hỏi các sinh viên năm trên và các giáo viên về cách học, cách ôn thi, các phương pháp học ở bậc đại học. Từ những năm thứ 2, thứ 3, học đã kịp tìm hiểu khá kỹ càng về chương trình học, về các yêu cầu của ngành nghề, về những kiến thức và kỹ năng quan trọng cần tích lũy và về các nơi làm việc. đối với học việc đạt thành tích cao trong học tập, trong NCKH là đáng tự hào nhất.

1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên

Những yếu tố chủ quan

- Hoạt động học tập, sáng tạo là hoạt động chủ đạo và cơ bản của sinh viên. Hoạt động học tập trong các trường ĐH, CĐ khác hoàn toàn so với môi trường các bậc giáo dục phổ thông, nó mang tính chuyên ngành, phạm vi bó gọn, sâu sắc hơn để đào tạo các thế hệ trẻ cho nhiều lĩnh vực và ngành nghề khác nhau cho đất nước. Đã có nhiều tác giả cho rằng: Học ĐH, CĐ là phương pháp tự học. cho thấy rằng đây là một môi trường để tự bản thân phấn đấu, chỉ những ai yêu thích, quan tâm và biết cách tự học, tự mày mò tri thức thì người đó có kiến thức. Nghiên cứu khoa học cũng là một dạng hoạt động tự học bậc cao của sinh viên. Sinh viên luôn là người phát hiện vấn đề và tìm cách giải quyết cho vấn đề ấy bằng các phương pháp khoa học. Cùng với học tập và nghiên cứu khoa học thì trong quá trình này sinh viên còn có một hoạt động khác, đó là hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm để hội nhập và phát triển. Sinh viên tập trung vào những hành động, những kỹ thuật, những nguyên tắc chung có tính chất trí óc là chính. Đó là những nét đặc trưng trong hoạt động học tập của sinh viên.

- Hoạt động chính trị - xã hội, là những người có đầu óc nhạy bén sẵn cảm đối với tình hình kinh tế, tổ chức xã hội, chính trị của quốc gia và thế giới. Là thế hệ kế thừa của công cuộc xây dựng đất nước mới, sinh viên cũng sẽ có những chính kiến riêng đối với đường lối chủ trương, chính sách của những tổ chức cầm quyền.

- Ngoài những hoạt động chính trị - xã hội, sinh viên cũng là một nhóm xã hội tích cực tham gia các hoạt động khác mang tính nhân văn, nghệ thuật, thể dục thể thao,...để thỏa mãn nhu cầu giao lưu phong phú cũng như rèn luyện bản thân họ. Những mối quan hệ giao

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

lưu của sinh viên các trường ĐH, CĐ là những mối quan hệ giao lưu, giao tiếp đan xen vào nhau như bạn bè, các tổ chức, các nhóm xã hội trực tiếp và gián tiếp,... Hoạt động này chiếm vị trí quan trọng trong đời sống sinh viên, phát triển tâm lý, nhân cách sinh viên. Tự bản thân sinh viên là người ý thức được bản thân mình cần gì, vẽ ra đường đi cho mình, xác định được mục tiêu phấn đấu riêng,... đây cũng là một yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển tâm lý và nhân cách sinh viên.

Các yếu tố khách quan

- Sự phát triển của công nghệ thông tin (CNTT) và sự hội nhập và phát triển của đất nước và quốc tế đã góp phần ảnh hưởng không nhỏ vào nhận thức của sinh viên. Sự phát triển của CNTT đã giúp bộ phận sinh viên có đầy đủ điều kiện để giao lưu học hỏi, kết bạn bốn phương và vươn tầm nhìn xa rộng ra thế giới bên ngoài. Sinh viên được tiếp xúc, sử dụng các thành quả của CNTT để áp dụng vào việc học tập và giải trí của mình. Sự hội nhập đã thúc đẩy mạnh mẽ bộ phận sinh viên có cơ hội học tập và làm việc ở nước ngoài, tiếp xúc những nền văn hóa mới, những tư tưởng toàn cầu,...

1.2. Định hướng nghề nghiệp

1.2.1. Khái niệm định hướng nghề nghiệp

Vấn đề định hướng nghề nghiệp là một trong những vấn đề được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu với nhiều góc độ khác nhau

Nếu tiếp cận từ góc độ cá nhân: định hướng nghề nghiệp là sự thiên về một nghề nào đó, sự hướng tới việc lựa chọn chủ quan của cá nhân đối với các nghề nghiệp trong xã hội, là hệ thống các giá trị, sở thích, hứng thú, của cá nhân về nghề nào đó, là quá trình cá nhân ra quyết định dựa trên sự hiểu biết về nghề nghiệp, dựa trên nhu cầu của hệ thống phân công lao động xã hội hiện hành và dựa trên tính cách, năng lực, nguyện vọng của mỗi cá nhân.

Nếu tiếp cận từ góc độ xã hội: định hướng nghề nghiệp là hệ thống những biện pháp Tâm lý – Giáo dục và y học được tổ chức đặc biệt, có hệ thống, có mục đích nhằm hình thành ở mỗi cá nhân một xu hướng nghề nghiệp cụ thể có tính đến những nhu cầu của nền kinh tế quốc dân và toàn xã hội. Trên cơ sở đó, mỗi cá nhân tự xác định nghề nghiệp của mình sao cho phù hợp với nguyện vọng, niềm say mê, năng lực, khả năng rèn luyện của mỗi cá nhân.

Việc tìm hiểu định hướng nghề nghiệp của sinh viên là nhiệm vụ rất quan trọng ở các trường ĐH, CĐ. Nó cho biết hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên, từ đó giúp sinh

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

viên có những kế hoạch đúng đắn và tích cực hoạt động để đạt được mục tiêu, lý tưởng nghề nghiệp của mình trong tương lai.

Năm 1908, Giáo sư đại học Pennsylvania, Frank Parson là người đặt nền móng các khái niệm cơ bản cho hoạt động tư vấn hướng nghiệp hay tư vấn nghề ngày nay. Đồng thời năm 1908, ông cũng đã thành lập hội đồng hướng nghiệp ở Boston (Mỹ) với nhiệm vụ nghiên cứu các yêu cầu của nghề đối với con người, tìm hiểu chi tiết về năng lực của người học để giúp họ có được sự định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực và hứng thú cá nhân.

JL Holland (1919 -2008) đã nghiên cứu và thừa nhận sự tồn tại của các loại nhân cách và sở thích nghề nghiệp. Tác giả đã chỉ ra tương ứng với mỗi kiểu nhân cách là một số những nghề nghiệp tương xứng có thể chọn để đạt được kết quả làm việc và thành công nghề nghiệp cao nhất. Lý thuyết này của J.L Holland đã được sử dụng rộng rãi nhất trong thực tiễn hướng nghiệp trên thế giới.

Theo Phạm Tất Dong “Hướng nghiệp cho thanh niên”, đăng trên tạp chí thanh niên (số 8, 1982); Báo cáo “Một con đường hình thành lý tưởng nghề nghiệp cho HS lớn”; Các tác phẩm như: Nghề nghiệp tương lai- giúp bạn chọn nghề hay cuốn “Tư vấn hướng nghiệp - sự lựa chọn cho tương lai” hoặc cuốn “Giúp bạn chọn nghề” (2005) đưa ra những cơ sở khoa học lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Ông đã chỉ ra vai trò của hướng nghiệp góp phần điều chỉnh việc định hướng nghề nghiệp của thanh niên theo hướng chuyên đổi cơ cấu kinh tế.

Năm 2003 -2004, Viện Khoa học Lao động và Xã hội đề xuất và tổ chức nghiên cứu độc lập đề tài cấp Nhà nước: “Nghiên cứu thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp của thanh niên Việt Nam hiện nay”, do TS. Nguyễn Hữu Dũng làm chủ nhiệm. Qua đó, cho thấy sự cần thiết và cấp bách là phải tạo điều kiện và thực hiện những biện pháp tối ưu góp phần giúp đỡ thế hệ trẻ định hướng nghề nghiệp tương lai.

1.2.2. Yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp

Điều đầu tiên ảnh hưởng đến quyết định của không ít sinh viên đó là điều kiện kinh tế gia đình. Đây là vấn đề có thể nói là làm cho sinh viên phân vân nhiều nhất khi chọn nghề, nhất là các em học sinh ở tỉnh lẻ, vùng nông thôn. Nhiều em có ước muốn thi vào các ngành học theo đam mê nhưng phải suy nghĩ về chi phí đầu tư cho việc học.

Mặc khác, truyền thống gia đình luôn quan trọng với người dân Việt Nam nói riêng và người phương Đông nói chung. Sinh viên sẽ dễ bị ảnh hưởng của gia đình khi đưa ra bất kỳ

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

một quyết định nào. Nhiều ông bố, bà mẹ ép con học theo những ngành nghề mà cha ông mình từ trước đến giờ theo đuổi.

Yếu tố thứ 2 đến từ sự lựa chọn của bạn bè vào những năm cuối cấp THPT. Lứa tuổi học trò là lứa tuổi thích chứng tỏ mình, khẳng định mình. Khi thấy bạn bè đăng ký thi vào những ngành nghề khác nhau và mang tính chất ngành “HOT” trong xã hội thì sinh viên sẽ chọn ngành để chứng tỏ khả năng của mình không thua kém bạn bè. Đây có thể là một trong những nguyên nhân làm cho nhiều bạn chọn sai hướng đi của mình.

Yếu tố thứ 3 đến từ xã hội. Hiện nay xã hội đang phát triển kéo theo quan niệm về những ngành nghề sinh viên đang theo đuổi sao cho phù hợp với sự phát triển của xu hướng mới những ngành nghề mang tính kinh tế cao như: quản trị kinh doanh, du lịch, công nghệ thông tin... hay những nghề mới lên như PR, Event, chuyên viên quảng cáo... đang thu hút khá đông bạn trẻ đăng ký học. Xã hội đòi hỏi chúng ta phải phát triển cho kịp tốc độ, nếu không sẽ bị đào thải nhanh chóng và điều này cũng đang gây cho những học sinh thời công nghệ số không ít băn khoăn khi định hướng nghề nghiệp.

Ngoài ra cũng còn một số yếu tố chủ quan khác tác động như: Năng khiếu, đây có thể coi là yếu tố quan trọng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình chọn trường, chọn nghề của sinh viên, một số trường sẽ thi đầu vào bằng những môn năng khiếu như kiến trúc, nghệ thuật... Các yếu tố khác như tố chất, sức khỏe, trình độ năng lực, thiên hướng, ngoại hình cũng tác động đến việc định hướng nghề nghiệp của sinh viên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành thông qua phương pháp thu nhập số liệu sơ cấp và phân tích đánh giá số liệu sơ cấp.

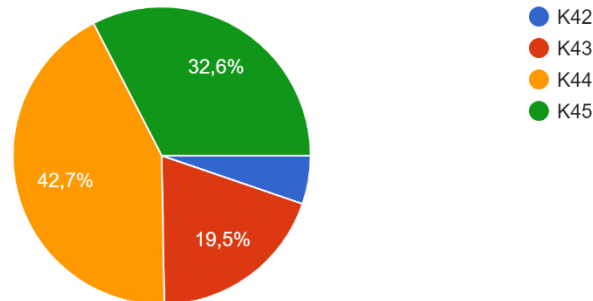
Dùng kỹ thuật thu thập thông tin sơ cấp qua bảng hỏi với 269 sinh viên chính quy đang học tại Khoa QTKD Trường CĐ Công Thương TP.HCM.

Thu thập các số liệu và nguồn gốc thông tin từ thư viện, internet, tạp chí về hoạt động học tập, ý thức học tập và định hướng nghề nghiệp của sinh viên.

Biểu đồ 2.1: Biểu đồ về số lượng sinh viên tiến hành tham gia khảo sát

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Sinh viên khóa
267 câu trả lời



Nguồn: Người viết khảo sát và tổng hợp

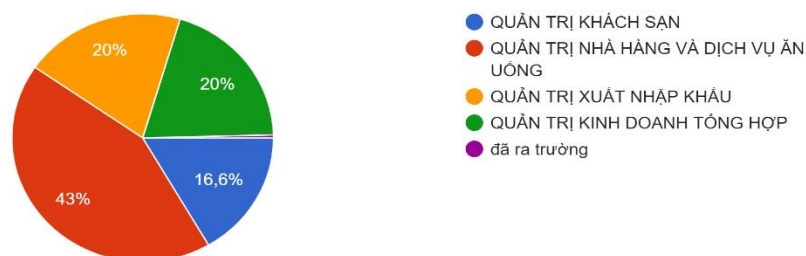
Trong quá trình khảo sát cho thấy có sinh viên năm 1, năm 2, năm 3 tham gia khảo sát. Trong đó, sinh viên năm 1 là 32,6%, sinh viên năm 2 là 42,7%. Sinh viên năm 3 là 19,5%. Ta thấy năm 2 đông nhất do mới qua 1 năm học nên muốn đưa ra ý kiến sớm để có cách giải quyết sớm hơn, nâng cao chất lượng học tập.

3. Kết quả nghiên cứu

Để đánh giá về nhận thức học tập và định hướng nghề nghiệp của sinh viên, người viết đã tiến hành khảo sát sinh viên trong 4 ngành đào tạo của Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM bao gồm: Quản trị khách sạn, quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, quản trị kinh doanh tổng hợp, quản trị xuất nhập khẩu.

Biểu đồ 3.1: Cơ cấu về ngành học trong khảo sát

Ngành nghề đang theo học
265 câu trả lời



Nguồn: Người viết tổng hợp từ khảo sát

Số lượng phiếu phát ra là 269 phiếu, dành cho sinh viên 4 khoa đang học tại Khoa QTKD, Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Kết quả thu về 268 phiếu hợp lệ, trong đó: 44 phiếu của sinh viên ngành Quản trị Khách sạn (chiếm tỷ lệ 16,6%), 53 phiếu của sinh viên ngành Quản trị Xuất nhập khẩu (chiếm tỷ lệ 20%), 53 phiếu của sinh viên ngành Quản trị Tổng hợp (chiếm tỷ lệ 20%), 114 phiếu của sinh viên ngành Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống (chiếm tỷ lệ 43%). 01 phiếu không hợp lệ của sinh viên đã tốt nghiệp.

Biểu đồ 3.2: Biểu đồ khảo sát về lý do chọn ngành đang theo học

Lý do bạn chọn việc theo học CĐ/ĐH?
269 câu trả lời



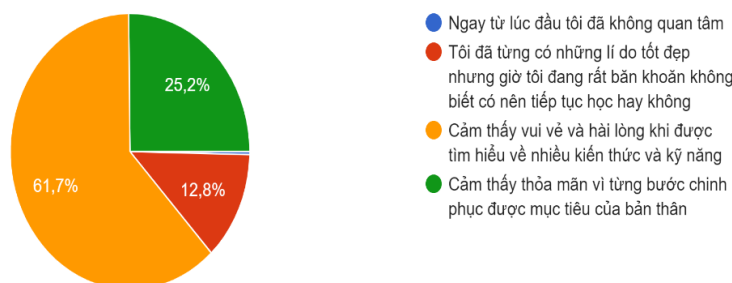
Nguồn: Người viết tổng hợp từ số liệu khảo sát

Qua số liệu khảo sát, cho thấy lý do sinh viên chọn ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất là cần bằng CĐ/ĐH để có thể kiếm được việc làm thu nhập tốt khi tốt nghiệp (chiếm tỷ lệ 52%), kế tiếp là bộ phận sinh viên chọn ngành là vì theo đuổi đam mê về nghề nghiệp yêu thích (chiếm tỷ lệ 34,6%), lý do tiếp theo được lựa chọn là việc học ĐH/CĐ sẽ giúp cho sinh viên có vị trí đứng trong xã hội là thành phần trí thức (chiếm tỷ lệ 10,8%), 2 lý do có tỷ lệ lựa chọn thấp nhất là chứng minh cho gia đình về năng lực của bản thân (chiếm tỷ lệ 1,1%) và không xác định được lý do chọn học ĐH/CĐ chiếm tỷ lệ 1,5%. Thông qua kết quả khảo sát có thể thấy được đại bộ phận sinh viên đã xác định lý do để theo đuổi sự nghiệp học tập. Hầu hết sinh viên đều mong muốn tìm được một công việc tốt và hiện thực hóa đam mê về ngành nghề mơ ước.

Biểu đồ 3.2: Biểu đồ khảo sát về sự hài lòng khi lựa chọn ngành học

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Bạn đang hài lòng với ngành học hiện tại?
282 câu trả lời

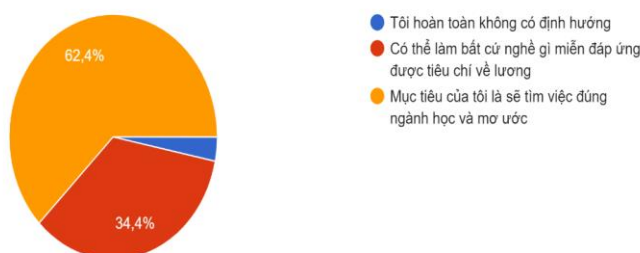


Nguồn: Người viết tổng hợp từ khảo sát

Biểu đồ 3.2 thể hiện mức độ hài lòng của sinh viên sau khi lựa chọn ngành học, 61,7% sinh viên tham gia khảo sát cảm thấy vui vẻ khi được tìm hiểu về nhiều kiến thức và kỹ năng. Số liệu 25,2% sinh viên cảm thấy thỏa mãn vì từng bước chinh phục được mục tiêu của bản thân cho thấy gần 86% sinh viên cảm thấy hài lòng với sự lựa chọn về ngành học trong khi đó vẫn còn 12,8% sinh viên cảm thấy băn khoăn không biết có nên tiếp tục theo đuổi con đường học tập hay không. Vẫn còn 0,4% sinh viên không quan tâm đến sự lựa chọn trên con đường học tập của bản thân. Điều này thể hiện một số ít việc lựa chọn ngành là chưa phù hợp với kỳ vọng của bản thân

Bảng 3.3: Biểu đồ khảo sát về kỳ vọng ngành nghề tương lai của sinh viên

Bạn có xác định ngành nghề tương lai sau khi ra trường?
282 câu trả lời



Nguồn: Người viết phân tích từ số liệu khảo sát

Phân tích kết quả khảo sát về sự kỳ vọng của sinh viên về ngành nghề tương lai khi tốt nghiệp hầu hết sinh viên đều mong muốn sau khi tốt nghiệp sẽ có nền tảng kiến thức vững chắc cũng như những kỹ năng khác trong cuộc sống để làm công việc mà bản thân thực sự yêu thích (62,4%). Một số sinh viên khác xác định mục tiêu cụ thể về thành tích học tập, cơ

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

hội nghề nghiệp là chỉ cần đáp ứng tiêu chí về lương (32,4%). Vẫn còn phần nhỏ sinh viên chưa có định hướng về ngành nghề tương lai (3,2%).

Về câu hỏi đóng góp ý kiến cho Khoa QTKD nói riêng và Trường CĐ Công Thương TPHCM nói chung về việc sẽ giúp sinh viên có nhận thức về học tập và có định hướng về nghề nghiệp tương lai đa phần sinh viên đề xuất:

- Khoa QTKD nên tổ chức các buổi hội thảo nhằm định hướng nghề nghiệp dành cho sinh viên chuyên ngành (chiếm tỷ lệ 98,7%). Bên cạnh đó, đề xuất về việc rút gọn thời gian tổ chức các buổi định hướng nghề nghiệp để sinh viên có thể tham dự đầy đủ và hiệu quả. Sinh viên cho rằng, “thay vì nhiều buổi, ta chọn những vấn đề thực sự quan trọng và hứng thú với sinh viên và tóm gọn thành một buổi đầy đủ nhất”.

- Các ý kiến của sinh viên cũng mong muốn giảng viên tích hợp công tác định hướng nghề nghiệp trong nội dung môn học, giờ giảng dạy, thực hành, như “lồng ghép định hướng trong giờ học và cung cấp nhiều thông tin hơn nữa về các vị trí việc làm cụ thể và yêu cầu về năng lực. Ví dụ, làm việc bên Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống là cụ thể làm việc như thế nào, năng lực cần có là gì”.

- Giảng viên của Khoa cần kết hợp giảng dạy và chia sẻ thực tiễn nghề nghiệp cho sinh viên. Một vài ý kiến của sinh viên cho rằng, mọi định hướng cũng như tương lai mà thầy cô đưa ra đều rất tốt nhưng học viên cần một góc nhìn khác, đa dạng hơn, và quan trọng là liên quan đến từng môn học. Sinh viên cũng đề cập đến phương pháp giảng dạy của giảng viên vẫn còn phụ thuộc nhiều vào lý thuyết, thiếu sự liên hệ thực tế.

- Một số sinh viên kỳ vọng Khoa và Nhà trường tổ chức các buổi tham quan thực tế cho sinh viên tại các địa điểm làm việc liên quan tới ngành để giúp sinh viên tự tìm hiểu về ngành đó. Từ đó, họ có thể tự mình xác định những mục tiêu phấn đấu. Hoặc các thầy cô tổ chức các buổi định hướng và liên hệ thực tế về nghề nghiệp cho sinh viên đi thực tập sớm để có thêm cơ hội trải nghiệm,...

- Sinh viên mong muốn được biết ngành học của Khoa QTKD tuyệt vời như thế nào và có số liệu thống kê việc làm của các lớp sinh viên đi trước để những người học sau có động lực với nghề.

4. Đánh giá thực trạng về nhận thức học tập và định hướng nghề nghiệp của sinh viên Khoa QTKD Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Nhìn chung, sinh viên Khoa QTKD có nhận thức tương đối đầy đủ và có khả năng định hướng nghề nghiệp của bản thân bằng các biện pháp cá nhân như: chủ động cập nhật thông tin, tích lũy kiến thức, nâng cao năng lực, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp phù hợp. Kể đến, sinh viên cũng tự xác định được việc tiếp tục theo đuổi ngành học cho đến khi tốt nghiệp và lựa chọn công việc phù hợp. Tuy nhiên, việc lựa chọn công việc cụ thể cũng như định hướng nghề nghiệp của sinh viên còn phụ thuộc vào những yếu tố tác động từ cá nhân và các yếu tố bên ngoài.

4.1. Ưu điểm

Thái độ học tập của hầu hết sinh viên trên giảng đường tốt, chú ý nghe thầy cô giảng dạy, lĩnh hội các kiến thức được truyền đạt từ thầy cô, tích cực góp ý kiến trong bài giảng.

Sinh viên Khoa QTKD đã có nhiều bạn học lực tốt, đã được học bổng của trường.

Sinh viên hiện nay chủ động tìm tòi, khám phá kiến thức nên tạo được sự thích thú, khơi dậy niềm đam mê trong công việc, tìm kiến thức .

Trong học tập sinh viên không ngừng đổi mới phương pháp học sao cho lượng kiến thức học đạt được là tối đa. Không đợi chờ thụ động vào thầy cô, họ tự mình đọc sách, nghiên cứu, lấy thông tin, tài liệu từ mọi nguồn. Cụ thể sinh viên tăng cường việc tự học ở nhà, các tài liệu tìm kiếm chủ yếu qua mạng internet, qua tài liệu tự mua ...

Phần lớn sinh viên đều có khả năng thích nghi cao với môi trường sinh sống và học tập...

Sự năng động của sinh viên còn được thể hiện tích cực tham gia các hoạt động xã hội như y tế, từ thiện, thể dục thể thao... Bằng với sự năng động của mình, sinh viên luôn cập nhật thông tin, kiến thức, làm mới mình phù hợp với sự thay đổi và phát triển của xã hội.

Sinh viên Khoa QTKD cũng đã thể hiện được sự chăm chỉ, muốn tự lập, khẳng định bản thân. Ngoài việc học tập tốt ở trường thì hiện nay sinh viên còn tìm việc làm thêm như: gia sư, làm tiếp thị, marketing, phục vụ... để kiếm thêm thu nhập và trao dồi kinh nghiệm cho bản thân là tiền đề để sau này ra trường thích ứng với môi trường, tìm kiếm công việc phù hợp.

Sinh viên hiện nay dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với thử thách. Các ý tưởng độc đáo không chỉ nằm trong suy nghĩ mà luôn được thử nghiệm trong thực tế thông qua sự thành công trong các cuộc thi Khởi nghiệp do Trường CĐ Công Thương TP.HCM tổ chức.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Kĩ năng của sinh viên trong việc sử dụng các phương tiện, trình độ công nghệ thông tin, kỹ năng thuyết trình ... của sinh viên tốt hơn trước nên thuận lợi trong việc áp dụng cho các phương pháp giảng dạy của thầy cô.

Trong quá trình làm việc nhóm SV luôn chủ động rèn luyện tính tự chủ trong công việc và biết cách phối hợp với các thành viên khác trong nhóm, từ đó giúp sinh viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, một kỹ năng mềm cần thiết cho công việc sau này.

SV Khoa QTKD qua khảo sát đã thấy có ý thức cao trong việc chọn ngành, nghề tương lai ngay từ khi bắt đầu bước vào THPT. Nhận thức được tầm quan trọng của sự định hướng ngành, nghề và cũng đã định hướng tự bồi dưỡng, tích cực trong học tập nhằm hình thành những kiến thức, năng lực liên quan đến ngành, nghề mà mình đã lựa chọn.

SV Sẵn sàng hợp tác với thầy cô, gia đình trong quá trình lựa chọn nghề, mạnh dạn chia sẻ, bày tỏ những khó khăn của bản thân trong quá trình chọn ngành, nghề với thầy cô, với cha mẹ để có thể tư vấn hỗ trợ giúp SV tháo gỡ những khó khăn.

4.2. Hạn chế

Thứ nhất, ý thức tìm hiểu nâng cao kiến thức cho môn học của sinh viên còn hạn chế, phần lớn sinh viên trước khi lên lớp không đọc giáo trình, mặc dù khi giáo viên bắt đầu quá trình giảng dạy một môn học mới (ngoài việc giới thiệu đề cương chương trình, hình thức thi, thời gian thi, còn rất nhiều tài liệu :tài liệu chính, tài liệu tham khảo và đôi khi còn giới thiệu cả kinh nghiệm và phương pháp học tập phần đó cho sinh viên).

Không những vậy, khả năng tìm tài liệu của sinh viên không cao. Phần lớn sinh viên tìm nguồn tài liệu chủ yếu từ mạng internet, đây là nguồn tin khá tạp, lẫn lộn tốt xấu. Trong khi tài liệu từ thầy cô hoặc tài liệu thư viện lại không được sử dụng.

Thứ hai, học đã không có sự chuẩn bị kỹ càng thi lại càng tệ hơn. Đến tận ngày thi, ngày kiểm tra nhiều sinh viên học vội, học vàng rồi dẫn đến hiện tượng quay cóp hoặc bỏ giấy trắng. Số lượng học sinh sinh viên đến thư viện hoặc học tổ, học nhóm thì đếm trên đầu ngón tay. Số lượng sinh viên đến mượn và đọc sách ở thư viện trường không nhiều so với tổng số SV Khoa QTKD hiện nay. Hầu hết số đến thư viện thường là những sinh viên học chăm chỉ, chịu khó.

Thứ ba, sinh viên vẫn còn đang xảy ra tình trạng là không ý thức được tầm quan trọng của “thời gian” và sức khỏe”. Đáng tiếc là phần lớn sinh viên không biết tận dụng và quý

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

trọng thời gian. Đa số sinh viên sau những giờ học ở trường thì thời gian còn lại không mấy may nghĩ tới việc học, thậm chí không dành thời gian tối thiểu cần thiết cho việc học.

Do học theo hệ tín chỉ nên giờ đây sinh viên còn có nhiều “thời gian rỗi” hơn so với thời học theo chế độ niên chế. Học tín chỉ, thực chất là dành quyền chủ động cho sinh viên tự sắp xếp thời gian để tự học và nghiên cứu. Lên lớp, giáo viên chỉ có vai trò dẫn dắt và định hướng, còn lại sinh viên phải tự tìm hiểu và nghiên cứu, mà sinh viên Việt Nam bây giờ ý thức tự học, tự nghiên cứu rất kém.

Có một bộ phận không nhỏ sinh viên hiện nay sinh hoạt không điều độ, thích gì làm nấy, đặc biệt là vui chơi, tiệc tùng thâu đêm suốt sáng, uống rượu mà không hề nghĩ đến hậu quả của nó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến học tập và sức khỏe của mình. Đây là một trong những lí do ảnh hưởng rất nhiều đến học tập.

Thứ tư là vấn đề ý thức tự học của sinh viên còn giới hạn. SV không có sự chủ động trong học tập, phối hợp giữa lí thuyết với thực hành. Cách học của SV một phần chỉ là sự thu mình không chịu học hỏi, ngại tìm tòi, ngại học nhóm.

SV còn chưa lên kế hoạch, đặt mục tiêu và những điều cần làm khi còn là sinh viên trên giảng đường đại học nên SV chỉ dừng lại ở bước đầu mà bỏ qua việc trau dồi kinh nghiệm, kỹ năng và vốn sống dẫn đến thiếu và yếu kỹ năng mềm, thừa thành tích nhưng thiếu kinh nghiệm.

SV vẫn chưa thật sự chủ động trong việc tìm kiếm việc làm và chưa theo kịp sự biến đổi của nghề nghiệp trong giai đoạn phát triển mới của xã hội. SV còn thụ động khi chỉ dựa vào mạng Internet và các trang mạng xã hội để xem nguồn tuyển dụng.

5. Một số ý kiến đóng góp nhằm nâng cao nhận thức học tập và định hướng nghề nghiệp của sinh viên tại Khoa QKTD trường CĐCT TP.HCM

Để mỗi sinh viên có thể nâng cao ý thức học tập và tự định hướng về việc chọn nghề một cách đúng đắn, phù hợp với nhu cầu và năng lực của bản thân, cần có sự tác động từ nhà trường, gia đình, bạn bè và nỗ lực của bản thân mỗi sinh viên. Các cơ sở đào tạo cũng cần tăng cường các biện pháp tác động đến hoạt động định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngay từ khi bắt đầu chương trình đào tạo tại trường. Các ý kiến này được xem là cơ sở để Khoa QTKD có thể triển khai các biện pháp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả định hướng nghề nghiệp dành cho sinh viên, cụ thể

5.1. Về gia đình

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Đối với người Á Đông, vai trò của gia đình rất quan trọng trong định hướng tương lai. Gia đình cần phải có quan niệm, cách nhìn nhận đúng đắn về giá trị nghề nghiệp trong xã hội hiện nay. Và khi gia đình đánh giá được đúng bản chất của nghề nghiệp thì việc cần quan tâm tiếp theo là gia đình phải tìm hiểu về những nhu cầu, sở thích, nguyện vọng bên cạnh đó là không quên đánh giá khả năng, thể mạnh, năng lực của con mình... Trên các cơ sở hiểu biết đó gia đình sẽ tư vấn, trao đổi, góp ý cho con có được một sự lựa chọn đúng đắn nhất. Bên cạnh đó gia đình cũng nên tìm hiểu xem nghề nghiệp mà con mình chọn lựa có phù hợp với xu hướng và sự đòi hỏi về nguồn nhân lực của xã hội hay không. Và nhất định là không được áp đặt và lựa chọn nghề nghiệp cho con cái. Không gây áp lực cho con cái về việc thi ĐH hay học nghề. Tạo tâm lý thoải mái, cởi mở ở gia đình để cho con cái sẵn sàng chia sẻ, giải quyết thắc mắc về nghề nghiệp.

Kết hợp với CVHT và Phòng QLĐT thường xuyên cập nhật kết quả học tập của SV, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện về kinh tế để SV có thể toàn tâm học tập, bên cạnh đó cũng sẽ phát hiện kịp thời những dấu hiệu chểnh mảng trong công tác học tập để có thể kết hợp CVHT đưa hướng giải quyết phù hợp.

5.2. Về phía Khoa QTKD và trường CĐ Công Thương TP.HCM

Tổ chức các buổi chuyên đề, hội thảo nghề nghiệp và ngày hội định hướng nghề nghiệp dành cho sinh viên: Dựa trên các đề xuất nhằm tăng cường hiệu quả định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, các buổi tọa đàm định hướng nghề nghiệp có thể thực hiện nội dung chia sẻ kinh nghiệm về nghề nghiệp từ các chuyên gia trong lĩnh vực mà sinh viên đang theo học, được tổ chức định kỳ trong năm học. Về hình thức, Khoa có thể đa dạng hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội thảo về định hướng nghề nghiệp như tổ chức trực tuyến.

Tổ chức Ngày hội nghề nghiệp dành cho sinh viên vừa tốt nghiệp hoặc sinh viên đang học, giúp các bạn tiếp cận được các cơ hội nghề nghiệp phù hợp. Trong Ngày hội nghề nghiệp, sinh viên có cơ hội giao lưu với các đơn vị sử dụng lao động. Qua đó, Khoa có thể điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Việc tổ chức có thể định kỳ 2 năm/lần hoặc theo nhu cầu của đơn vị tuyển dụng.

Xây dựng chương trình trải nghiệm nghề nghiệp: Các chương trình trải nghiệm nghề nghiệp còn có thể được tiến hành thông qua quá trình thực tập giữa kỳ, cuối kỳ. Theo sự phân bổ thời lượng thực tập, sinh viên sẽ trải qua kỳ thực tập giữa khóa và cuối khóa. Trong chương trình giảng dạy của một số môn học, sinh viên năm thứ nhất sẽ có cơ hội được đi tham quan thực tế tại một vài doanh nghiệp chuyên về ngành nghề SV đang theo học. Đối

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

với sinh viên năm cuối, sinh viên có cơ hội tham gia thực tập giữa kỳ và thực tập cuối kỳ tại các công ty, doanh nghiệp,...

Ngoài những môn học bắt buộc sinh viên tham dự chương trình trải nghiệm, Khoa cần chủ động tìm kiếm, thiết lập mối quan hệ với các doanh nghiệp để gửi sinh viên thực tập; tổ chức các buổi hướng dẫn sinh hoạt thực tập cho sinh viên; kết nối giữa doanh nghiệp và sinh viên có nhu cầu thực tập, gia tăng cơ hội trải nghiệm, quan sát thực tế, học hỏi từ thực tế doanh nghiệp.

- Thống kê về tình hình việc làm của cựu sinh viên, học viên của Khoa: Từ quan sát thực tế về công tác định hướng nghề nghiệp của Khoa và kết quả khảo sát nhu cầu của sinh viên về việc nâng cao hiệu quả công tác định hướng nghề nghiệp có thể thấy, công tác thống kê và công bố thông tin về tình hình việc làm của cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp của Khoa chưa được triển khai hiệu quả. Trong khi đó, việc khảo sát, thống kê và cung cấp thông tin về tình hình việc làm của cựu sinh viên, cựu học viên của Khoa rất cần thiết để góp phần tăng thêm động lực cho sinh viên gắn bó với ngành học và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Công tác này cần được thực hiện thường xuyên, định kỳ dựa trên số liệu khảo sát từ Khoa, từ mối liên hệ giữa Khoa và cựu sinh viên, cựu học viên. Về phương thức phổ biến thông tin, Khoa cần công bố rộng rãi thông tin việc làm trên các phương tiện truyền thông của Khoa. Các nội dung thông tin này có thể bao gồm thông tin việc làm đã có của cựu sinh viên, cựu học viên, thông tin tuyển dụng, các yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động,...

5.3. Về phía giảng viên

Lồng ghép công tác định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình giảng dạy. Giảng viên nên thể hiện vai trò hỗ trợ định hướng nghề nghiệp đối với sinh viên tốt hơn để giúp sinh viên có cách nhìn nhận, đánh giá về ngành học, nghề nghiệp phù hợp. Mỗi giảng viên cần nhận thức một cách đầy đủ về tầm quan trọng của công tác định hướng nghề nghiệp đối với sinh viên, từ đó lồng ghép các nội dung thực tiễn về nghề nghiệp đối với sinh viên trong giờ giảng của các môn học cụ thể, lấy minh chứng cụ thể, sinh động để giúp sinh viên nhận diện đầy đủ hơn về ngành học, khả năng đáp ứng của bản thân đối với nghề nghiệp sau khi ra trường.

Giúp SV nâng cao khả năng tự đánh giá năng lực của sinh viên, chủ động tích lũy kinh nghiệm và kỹ năng nghề nghiệp từ các hoạt động ngoại khóa: Khả năng tự định hướng nghề nghiệp của sinh viên cũng giúp sinh viên có thể lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở trường, kỳ vọng của bản thân sau khi tốt nghiệp. Mỗi sinh viên cần tự nhận

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

diện thể mạnh, hạn chế về năng lực của bản thân để có thể xác định được mức độ đáp ứng của mình đối với yêu cầu thực tiễn của nghề nghiệp.

Kết hợp với Khoa để đưa những đề xuất từ SV, nhằm tạo được cầu nối giữa người học và Khoa quản lý. Kết nối với gia đình SV để có thể kịp thời nắm bắt được những vấn đề ảnh hưởng đến sinh hoạt và học tập của SV. Động viên, khuyến khích và hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho SV trong quá trình SV đang theo học tại trường.

5.4. Về phía sinh viên

Ý thức cao trong việc chọn ngành, nghề tương lai ngay từ khi bắt đầu bước vào THPT. Nhận thức được tầm quan trọng của sự định hướng ngành, nghề để có kế hoạch tự bồi dưỡng, tích cực trong học tập nhằm hình thành những kiến thức, năng lực liên quan đến ngành, nghề mà mình đã lựa chọn.

SV phải có thói quen tự đánh giá bản thân, tích cực tìm hiểu những thông tin về ngành, nghề về nhu cầu thị trường lao động của xã hội để có một nền tảng kiến thức vững chắc làm cơ sở cho sự lựa chọn ngành, nghề phù hợp, tránh được những sai lầm trong quá trình chọn ngành, nghề. Sẵn sàng hợp tác với thầy cô, gia đình trong quá trình lựa chọn nghề, mạnh dạn chia sẻ, bày tỏ những khó khăn của bản thân trong quá trình chọn ngành, nghề với thầy cô, với cha mẹ và với các nhà tham vấn để họ kịp thời trợ giúp các em tháo gỡ những khó khăn đó, có như vậy mới tạo được hứng thú, củng cố niềm tin trong học tập cũng như trong việc lựa chọn ngành, nghề tương lai.

SV cần lập kế hoạch trong học tập. Mục tiêu học tập chính là phương hướng học tập của người học. Nhờ nó mà bạn thấy được ý nghĩa công việc mình đang tiến hành. Khi xác định mục tiêu học tập cần chú ý: tính vừa sức, tính rõ ràng và tính cụ thể của mục tiêu.

SV cần ý thức rõ trong vấn đề “tự học”. Tự học Đại học là một trong những hình thức tổ chức dạy học cơ bản có tính độc lập cao và mang đậm nét sắc thái cá nhân nhưng có quan hệ chặt chẽ với quá trình dạy học. Nội dung của tự học rất phong phú, bao gồm toàn bộ những công việc học tập do cá nhân và có khi do tập thể sinh viên tiến hành ngoài giờ học chính khoá hoặc do bản thân sinh viên độc lập tiến hành ngay trong giờ chính khoá như: Đọc sách ghi chép theo cách riêng, làm bài tập, tham gia các hoạt động thực tế... Tự học không những giúp sinh viên không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập khi còn ngồi trên ghế nhà trường mà trong tương lai, họ sẽ trở thành người cán bộ khoa học kỹ thuật có năng lực, có thói quen và phương pháp tự học suốt đời.

III. KẾT LUẬN

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Ý thức học tập thật sự là vấn đề trọng tâm của mọi hoạt động giáo dục. Học ở đây không chỉ gói gọn trong việc học tại lớp tại trường mà là: học để biết, học để làm, học để xác lập mình và học để chung sống với người khác. Do vậy SV cần xây dựng ý thức học tập mạnh mẽ, tự chủ và vững vàng. Bên cạnh đó, có thể thấy rằng, việc định hướng nghề nghiệp đúng đắn sẽ giúp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có được vị trí việc làm phù hợp với năng lực, sở thích, và phát huy được khả năng của bản thân và góp phần đánh giá được mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo của Khoa đối với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình định hướng nghề nghiệp của mỗi sinh viên, do đó việc nhận diện các yếu tố tác động lớn nhất và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả định hướng nghề nghiệp của sinh viên không chỉ thuộc về cá nhân mỗi sinh viên mà còn là sự hỗ trợ và phối hợp từ cộng đồng và gia đình, bạn bè, thầy cô. Tùy thuộc vào khả năng và điều kiện của các cơ sở đào tạo khác nhau, có thể lựa chọn thực hiện các biện pháp một cách đồng bộ hoặc lần lượt theo thứ tự ưu tiên, để đảm bảo được công tác định hướng nghề nghiệp dành cho sinh viên Khoa QTKD thực sự hiệu quả. Các biện pháp khả thi mà Khoa có thể áp dụng nhằm nâng cao hiệu quả định hướng nghề nghiệp dành cho sinh viên, bao gồm: tổ chức các buổi chuyên đề, hội thảo định hướng nghề nghiệp dành cho sinh viên; lồng ghép công tác định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình giảng dạy; nâng cao khả năng tự đánh giá năng lực của bản thân và nâng cao nhận thức của bản thân đối với định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp; tích lũy kinh nghiệm và kỹ năng nghề nghiệp từ các hoạt động ngoại khóa; xây dựng chương trình trải nghiệm nghề nghiệp; tổ chức ngày hội nghề nghiệp; thống kê tình hình việc làm của cựu sinh viên, học viên của Khoa.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Danh Ánh (2010). *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin
2. Đỗ Thị Ngọc Chi (2013). *Định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Nghiên cứu trường hợp tại trường THPT Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hải Phòng* (Luận văn Xã hội học). Hà Nội: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Nguyễn Văn Hạnh (2014). *Dạy học theo phong cách học tập*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, số 2, tr 71-75
4. Phạm Tất Dong. *Hướng nghiệp cho thanh niên*. Tạp chí thanh niên (số 8, 1982)
5. Jones, W. A., & Larke, A. (2005). *Enhancing the quality of life for Hispanic individuals through career preparation*. *Journal of Hispanic Higher Education*, 4(1), 5-18.

Ý THỨC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP.

ThS. Đặng Hạnh Quyên

1. Đặt vấn đề

Kiến thức và kỹ năng của mỗi sinh viên được phát triển thông qua những học hỏi và rèn luyện của bản thân họ dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên. Thế nhưng việc không xác định rõ mục đích học tập, thiếu ý thức học, thiếu tinh thần tích cực, tự giác và thậm chí “chây ỳ”, “phó mặc” trong học tập là một thực trạng đang tồn tại trong một bộ phận không nhỏ sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh hiện nay. Hậu quả là số sinh viên có kết quả học tập không tốt, sinh viên rớt môn nhiều và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn không cao. Do đó các giải pháp nâng cao ý thức học tập của sinh viên luôn là giải pháp quan trọng trong việc nâng cao chất lượng học tập và tỷ lệ tốt nghiệp cho sinh viên.

2. Thực trạng ý thức học tập của sinh viên khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TPHCM

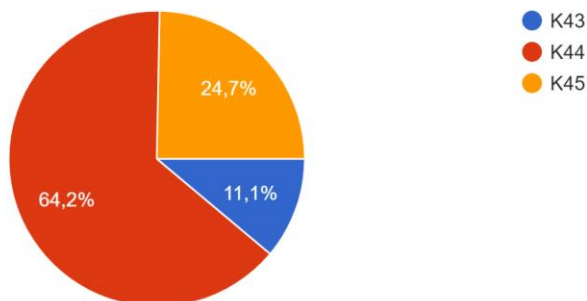
Qua hơn việc khảo sát ngẫu nhiên 81 sinh viên khoa QTKD những yếu tố có liên quan đến ý thức học tập. Tôi đã có kết quả khảo sát và phân tích thực trạng ý thức học tập của các em sinh viên như sau.

2.1 Đối tượng tham gia khảo sát

Tôi đã thực hiện khảo sát ngẫu nhiên 81 sinh viên và kết quả cho biết

Biểu đồ 1. Tỷ lệ sinh viên các khóa

Sinh viên khóa
81 câu trả lời



Các khóa đều có sinh viên tham gia khảo sát với tỷ lệ: 64,2% sinh viên khóa 44, 24,7% khóa 45 và 11,1% khóa 43. Điều này cho thấy các em sinh viên khóa 43 rất nhiều bạn đang thực tập hoặc

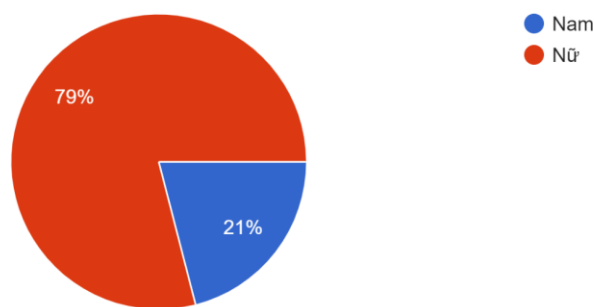
Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

đã tốt nghiệp do đó các em ít theo dõi thông tin trên các nhóm lớp học tập và ít tương tác với cố vấn học tập, các em sinh viên khóa 45 mặc dù là sinh viên năm nhất nhưng cũng ít chịu khó theo dõi và tương tác với giảng viên, với cố vấn học tập chỉ khi nào các em cần việc gì hỗ trợ cho bản thân thì mới liên lạc, còn phần nhiều sinh viên khóa 44 có theo dõi thông tin và tương tác tốt hơn với giảng viên các lớp.

Việc tham gia khảo sát có sự chênh lệch về giới tính với kết quả là 79% các em sinh viên nữ tham gia trả lời và chỉ có 21% các em sinh viên nam trả lời. Có thể sự chênh lệch này là do đặc thù của Khoa Quản trị kinh doanh là nữ nhiều hơn nam và cũng cho thấy các em sinh viên nữ có sự quan tâm và tương tác với nhóm lớp học tập nhiều hơn các em sinh viên nữ.

Biểu đồ 2. Tỷ lệ giới tính sinh viên

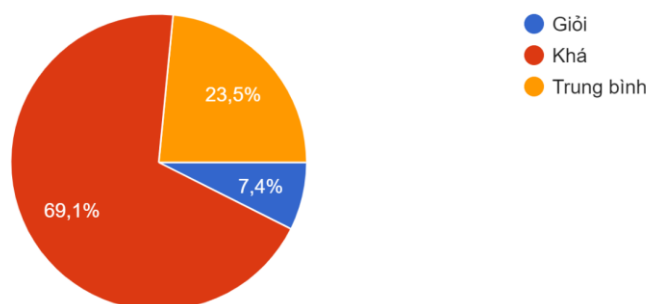
Giới tính
81 câu trả lời



Tình hình học lực của các em sinh viên tham gia khảo sát như sau

Biểu đồ 3. Tỷ lệ xếp loại học lực của sinh viên

Học lực
81 câu trả lời



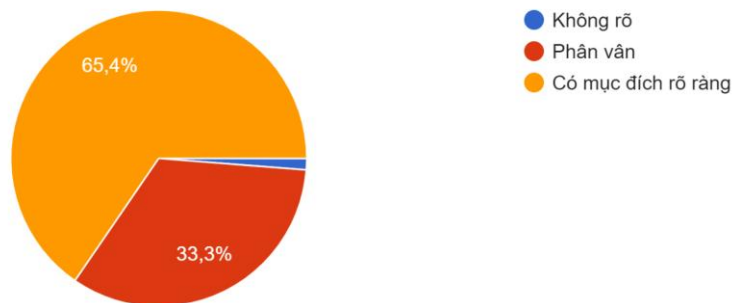
Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Qua kết quả này cho thấy trên mẫu khảo sát có 7,4% sinh viên có học lực 69.1% giỏi, 69.1% sinh viên có học lực khá, 23,5% sinh viên có học lực trung bình. Qua đó có thể suy ra phần nhiều sinh viên khoa Quản trị kinh doanh có học lực khá. Điều này cũng phần nào cho thấy chất lượng đào tạo tại Khoa Quản trị kinh doanh là khá tốt.

2.2. Việc sinh viên xác định mục đích học tập

Biểu đồ 4. Tỷ lệ sinh viên có mục đích học tập

Bạn có xác định rõ mục đích học tập không?
81 câu trả lời

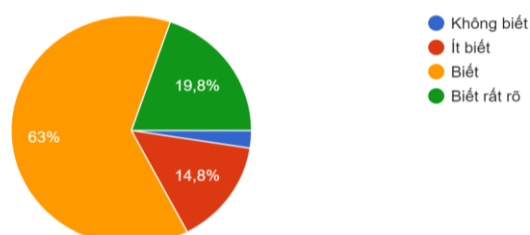


65,4% sinh viên xác định rõ mục đích học tập của mình, 33,3% sinh viên phân vân về mục đích học tập của mình và chỉ 1,3% sinh viên không có mục đích học tập. Qua đó ta thấy nhiều sinh viên tại Khoa Quản trị kinh doanh xác định rõ mục đích học tập. Tuy nhiên vẫn còn khá nhiều sinh viên chưa xác định rõ mục đích học tập. Điều này sẽ ảnh hưởng nhiều đến việc các em có siêng năng học tập và đặc biệt là có kiên trì học tập để có thể tốt nghiệp. Kết quả là các em có thể “lơ là” trong học tập, thiếu động lực học tập và khi bị rớt môn dễ bị nản lòng và nếu rớt nhiều môn có thể dẫn đến bỏ học.

2.3. Việc sinh viên biết chương trình đào tạo

Biểu đồ 5. Tỷ lệ sinh viên biết chương trình đào tạo

Bạn có biết chương trình đào tạo của ngành mình học không?
81 câu trả lời



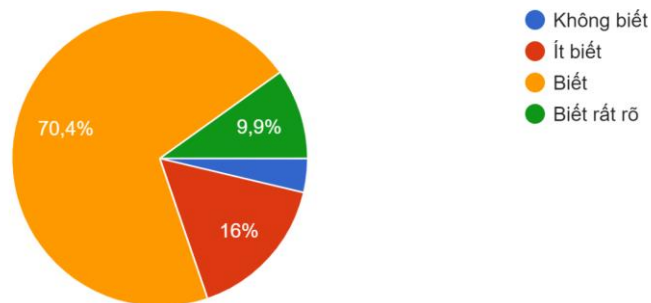
Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Có 19.8% sinh viên biết rất rõ, 63% biết rõ, 14,8% ít biết và chỉ 2.4% không biết về chương trình đào tạo. Qua đó, ta thấy đa số sinh viên biết hoặc biết rất rõ về chương trình đào tạo nên các em có thể chủ động trong kế hoạch học tập của mình. Tuy nhiên vẫn còn một số ít sinh viên ít biết đến chương trình đào tạo, đây chính là những bạn rất thờ ơ với việc học tập.

2.4. Việc sinh viên biết chương trình môn học

Biểu đồ 6. Tỷ lệ sinh viên biết chương trình môn học

Bạn có biết chương trình môn học (đề cương môn học) của từng môn học không?
81 câu trả lời

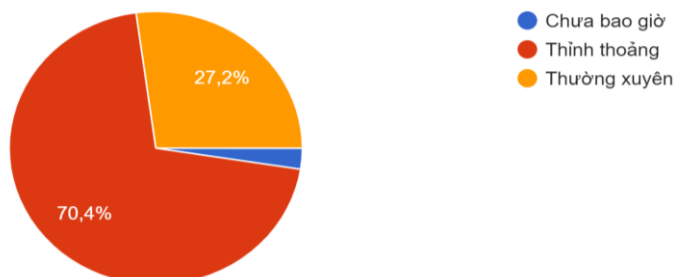


Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ sinh viên biết rất rõ về chương trình môn học là 9.9%, tỷ lệ sinh viên biết là 70.4%, tỷ lệ sinh viên ít biết là 16%, tỷ lệ sinh viên không biết là 3.7%. Như vậy phần lớn sinh viên biết rất rõ hoặc biết rõ về chương trình môn học. Qua đó ta thấy đa số giảng viên rất nghiêm túc trong việc phổ biến chương trình môn học của từng môn cho sinh viên và các em sinh viên rất quan tâm đến mục tiêu cũng như kế hoạch giảng dạy, học tập của từng chương trình môn học.

2.5. Việc sinh viên lập kế hoạch học tập

Biểu đồ 8. Tỷ lệ sinh viên lập kế hoạch học tập

Bạn có thường xuyên lập kế hoạch học tập không?
81 câu trả lời



Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

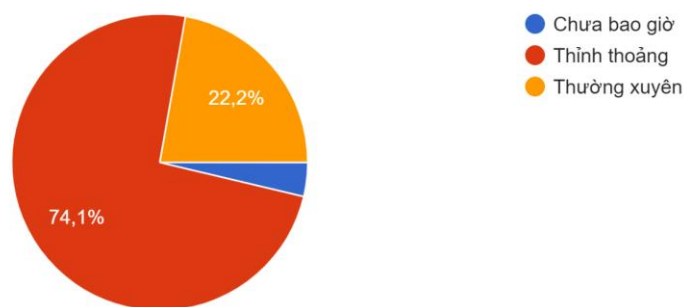
Việc lập kế hoạch là một kỹ năng hết sức quan trọng và cần thiết đối với mỗi người học, nhất là trong đào tạo theo học chế tín chỉ hiện nay, bởi nó sẽ giúp sinh viên làm việc có khoa học, chủ động về thời gian, xác định được mục tiêu và có những giải pháp phù hợp để thực hiện mục tiêu đó một cách tốt nhất và điều đó chắc chắn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của họ. Tuy nhiên qua khảo sát ta thấy phần lớn sinh viên với tỷ lệ 70.4% chỉ thỉnh thoảng mới lập kế hoạch học tập, một ít em sinh viên thường xuyên lập kế hoạch học tập. Điều này dẫn đến có nhiều sinh viên đăng kí môn học lộn xộn thấy môn học mở lớp là đăng kí mà không quan tâm môn học tiên quyết phải học trước là môn gì, mình đã học hay chưa. Điều đó dẫn đến một số môn học được thiết kế học ở những kì sau lại học trước còn những môn học tiên quyết lại học sau. Học kì này thì đăng kí rất nhiều môn (tự gây áp lực cho bản thân), học kì khác lại đăng kí ít môn học ít chơi nhiều. Hậu quả là những sinh viên ấy gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức, rớt nhiều môn và những ảnh hưởng đến tiến độ học.

Bên cạnh đó một số sinh viên lười biếng cả học kỳ không chịu học bài, chỉ khi nào chuẩn bị thi mới bắt đầu học vội vàng, thậm chí không thêm học bài (đối với những môn thi đề mở). Hậu quả là không thuộc bài kỹ, làm không được bài và bị rớt môn.

2.6. Việc chủ động tìm tài liệu của sinh viên

Biểu đồ 9. Tỷ lệ sinh viên tự tìm thông tin, tài liệu liên quan đến môn học

Ngoài giờ lên lớp, bạn có tự tìm hiểu thêm tài liệu, thông tin liên quan đến môn học không?
81 câu trả lời



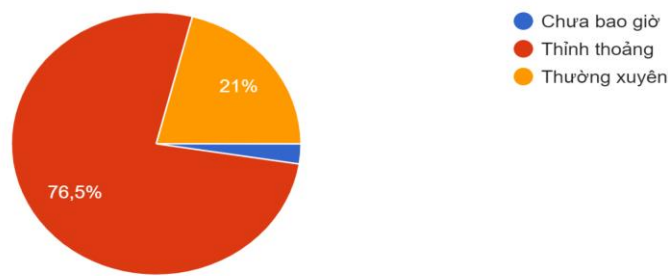
Qua khảo sát ta thấy chỉ có 22.2% sinh viên chủ động trong việc tìm thông tin, tài liệu liên quan đến môn học còn đến 74.1% sinh viên chỉ thỉnh thoảng mới tìm thông tin, tài liệu ngoài giờ học. Trong khi đó phương thức đào tạo theo tín chỉ đòi hỏi người học phải có khả năng tự học thông qua việc chủ động tìm hiểu những tài liệu, thông tin. Thế nhưng thực tế còn nhiều sinh viên kém chủ động trong việc chuẩn bị thông tin, tài liệu học. Nhiều em có tâm lý ỷ lại không chuẩn bị trước bài hoặc chép bài của bạn thậm chí không có tài liệu học. Đa số các sinh viên có tâm lý chờ đợi giảng viên lên lớp giảng dạy và chỉ biết những nội dung được dạy trên lớp mà không chủ động tìm kiếm thêm những tài liệu tham khảo hoặc những thông tin về những sự việc có liên quan.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

2.7. Việc sinh viên phát biểu, xây dựng bài

Biểu đồ 10. Tỷ lệ sinh viên tích cực phát biểu, xây dựng bài

Trong giờ học, bạn có tích cực phát biểu, xây dựng bài học không?
81 câu trả lời



Chỉ có 21% sinh viên tích cực phát biểu, xây dựng bài học trong giờ học còn đến 79% các em sinh viên chưa tích cực. Phần lớn sinh viên khoa Quản trị kinh doanh rất ngại bày tỏ quan điểm của mình. Điều này ảnh hưởng đến không khí học tập trong lớp, khi giảng viên đặt câu hỏi ít có sinh viên giơ tay phát biểu hoặc phải đợi chỉ định mới trả lời. Hơn thế còn ảnh hưởng đến hoạt động học tập nhóm, nếu các thành viên trong nhóm không thẳng thắn đưa ra ý kiến của mình thì bài của nhóm khó mà tập hợp được những ý kiến hay. Thông qua việc trao đổi các em cho tôi biết nguyên nhân chủ yếu là do các em thiếu tự tin, kiến thức còn thiếu và yếu nên có tâm lý sợ sai, sợ bị các bạn cười. Vì vậy hầu như như thụ động trong lớp chỉ ngồi im lặng lắng nghe hoặc chép bài.

Mặt khác điều đáng buồn là sinh viên càng ngày càng lười. Trong lớp các em lười phát biểu và trong hoạt động nhóm các em cũng lười làm việc. Sinh viên không chủ động phân công công việc cho các thành viên trong nhóm dẫn đến rất nhiều em luôn ỷ lại vào các bạn, không tham gia hoặc tham gia rất ít nhưng lại muốn được hưởng điểm cùng các bạn. Sinh viên không chủ động phân công công việc.

2.8. Việc thời gian trung bình mỗi ngày sinh viên dành cho việc học ở nhà

Qua khảo sát có 13.4% sinh viên trung bình dành ra 1 giờ cho việc học ở nhà, 37.8% sinh viên trung bình dành ra 1-2 giờ, 24.4% sinh viên trung bình dành ra 2-3 giờ, 18.3% sinh viên trung bình dành ra 3-4 giờ và chỉ có 6.1% sinh viên trung bình dành hơn 4 giờ.

Việc học theo tín chỉ cũng đòi hỏi người học phải có nhiều thời gian tự học, cứ 1 giờ trên lớp sinh viên phải thực hiện 2 giờ học tương ứng ở nhà. Như vậy với 4 giờ học trên lớp sinh viên phải giành ra khoảng 8 giờ tự học tại nhà. Tuy nhiên đa số sinh viên giành thời gian tự học ở nhà rất ít. Với lượng thời gian tự học ở nhà như vậy chắc chắn không thể nào hiểu tốt được những nội dung cần học.

3. Các ý kiến đề xuất nhằm nâng cao tính ý thức học tập của sinh viên

3.1. Nâng cao ý thức tự học tại nhà của sinh viên

Bản thân mỗi sinh viên phải ý thức học là học cho mình hơn ai hết bản thân sinh viên phải tự mình học hỏi trang bị thêm kiến thức. Các em phải tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập. Vì nếu không có đủ kiến thức các em khó có thể làm việc khi ra trường. Bên cạnh đó vai trò của giảng viên trong việc giúp các em nhận thức được điều này. Giảng viên nên thường xuyên nhắc nhở, hoặc hình thành giúp các em ý thức tự học thông qua việc thường xuyên giao bài tập về nhà, bắt buộc các em tìm hiểu các thông tin liên quan đến môn học.

3.2. Phát huy vai trò của cố vấn học tập trong việc lập kế hoạch học tập cho sinh viên

Các cố vấn học tập phát huy vai trò của mình. Các thầy cô tạo điều kiện cho sinh viên gặp gỡ, trao đổi thông tin và hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch học tập đặc biệt là những trường hợp sinh viên học vượt.

Bên cạnh đó các cố vấn học tập có thể bắt buộc các em sinh viên phải lập kế hoạch học tập mỗi học kì và phải kiểm tra. Đặc biệt cố vấn học tập theo dõi sát sao đối với các em sinh viên bị rớt môn học để giúp các em có kế hoạch học tập phù hợp để trả nợ môn và theo kịp tiến độ học.

3.3. Tạo cảm hứng học tập cho sinh viên

Ngoài giờ trên lớp, sinh viên phải tự mình học và tìm hiểu thêm các kiến thức có liên quan đến môn học. Một số sinh viên cho biết môn học nào em thấy thích thú trong học tập thì em mới chủ động tìm hiểu thêm. Do đó cách giảng dạy lôi cuốn, sinh động, áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực trên lớp của giảng viên sẽ giúp cho sinh viên thêm yêu thích môn học và sẽ có thêm động lực tìm hiểu thêm những thông tin, tài liệu có liên quan

3.4. Có chính sách khuyến khích sinh viên tích cực phát biểu, xây dựng bài

Giảng viên cần tạo không khí nhẹ nhàng, vui tươi, sôi động trong lớp học để sinh viên có cảm giác gần gũi, ít áp lực để khuyến khích ở các em sự tự tin phát biểu. Bên cạnh đó giảng viên nên khuyến khích sinh viên tích cực phát biểu thông qua chính sách cho điểm cộng cá nhân hay điểm cộng nhóm (đối với bài tập nhóm)

4. Kết luận

Ý thức tự học luôn là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng học tập của sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy đa phần sinh viên khoa Quản trị kinh doanh xác định được mục đích học tập, biết được chương trình đào tạo và chương trình môn học. Tuy nhiên phần lớn các em không thường

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

xuân lập kế hoạch học tập, dành quá ít thời gian tự học tại nhà, ít chủ động tìm tài liệu thông tin có liên quan đến môn học và chưa tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài. Do đó để nâng cao ý thức học tập của sinh viên thì bản thân mỗi sinh viên phải tích cực, chủ động sáng tạo trong việc học tập của mình; mỗi giảng viên phải tâm huyết trong giảng dạy và tạo điều kiện, hướng dẫn sinh viên trong từng môn học và mỗi cố vấn học tập cần sát sao trong việc theo dõi kế hoạch học tập của sinh viên nhằm hướng dẫn, giúp đỡ các em trong tiến trình học tập của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Giải pháp nâng cao ý thức học tập của sinh viên Khoa Kế toán - Tài chính - Ngân hàng Trường Đại học Công Nghệ TPHCM, Trần Thị Thu Thảo, Nguyễn Thị Nguyệt Nga, Huỳnh Thị Kim Tuyền
2. Một số biện pháp tăng cường khả năng tự học cho sinh viên khi học theo học chế tín chỉ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ở Trường Cao đẳng sư phạm Nghệ An, Phạm Thanh Vinh, Tạp chí Giáo dục số 434
3. Nhận thức về học tập của sinh viên Trường Đại học Hoa Sen, Nguyễn Dục Anh, PGS. TS. Nguyễn Thị Tứ, Tạp chí khoa học Đại học Sài Gòn

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC TẬP TỐT NGHIỆP CHO SINH VIÊN KHOA
QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM**

Hà Minh Phước

TÓM TẮT

Hoạt động thực tập cho sinh viên là hoạt động hết sức cần thiết để sinh viên quan sát, ứng dụng, tập làm những công việc thực tế tại các đơn vị, so sánh giữa lý thuyết học tập trong nhà trường với công việc thực tế tại cơ quan, doanh nghiệp để sinh viên trao đổi, vận dụng, học hỏi thêm từ thực tế nhằm nâng cao được kiến thức cho mình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hiện nay hầu hết hoạt động thực tập của sinh viên chỉ mang tính hình thức, không đáp ứng được yêu cầu, ý nghĩa làm cho chất lượng đào tạo chưa thực sự hiệu quả. Bài viết này đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực tập của sinh viên khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công thương TP.HCM nhằm giúp sinh viên có nhiều thuận lợi trong quá trình đi thực tập.

1. Đặt vấn đề

Thực tập là một học phần không thể thiếu đối với mỗi sinh viên dù ở bất kỳ ngành học nào bởi những lợi ích mà quá trình thực tập này mang lại cho sinh viên. Để thu hẹp khoảng cách giữa chương trình đào tạo và thực tiễn làm việc, đồng thời giúp sinh viên vận dụng các lý thuyết đã học vào thực tập. Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên có cơ hội được cọ xát với môi trường làm việc cụ thể, được áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế công việc, có cơ hội chứng tỏ bản thân với đơn vị thực tập và có cơ hội tìm được việc làm ngay khi kết thúc đợt thực tập. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được hướng dẫn cách làm, cách viết một báo cáo khoa học; biết cách tư duy, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tế. Đây là cơ hội tốt để sinh viên học hỏi và tích lũy kinh nghiệm cho công việc sau này cũng như phục vụ cho quá trình học tập ở các bậc học cao hơn.

Những năm qua, khoa Quản trị kinh doanh trường cao Đẳng Công thương TP.HCM luôn chú trọng quan tâm và không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng thực tập tốt nghiệp cho sinh. Tuy nhiên không phải bất cứ sinh viên nào sau khi hoàn thành quá trình thực tập tại đơn vị, mang về một báo cáo tốt, đạt được điểm số cao cũng đồng nghĩa với việc sinh viên đó đã thực sự trải qua môi trường thực tế doanh nghiệp, có cơ hội áp dụng các kiến thức đã học và sẽ không ngỡ ngàng khi cầm tấm bằng tốt nghiệp để đi tìm việc làm. Trên thực tế, tỷ lệ sinh viên tìm được nơi thực tập thật sự hiệu quả là rất thấp. Xuất phát từ thực trạng này, cùng với mong muốn được giúp khoa và nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo cũng như giúp sinh viên gắn kết nhiều hơn nữa giữa lý thuyết và thực tế, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực tập tốt nghiệp của sinh viên Quản trị kinh doanh trường cao Đẳng Công thương TP.HCM gắn với thực tiễn.

2. Thực trạng thực tập tốt nghiệp của sinh viên khoa Quản trị kinh doanh trường cao Đẳng Công thương TP.HCM

Tại khoa Quản trị kinh doanh trường cao Đẳng Công thương TP.HCM hiện nay, trong quá trình học tập, sinh viên được trải qua kỳ thực tập (còn được gọi là thực tập tốt nghiệp) có thời gian dài thường kéo dài khoảng 2 tháng, được tiến hành sau khi sinh viên đã được đào tạo hoàn chỉnh về kiến thức chuyên môn trong nhà trường, đã chuẩn bị tâm lý cho việc tốt nghiệp, chuẩn bị đi làm thực sự, do đó kỳ thực tập này có ý nghĩa rất quan trọng đối với cả 3 đối tượng: nhà trường, sinh viên và đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập.

Tham gia trực tiếp vào quá trình thực tập gồm 2 đối tượng, đó là sinh viên và đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập, ngoài ra tham gia gián tiếp còn có các bộ phận trong trường cao Đẳng Công

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

thương TP.HCM (gọi tắt là nhà trường) đang đóng một vai trò rất quan trọng. Trước tiên, nhà trường là nơi đào tạo, cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ sử dụng trong quá trình thực tập. Nếu những kiến thức, kỹ năng đó thiết thực, gắn liền với thực tế thì sẽ giúp sinh viên dễ dàng hơn trong quá trình tiếp cận với công việc. Ngược lại, nếu những kiến thức sinh viên nhận được trên giảng đường xa rời thực tế thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi đi thực tập, thậm chí có thể làm hạn chế tinh thần hăng say lao động, tình yêu nghề nghiệp của sinh viên. Ngoài ra, nhà trường còn là cầu nối giữa sinh viên và đơn vị tiếp nhận, thể hiện qua việc tìm kiếm những địa chỉ thích hợp để giới thiệu sinh viên tới thực tập, chuẩn bị cho sinh viên các giấy tờ cần thiết để liên hệ, hướng dẫn trước cho sinh viên một số điều cần biết khi tham gia vào công việc thực tế. Có thể nói, sinh viên thực tập thành công hay không phụ thuộc một phần lớn vào quá trình đào tạo và chuẩn bị của nhà trường dành cho sinh viên.

Mối quan hệ giữa nhà trường – sinh viên – đơn vị tiếp nhận thực tập sinh không chỉ có sự tác động một chiều. Ngược lại, về phía nhà trường cũng nhận được nhiều ích lợi từ các kỳ thực tập này. Thông qua việc hướng dẫn, kèm cặp sinh viên thực tập, các cơ quan, doanh nghiệp giúp nhà trường trang bị kinh nghiệm thực tiễn một cách tốt nhất cho sinh viên, giúp nâng cao chất lượng đầu ra. Trong quá trình sinh viên thực tập, các doanh nghiệp thường có những góp ý thiết thực về các nội dung đào tạo mà nhà trường cần bổ sung, thực sự hữu ích cho việc đổi mới chương trình đào tạo sát hơn với yêu cầu xã hội. Bản thân nhà trường thường khó nhận ra được sự “chưa phù hợp” giữa chương trình đào tạo và thực tiễn công việc sinh viên sẽ làm, do đó sự góp ý của các đơn vị, doanh nghiệp là rất cần thiết. Với sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, việc theo dõi tình hình việc làm của sinh viên sau khi ra trường và đánh giá chất lượng đào tạo sẽ dễ dàng và hiệu quả hơn. Các chương trình thực tập cũng mở ra nhiều cơ hội hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong các lĩnh vực liên quan khác như: Doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên tham quan vào công việc thực tiễn, tài trợ học bổng cho sinh viên, tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp v.v...

Đối với sinh viên, việc thực tập có vai trò quan trọng không chỉ là điểm số mà còn giúp sinh viên được tiếp cận với nghề nghiệp mà họ đã lựa chọn khi bước chân vào trường. Các hoạt động thực tiễn, thêm một lần nữa hiểu được mình sẽ làm công việc như thế nào sau khi ra trường và mình có thực sự phù hợp với công việc đó hay không. Quá trình áp dụng các kiến thức học được trong nhà trường vào thực tế công việc giúp sinh viên nhận biết được điểm mạnh, điểm yếu, tự thấy cần trang bị thêm những kiến thức, kỹ năng gì để đáp ứng nhu cầu công việc trong tương lai. Trong quá trình thực tập, sinh viên có thể thiết lập được các mối quan hệ liên quan đến nghề nghiệp của mình, điều này rất hữu ích cho sinh viên khi ra trường.

Sinh viên khoa Quản trị kinh doanh trường Cao Đẳng Công thương TP.HCM có số lượng rất nhiều, vì vậy cơ hội tìm được nơi thực tập tốt, phù hợp với chuyên ngành vẫn còn là vấn đề khó khăn. Chất lượng sinh viên thường không đồng đều. Một số doanh nghiệp ít quan tâm đến chương trình đào tạo về thực tập tốt nghiệp của sinh viên, nên các số liệu cung cấp không đầy đủ và kịp thời để sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp cũng như các tiêu luận tốt nghiệp. Không phải đơn vị sử dụng lao động nào cũng có thời gian và tâm huyết để phản ánh tình hình sinh viên thực tập một cách cặn kẽ, kỹ càng. Thường thì kết quả thực tập chỉ được thể hiện thông qua báo cáo thực tập của sinh viên và nhận xét của người hướng dẫn thực tập. Hầu hết các báo cáo, nhận xét này đều nhằm mục đích giúp sinh viên đạt điểm cao nhất có thể.

Về phía khoa trong thời gian qua cũng có nhiều chuyển biến tích cực mạnh mẽ trong việc tạo điều kiện cho sinh viên đi thực tập. Tại khoa có một số giảng viên đã hỗ trợ sinh viên đi thực tập dựa trên mối quan hệ quen biết của giảng viên là cầu nối giữa sinh viên và các cơ quan, doanh nghiệp. Khoa cũng đã chủ động đặt mối quan hệ với các đơn vị sử dụng lao động, đề nghị tiếp nhận sinh viên về thực tập. Khi các doanh nghiệp có chương trình tiếp nhận sinh viên thực tập, khoa QTKD đã giúp đỡ bằng cách tập hợp hồ sơ sinh viên, hướng dẫn sinh viên về thời gian, cách thức thực tập... Những

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

chuyển biến tích cực này khiến các chương trình thực tập tốt nghiệp của sinh viên đã được cải thiện về mặt chất lượng một cách đáng kể.

Qua tìm hiểu các khóa sinh viên thực tập về quá trình thực tập của sinh viên tác giả nhận thấy sinh viên đa phần có thái độ tích cực với quá trình thực tập. Thái độ của sinh viên trong quá trình thực tập là nghiêm túc, vì các sinh viên cho rằng quá trình thực tập sẽ giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức chuyên môn, củng cố các mối quan hệ và nâng cao kỹ năng giao tiếp, va chạm với thực tế nghề nghiệp. Bên cạnh những sinh viên tích cực đi thực tập thì cũng có những sinh viên chỉ đăng ký đơn vị thực tập sau đó đến xin dấu và không tích cực với quá trình thực tập tỏ thái độ thờ ơ, bàng quan...

Chương trình thực tập có vai trò quan trọng đối với cả nhà trường, sinh viên và các cơ quan, doanh nghiệp nhưng không phải các chương trình thực tập hiện nay được triển khai hoàn toàn có hiệu quả. Đồng thời, các cơ quan, doanh nghiệp đều không hào hứng đối với việc tiếp nhận sinh viên thực tập bởi một số nguyên nhân:

Thứ nhất: khi tiếp nhận thực tập sinh, các cơ quan phải cử người hướng dẫn thực tập, điều này khiến họ cảm thấy như công việc bị cản trở trong một thời gian.

Thứ hai: các cơ quan chưa nhìn nhận thấy lợi ích của chương trình thực tập đối với đơn vị mình nói riêng và ngành nghề, lĩnh vực hoạt động mình đang tham gia nói chung.

Thứ ba: tồn tại tâm lý không coi trọng khả năng của sinh viên thực tập.

Thứ tư: sinh viên thực tập ở một số vị trí như kế toán, nhân viên kinh doanh cũng bị e ngại sẽ tiếp xúc được với những thông tin cần bảo mật. Vì thế, thực tập sinh không được tin tưởng giao cho công việc đúng chuyên môn của mình, không được hướng dẫn làm việc. Kết quả là kỳ thực tập chỉ thành công trên giấy tờ, sinh viên không tiếp cận được với công việc, không có thêm kinh nghiệm về nghề nghiệp, thậm chí bị rơi vào trạng thái tâm lý mệt mỏi, hoang mang và thất vọng. Đây là một thực trạng rất phổ biến, tới độ nhắc tới kỳ thực tập, nhiều sinh viên đều e ngại mình sẽ trở thành một chân “quét nước, pha trà, sai vặt” tại một cơ quan, doanh nghiệp nào đó chứ không hy vọng được đối xử như một nhân viên thực tập. Điều này khiến kỳ thực tập tốt nghiệp trở thành khoảng thời gian lãng phí, chỉ mang tính hình thức mà không giúp ích gì cho cả sinh viên, nhà trường và các cơ quan, doanh nghiệp.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng thực tập cho sinh viên khoa QTKD trường Cao đẳng Công thương TP.HCM

Với những điều kiện và bối cảnh như trên, để có thể nâng cao được hiệu quả thực tập tốt nghiệp dành cho sinh viên, chúng ta cần có những giải pháp tổng thể đến từ cả ba phía: Nhà trường, Đơn vị sử dụng lao động và Sinh viên.

❖ Về phía nhà trường và khoa

Thứ nhất: để giúp sinh viên có được kỳ thực tập tốt nghiệp thành công, trước tiên nhà trường và khoa chuyên môn cần có nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của thực tập tốt nghiệp. Như đã nêu ở những phần trên, thực tập tốt nghiệp không chỉ hữu ích cho sinh viên hay doanh nghiệp mà còn có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đầu ra cho “sản phẩm đào tạo” của nhà trường. Sinh viên thực tập tốt, kiểm được việc làm sau khi ra trường có nghĩa là chất lượng đào tạo của nhà trường đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và ngược lại. Đồng thời, dựa vào kết quả thực tập của sinh viên, nhà trường có cơ sở để điều chỉnh chương trình đào tạo cho thích hợp. Chỉ khi chương trình thực tập được coi trọng thì nhà trường mới có thể phối hợp cùng các đơn vị sử dụng lao động và sinh viên để tổ chức các kỳ thực tập thành công.

Thứ hai, Nhà trường có thể thành lập một Trung tâm hỗ trợ nơi thực tập tại các Doanh nghiệp cho sinh viên. Trung tâm trước hết là nơi có thể cung cấp các nguồn thông tin cho những em sinh

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

viên khó khăn trong việc tiếp cận đơn vị thực tập. Ngoài ra, Trung tâm còn là cầu nối để doanh nghiệp phản hồi chất lượng đào tạo của Nhà trường, cũng là nơi cung cấp các ý kiến phản hồi của doanh nghiệp cho các Khoa chuyên môn.

Thứ ba: cần có kế hoạch tổ chức các chương trình thực tập cụ thể, chi tiết, chủ động liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp phù hợp với các ngành nghề trường đào tạo để làm cầu nối cho sinh viên đi thực tập. Như vậy, chúng ta có thể dự báo trước có thể lo cho sinh viên bao nhiêu suất thực tập. Đối với những sinh viên còn lại cần phải hướng dẫn cách thức đi tuyển dụng thực tập sao cho hiệu quả. Nhà trường không nên để sinh viên “tự bơi” hoàn toàn bởi không phải sinh viên nào cũng có mối quan hệ xã hội tốt, sinh viên nào cũng có thành tích học tập xuất sắc để có thể tự thuyết phục được các cơ quan, doanh nghiệp, mà sinh viên nào cũng đều cần có một nơi thực tập tốt để có thể nâng cao kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng của mình.

Thứ tư: để sinh viên thực tập tốt nghiệp thành công, điều căn bản nhất là chương trình đào tạo trong nhà trường cần được xây dựng có chất lượng, gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp. Có một thực tế là hiện nay, các đơn vị sử dụng lao động phần lớn đều phải tái đào tạo nhân viên là sinh viên mới ra trường. Kiến thức sinh viên được học trên giảng đường ít được cập nhật các tri thức mới đi liền với sự phát triển của các ngành nghề. Điều này khiến sinh viên gặp không ít khó khăn, lúng túng khi tiếp cận với công việc, nhất là trong thời gian thực tập. Nếu chương trình đào tạo quá xa rời với thực tiễn công việc, khi đi thực tập, có thể sinh viên còn cảm thấy hoang mang, thất vọng về nghề nghiệp.

Thứ năm: sau khi sinh viên nhận chỗ thực tập, nhà trường và khoa chuyên môn không nên “khoán trắng” cho đơn vị tiếp nhận sinh viên mà cần liên hệ thường xuyên với nơi tiếp nhận để tìm hiểu về tình hình thực tập của sinh viên. Như vậy, nhà trường và khoa mới theo dõi được thực chất chất lượng kỳ thực tập tốt nghiệp của sinh viên ra sao, đồng thời trong nhiều trường hợp cũng cần có sự can thiệp, điều chỉnh của nhà trường đối với sinh viên.

Thứ sáu: để biết được những hạn chế của chương trình đào tạo, nhà trường nên tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các cơ quan, doanh nghiệp. Những ý kiến này thường rất thiết thực, giúp nhà trường hiểu được nhu cầu của thị trường lao động nhằm trang bị kiến thức cho sinh viên. Có thể lấy phản hồi bằng nhiều cách như tổ chức hội thảo, làm feedback bằng bảng hỏi, hỏi chuyện trực tiếp... Mặt khác, cũng tạo được cầu nối giữa doanh nghiệp, giáo viên hướng dẫn và sinh viên.

Thứ bảy: giáo viên hướng dẫn có kế hoạch về nội dung hướng dẫn hàng tuần cho sinh viên, có lịch hướng dẫn mỗi tuần cho sinh viên để đánh giá và theo dõi tiến độ thực hiện của sinh viên kịp thời.

Về phía các đơn vị sử dụng lao động: để nâng cao chất lượng chương trình thực tập, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cần có sự phối hợp tích cực với nhà trường trong việc sẵn sàng tiếp nhận sinh viên thực tập, tạo những điều kiện tốt nhất để thực tập sinh tiếp cận với công việc, cử người hướng dẫn sinh viên thực tập tận tình, chu đáo.

Hiện tại, việc tiếp nhận sinh viên thực tập hoàn toàn dựa vào tinh thần tự nguyện của các cơ quan, doanh nghiệp dựa trên nhu cầu của doanh nghiệp hoặc mối quan hệ tốt giữa doanh nghiệp với nhà trường hoặc với bản thân sinh viên, gia đình của sinh viên. Vì vậy, chỉ có những ngành nhân lực cạnh tranh gay gắt thì các doanh nghiệp mới nhiệt tình với thực tập sinh. Còn sinh viên các ngành khác vẫn rất khó khăn trong việc tìm nơi thực tập phù hợp và hoàn thành kỳ thực tập thành công. Bởi vậy, cần phải có quy định rõ ràng về việc tiếp nhận sinh viên thực tập và đưa vào Luật Lao động. VD: Các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp có quy mô như thế nào thì mỗi năm bắt buộc phải nhận bao nhiêu sinh viên vào thực tập. Khi nhận sinh viên vào thực tập cần có bản thỏa thuận chi tiết về công việc, thời gian, thù lao... cho sinh viên thực tập. Có như vậy, cơ hội có được kỳ thực tập thành công mới rộng mở với sinh viên trong tất cả các chuyên ngành.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Về phía sinh viên: bản thân mỗi sinh viên phải nhận thức được rằng kỳ thực tập tốt nghiệp rất quan trọng đối với tương lai của họ. Vì thế, họ cần phải cố gắng hết sức mình để bắt kịp công việc, không phải chỉ để đối phó lấy một bản nhận xét tốt. Và để có thể làm việc tốt, sinh viên cần có kiến thức vững vàng. Điều này cần phải được trau dồi trong suốt quá trình học tập của sinh viên trước đó. Muốn vậy, nhà trường cần giáo dục ý thức này cho sinh viên ngay từ khi mới bước chân vào trường chứ không phải chỉ trước kỳ thực tập.

Sinh viên cũng cần có sự liên hệ, hợp tác với nhà trường trong quá trình thực tập của mình. Tự bản thân sinh viên đem kiến thức áp dụng vào thực tiễn nên họ biết kiến thức nào dùng được, chỗ nào còn chưa được đào tạo. Sinh viên cũng là một kênh thông tin tốt để nhà trường điều chỉnh nội dung giảng dạy cho sát với thực tiễn hơn.

4. Kết luận

Không phải ngẫu nhiên mà giáo dục lại có nguyên lý “học đi đôi với hành”, bởi lẽ “học” mà không “hành” thì việc “học” sẽ trở nên vô ích, việc thực hành sẽ giúp chúng ta nâng cao chất lượng của việc “học”. Nhìn chung, hoạt động thực tập là một chủ trương đúng đắn của Nhà trường vì nó tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với thực tế công việc, giúp sinh viên không những củng cố các kiến thức đã học mà còn rèn luyện tác phong làm việc và các kỹ năng mềm cần thiết khi ra trường.

Nhà trường có chủ trương đúng đắn nhưng thực hiện làm sao có hiệu quả lại cần đến một sự nỗ lực và phối kết hợp từ phía Nhà trường, từ phía doanh nghiệp và từ chính bản thân sinh viên. Bài viết đã chỉ ra thực trạng trong quá trình thực tập giữa khóa của sinh viên sinh viên khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công thương TP.HCM, qua đó, đề xuất một số thay đổi để hoàn thiện hơn quy trình thực tập theo hướng gắn liền với thực tiễn. Những đề xuất của bài viết có thể chưa thật sự là giải pháp tốt nhất nhưng tác giả cũng hy vọng những giải pháp, những đề xuất này sẽ giúp nhà trường và khoa giải quyết được một số khó khăn nhất định và nhà trường sẽ triển khai đối với sinh viên thực tập tốt nghiệp để hoàn thiện một cách có hệ thống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Thị Huệ, (2011) “Giải pháp nâng cao chất lượng thực tập của sinh viên khối ngành kinh tế”, *Kỷ yếu hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học*.

[2]. Nguyễn Thúy Phương, (2011) “Đề xuất một số biện pháp khắc phục khó khăn trong hướng dẫn sinh viên tham gia kiến tập và thực tập tốt nghiệp”, *Kỷ yếu hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học*, 2011.

[3] Võ Thúy Hằng (2021), “Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực tập tốt nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế Nghệ An”

**XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ DOANH NGHIỆP
NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH
DOANH - TRƯỜNG CĐ CÔNG THƯƠNG TP.HCM**

Ths. Ngô Thị Phương Thảo

Tóm Tắt

Với xu thế phát triển kinh tế của đất nước, ngành giáo dục đóng vai trò quan trọng nhằm cung cấp lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường. Ở đó, không thể thiếu sự hỗ trợ và đồng hành của doanh nghiệp để hệ thống các trường đại học, cao đẳng hoàn thành trọng trách một cách vẹn toàn và hiệu quả nhất. Đặc biệt, đối với sinh viên ngành QTKD, nếu được tiếp cận thực tiễn cách vận hành doanh nghiệp, phương pháp phân tích môi trường kinh doanh ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường sẽ giúp cho lực lượng quản lý rút ngắn thời gian trải nghiệm, từ đó vận hành được doanh nghiệp - tế bào của nền kinh tế - một cách thông suốt và khỏe mạnh hơn.

1. Đặt vấn đề

Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế mở ra nhiều cơ hội giao lưu với nhiều quốc gia, đa dạng ngành nghề và hình thức quản lý khác nhau, điều này đem lại nhiều cơ hội nhưng cũng mang đến không ít thách thức cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong nước. Từ thực tiễn đó đã đặt ra cho chuyên ngành xuất nhập khẩu - Khoa Quản trị kinh doanh phải đào tạo đội ngũ lao động có đầy đủ kiến thức chuyên môn, có kinh nghiệm thực tế, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Việc liên kết giữa sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh với doanh nghiệp là một bước quan trọng trong tiến trình đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực đủ vững về chuyên môn, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1 Thực trạng đào tạo tại Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM và mối liên kết với doanh nghiệp.

Tỷ lệ thất nghiệp của cử nhân, thạc sĩ, lực lượng lao động đã qua đào tạo đang ở con số khá cao trong khi các doanh nghiệp lại đang “khát” nguồn nhân lực trình độ cao là vấn đề bức bối đặt ra cho những người làm công tác giáo dục. Trường học là nơi đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao bao gồm về tư duy ngành nghề, kỹ năng chuyên môn, thái độ, kỷ luật lao động, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp vv... Và tất cả những nội dung được đào tạo này phải phù hợp và đáp ứng với yêu cầu việc làm mà doanh nghiệp đang cần. Do vậy, để nâng cao chất lượng tại trường học cần có sự hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp để nhà trường xây dựng phương pháp luận, kiến thức đáp ứng đúng thực tiễn. Tuy nhiên, hoạt động này gặp không ít trở ngại và khó khăn.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng trong ngành xuất nhập khẩu, trong nhiều năm thực hiện nhiệm vụ, Khoa luôn đảm bảo ổn định tổ chức đội ngũ giảng dạy, số lượng sinh viên tham gia học tập và chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo. Khoa cũng mong muốn thường xuyên cập nhật chương trình và nội dung giảng dạy nhằm phục vụ theo yêu cầu phát triển của doanh nghiệp, giúp sinh viên sau khi ra trường có việc làm đúng chuyên ngành đạt tỷ lệ cao. Khoa cũng đã xây dựng chương trình đào tạo dựa trên sự đóng góp ý kiến của doanh nghiệp, chuyên gia ngành nghề thông qua các buổi hội thảo Dacum, thẩm định chương trình đào tạo.

Việc liên kết đào tạo giữa các trường đại học và doanh nghiệp là mối liên kết xuất phát từ lợi ích của cả 2 bên. Các trường đại học luôn muốn đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu của xã hội, trong đó có các doanh nghiệp. Để tạo được sự liên kết giữa sinh viên và doanh nghiệp thì mối quan hệ này trước hết xây dựng trên những vấn đề mà doanh nghiệp đặt ra. Các doanh nghiệp luôn đòi hỏi sinh viên khi ra trường phải có năng lực về chuyên môn, hiểu sâu rộng về ngành nghề đã chọn và có kinh nghiệm thực tiễn cũng như các kỹ năng xã hội. Đối với các doanh nghiệp nước ngoài thì phải thông thạo ngoại ngữ. Yêu cầu này đặt ra cho Khoa QTKD tìm ra những giải pháp để kết nối doanh nghiệp với nội dung bài học nhằm hỗ trợ sinh viên trang bị nền tảng tốt trước khi hòa nhập vào lực lượng lao động chung của xã hội.

2.2 Một số đề xuất tăng cường mối quan hệ giữa Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM và doanh nghiệp.

Thứ nhất, vấn đề đặt ra đó chính là làm thế nào để sinh viên có được những trải nghiệm thực tế trong quá trình học tập. Cơ hội này chỉ có được khi sinh viên được đến tham quan, học hỏi tại doanh nghiệp thông qua hoạt động thực tập hiệu quả tại doanh nghiệp. Như vậy trong kế hoạch hàng năm, ngoài việc tổ chức những buổi học tập sinh hoạt thực tế tại doanh nghiệp, Khoa QTKD có thể xây dựng kế hoạch để sinh viên tham gia các hoạt động do doanh nghiệp tổ chức như lễ ra quân chào bán sản phẩm, hội nghị khách hàng, tham gia các sự kiện, hội chợ ngành nghề để có sự gắn kết giữa sinh viên với doanh nghiệp. Như vậy, giữa Khoa QTKD và doanh nghiệp cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ, ở đó DN sẽ phản hồi đòi hỏi thực tiễn và lý luận, từ đó Khoa QTKD sẽ đổi mới kiến thức, cập nhật phương pháp giảng dạy nhằm đảm bảo chất lượng tốt nhất cho sinh viên, giúp rút ngắn khoảng cách giữa năng lực làm việc của người học với nhu cầu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, giúp sinh viên có kỹ năng, thái độ, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong làm việc nghiêm túc. Trong quá trình sinh viên tiếp cận với doanh nghiệp, thầy cô hướng dẫn cố gắng hướng sinh viên phải học hỏi được 3 yếu tố quan trọng đó là kỹ năng về con người, kỹ năng về nhận thức, kỹ năng về chuyên môn.

Thứ hai, cần tăng cường mối quan hệ giữa cựu sinh viên của Khoa ra trường hiện đang làm việc trong các doanh nghiệp. Đây là cầu nối vững chắc nhất để kết nối giữa Khoa và người đã đi làm.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM"

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề giữa người đang học và cựu sinh viên để có sự thấu hiểu, nắm được những điểm mạnh, những yêu cầu cấp thiết của thị trường làm việc, tìm được tiếng nói chung nhằm đáp ứng nguồn nhân lực đủ mạnh để sản xuất ra những sản phẩm tốt nhất, phục vụ cho xã hội thúc đẩy nền kinh tế nước nhà phát triển vững chắc. Xây dựng kênh kết nối để cựu sinh viên có thể chia sẻ kiến thức ngành nghề, cơ hội việc làm, thực tiễn nhu cầu xã hội...

Thứ ba, xây dựng mối quan hệ hợp tác đào tạo giữa doanh nghiệp và nhà trường. Sự thật trong mối hợp tác này, hầu hết doanh nghiệp còn thờ ơ và chưa quan tâm đến việc nuôi dưỡng nguồn nhân lực, bên cạnh đó, trường học chưa cho thấy được lợi ích mà doanh nghiệp có được khi kết nối với nhà trường. Khoa QTKD có thể bắt đầu từ việc hợp tác với các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhân sự bán thời gian. Về phía Khoa, sẽ tuyển chọn những bạn sinh viên có tố chất, kỹ năng tốt và tham gia đào tạo để có thể thực hiện được những nhiệm vụ bán thời gian. Về phía doanh nghiệp, cung cấp cụ thể những yêu cầu mà người lao động bán thời gian cần phải có để nhà trường đào tạo, đồng thời tuyển dụng đội ngũ lực lượng sinh viên tham gia các công việc bán thời gian.

Thứ tư, bổ sung các kỹ năng làm việc có sự tham gia đào tạo của doanh nghiệp. Khoa QTKD tổ chức những buổi hội thảo hoặc những buổi nói chuyện chuyên đề định hướng nghề nghiệp và chia sẻ kỹ năng cho sinh viên. Khoa sẽ mời doanh nghiệp chia sẻ về các vị trí việc làm sinh viên có thể đảm nhận sau khi ra trường, và các yêu cầu về kỹ năng và chuyên môn mà từng công việc đặt ra. Hướng dẫn sinh viên cách rèn luyện và trau dồi các kỹ năng, chuyên môn cần thiết. Từ đó, giúp sinh viên Khoa QTKD có tầm nhìn xa và rộng, kết nối được với thực tiễn và những ý kiến cá nhân. Xây dựng được sự khát khao và niềm tin với mục tiêu đặt ra. Đồng thời, lắng nghe những bài học kinh nghiệm từ các doanh nhân, sinh viên cũng học được cách chấp nhận thất bại, giữ được tinh thần vững để tiếp tục bước tiếp và đón nhận thành công trong sự khiêm tốn.

3. Kết luận

Việc đào tạo, cung ứng nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội không chỉ là nhiệm vụ của trường học mà còn là sự chung tay của xã hội của doanh nghiệp. Tăng cường mối quan hệ này giúp cho sinh viên trải nghiệm thực tế trong các doanh nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, tạo điều kiện cho sinh viên kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, giúp người học bước vào môi trường làm việc với tâm thế tự tin nhất. Từ đó, người học sẽ trở thành lực lượng lao động nòng cốt, đem lại nhiều lợi ích và góp phần phát triển doanh nghiệp. Kinh nghiệm của hầu hết các nước đang phát triển trên thế giới, mối quan hệ chặt chẽ giữa doanh nghiệp và nhà trường chính là tế bào làm nên sự thành công những quốc gia tiên tiến.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng
Công Thương TP. HCM"

TÀI LIỆU KHAM THẢO

1. Nguyễn Hồng Vân (2020), Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch theo hướng kết nối giữa doanh nghiệp và nhà trường tại Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, *Tạp chí giáo dục số đặc biệt* kỳ 2 tháng 5/2020, tr. 254-257.
2. Trần Thu Hương (2007), Đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao cho tỉnh Đồng Nai, *Tạp chí giáo dục số đặc biệt* T12/2019, tr59-64.
3. Website: <https://giaiphaptuyensinh.com/lien-ket-dao-tao-giua-nha-truong-va-doanh-nghiep/>
- 4.Website:<https://gdnn.edu.vn>